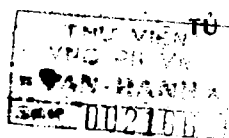
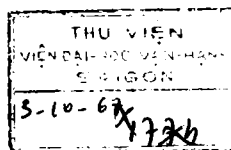


ĐẠI-PHƯƠNG-QUẢNG
VIÊN-GIÁC

TU-ĐA-LA LIỄU-NGHĨA KINH

BẢN DỊCH
của
HUYỄN-CƠ
đúng bản
PHẬT-ĐÀ-LA

IN LẦN THỨ BA



TỦ SÁCH PHẬT-HỌC

0698
26.1.73

LỜI GIỚI-THIỆU
của Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-CHÂU

Tôi trân-trọng giới-thiệu cùng quý-vị Phật-tử, quý-vị trí-thức một Kinh quý-giá của Đạo Phật.

Đó là Kinh VIÊN-GIÁC.

Kinh Viên-Giác là kinh cao nhất, quý nhất trong kho-tàng kinh-luận vĩ-đại của Phật-Giáo. May-mắn cho nước Việt-Nam ta, đã xuất-hiện một vị tam-tạng Pháp-sư là Huyền-Cơ, tu-chứng rất cao.

Ngài đã dịch kinh Viên-giác sang tiếng Việt. Thế là Chính-Pháp được rục-rở ở nước Việt-Nam.

Nay giáo-sư Tuệ-Quang lại dịch sang Pháp-văn.

Chính-pháp lại có cơ tràn-lan sang thế-giới Âu-Tây, tràn-lan khắp thế-giới.

Ước mong kinh này sẽ được dịch sang Anh-văn và nhiều ngoại-ngữ khác, để Chính-pháp được rục-rở, và để tiếng nói của nước Việt-Nam được nhân-loại biết tới.

Nhờ thế, bao chúng-sinh sẽ thành Phật, và nước ta cũng góp một phần không nhỏ vào công-nghiệp xây-dựng văn-hóa tương-lai của nhân-loại.

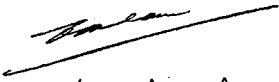
Tôi mong các Phật-tử nên chân-thành nghiên-ngẫm kinh Viên-giác. Nên chuyên-tâm trì-tụng kinh này, công-đức sẽ vô-lượng.

Đây là Chính-pháp của Phật.

Phật thị-hiện ra ở cõi đời này cốt để mang giáo-lý của kinh Viên-giác truyền-bá trong nhân-loại.

Vậy tôi trân-trọng giới-thiệu « Viên-giác » cùng các Phật-tử, cùng quý-vị trí-thức xa gần.

Trân-trọng


THÍCH-TÂM-CHÂU
Saigon ngày 1-4-1964
Phật-lịch 2507

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Viên-giác là một kinh rất cao, có thể nói là cao nhất trong kho-làng kinh-điển của Phật-pháp.

Kinh này dành cho những vị Đại-bồ-Tát đã vào Địa, tu thẳng đến Cảnh-giới Phật. Kinh này toàn nói cảnh-giới Phật đã tu-chứng đến, và nói các việc tu-hành của Bồ-tát phải làm để chứng đến.

Đọc tới, ta sẽ bàng-hoàng, kinh-ngạc, không ngờ đạo Phật cao-siêu, vĩ-đại, đẹp-đẽ đến thế. Cao đẹp về tư-tưởng, cao đẹp về đức-hạnh, về tâm-hồn trong-trắng cao-quý.

Ta có cảm-tưởng như mình là con kiến, đứng trên ngọn núi cao chót-vót, bên bề rộng mênh-mông, ngơ-ngác nhìn cảnh trời bao-la, bề bao-la, vũ-trụ bao-la, mà thấy cái nhỏ-bé của mình.

Tuy-nhiên, ta có quyền học Viên-giác. Ta nên học kinh này. Ta hãy cố hiểu lấy càng nhiều càng hay. Hiểu lấy phần căn-bản của giáo-lý cao-siêu. Ta lại cố thực-hành. Tùy trình-độ ta, tùy hoàn-cảnh, ta cố tu theo một hay nhiều điều trong kinh dạy.

Thế là ta kết-đuyên với Chính-pháp, ta tập làm hạnh bồ-tát.

Đây là nói chung với trình-độ những Phật-lữ còn phạm-phu, mong cầu học.

Còn với các vị cao-lăng, đại-đức, những vị bồ-tát đã nhiều kiếp tu-hành, chắc kinh này sẽ giúp qui-vị nhiều lắm.

Kinh này chỉ thẳng chân-lý. Chỉ các lối tu-chứng tới Chân-lý.

Kinh Viên-giác làm Đạo Phật hành-diện đã có những tư-tưởng cao-lột mà loài người không thể tưởng-tượng nổi.

Nhưng về thực-tế, ai cũng có thể hiểu và thực-hành một phần nào theo kinh này, tùy trình-độ mình. Viên-giác thuộc vào loại viên-đốn, về cao, thì cao hơn cả viên-giáo, về tu, có thể tu rất chóng đến quả Phật. Cừ nường theo kinh này mà tu, sẽ thẳng đến Chân-lý.

Về vấn-đề dịch Kinh Viên-giác, thực hiếm người đủ tư-cách dịch.

Nếu muốn dịch kinh này khỏi sai-lầm, phải là một vị đại bồ-tát đã vào địa, đã nhiều kiếp tu-hành thanh-tịnh, đã nhiều kiếp gần Phật, nghe Phật giảng-day, đã thông-suốt cả đại-tạng. Hay là người có duyên, có phúc, được vị Bồ-tát như trên truyền cho, mới dịch đúng được.

Cụ Huyền-Cơ là một trong những cao-tăng, bồ-tát hiếm-có đã đủ những điều-kiện trên. Cụ đã tu-chứng cao, đã ở trong cảnh-giới định nói ra. Cụ đã « sống » trong cảnh-giới, nên lời Phật dạy trong Viên-giác, cụ hiểu rõ, nên dịch không sai.

Lại nhờ cái học bao-la của cụ bao-trùm Phật-pháp, cụ nói ra rất chính-xác, không sai, trệch.

Tôi là người có may-mắn được gặp Cụ Huyền-Cơ, sau khi đã đi nhiều nơi cầu học Pháp ở nhiều cao-tăng, và đã có căn-bản về Phật-pháp. Tôi được cụ truyền cho kinh này, được cụ vào định nói cho cảnh-giới viên-giác, nên mới biết chân giá-trị của kinh này. Nay trân-trọng giới-thiệu cùng mọi Phật-tử, mọi tri-thức, mọi người.

Ai đọc kinh này mà hiểu được, theo được, vị đó đã có rất nhiều duyên lành, kiếp trước đã tu nhiều, đã từng gần Phật.

Các Phật-tử nên công-phu tri-tụng, nghiên-ngẫm kinh Viên-giác, phúc-báo sẽ rất lớn. Cố nên thực-hành theo, chắc quả Phật cũng không xa.

Tụng kinh này, cộng-đức càng lớn lắm. Chúng tôi ước-mong các vị Phật-tử, tức là các con Phật, các bồ-tát xuất-gia hay tại-gia sẽ mở lòng truyền-bá kinh này khắp chúng sinh. Cộng-đức bộ kinh Viên-giác vĩ-đại như thế, mà ở Việt-Nam tu

may-mắn có Cụ Huyền-Cơ dịch ra Việt-Văn, dân ta được hưởng phúc lành, được có chính-pháp giải-thoát.

Chúng tôi cố-gắng dịch ra Pháp-văn đề tụng Chính-pháp ra thế-giới.

Tiếc rằng trong nhân-loại, nhiều người chưa có phúc được học, được tu kinh này, nên tôi cố tìm cách để kinh Viên-giác tràn-lan trong nhân-loại. Dịch sang Pháp-văn là có hy-vọng dịch sang Anh-văn, để Chính-pháp tràn lan khắp thế-giới lần-tiến ngày-nay.

Ước-mong chính-pháp sẽ rực-rờ mãi-mãi ở cõi đời này, cứu bao chúng-sinh khỏi bể khổ, đưa bao tâm-hồn lên cõi Phật.

VIỆN PHẬT-HỌC HUYỀN-CƠ

Xuân Giáp-Thìn, ngày 1-3-1964

TUỆ - QUANG



TỰA

Bộ kinh Viên-giác này thuộc về loại kinh cao. So theo tứ-giáo và nói theo phân-biệt thì nó cao hơn Viên-giáo. Nó không những là bao hết tứ-giáo như gương trong sáng, gặp vật gì cũng hiện rõ, lại còn trên các cở phân-biệt của tứ-giáo. Nó không thuộc phạm-vi phân-biệt, nó là hiện-lượng không danh-từ.

Thầy rằng ông Thánh-Thán giải bộ Tây-sương-ký mà bộ này được nổi tiếng ; phần tôi thừa Phật-lực cũng là một kỹ-thuật trong khi dịch bộ kinh cao và khó để cho ai xem cũng hiểu.

Có một điều mà tôi còn ân-hận thay cho những người chưa quen xem lời dịch đi sát với chính-văn, nên thầy vẫn hơi khô, và cần phải suy-nghĩ. Muốn cho được tròn, tôi nói lại một cách rõ-ràng cho đúng theo cở của Viên-giác.

Tôi hoàn-thành một việc để định lại chân giá-trị của Phật-Pháp, lấy lại cở không hữu vô, chân vọng v.v...

Có thể nói rằng : « Viên-giác là Chân-lý ».

Ngày 12 tháng 10 năm Tân-Mão tại Hà-Thành
(10-11-1951)

THÍCH-HUYỀN-CƠ

KINH VIÊN-GIÁC

(ĐẠI-PHƯƠNG-QUẢNG TU-
ĐÀ-LA LIÊU-NGHĨA KINH)

ĐỜI ĐƯỜNG, NƯỚC KẾ-TẦN,
SA-MÔN PHẬT-ĐÀ-LA DỊCH
RA TIẾNG TRUNG - HO▲

KINH VIÊN-GIÁC

(ĐẠI-PHƯƠNG-QUẢNG TU-ĐA-LA LIÊU-NGHĨA KINH)

ĐỜI ĐƯỜNG, NƯỚC KÊ-TẤN, SA-MÔN
PHẬT-ĐÀ-ĐA-LA DỊCH RA TIẾNG TRUNG-HOA

Viên-giác : Giác-địa thanh-tĩnh
của chúng-sinh.

Chính tôi được thân nghe : Một khi Thề-tôn vào Tam-muội (chính định : samādhi), thân-thống đại-quang-minh tạng ; tất-cả chư Phật quang-nghiêm trú-trì ; chính là chỗ giác-địa thanh-tĩnh (suddha) của chúng-sinh, thân tâm vắng-lặng, bản-tế bình-đẳng (samatā) viên-mãn mười phương ; không theo hai món tùy-thuận ; ở cảnh không hai mà hiện ra các tịnh-độ ; cùng với chúng Bồ-tát lớn mười vạn người. Những vị lớn như là : Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi, Bồ-tát Phổ-hiền, Bồ-tát Phổ-nhân, Bồ-tát Kim-cương-tạng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thanh-tĩnh-tuệ, Bồ-tát Uy-đức-tự-tại, Bồ-tát

— Gia-địa thanh-tĩnh của chúng sinh : vắng-lặng, bình-đẳng, viên-mãn, không tương-đối, ở cảnh không hai mà hiện ra các tịnh-độ. Họ xuống một tầng : ở chỗ không có lời nói mà nói.

Biện-âm, Bồ-tát Tịnh-chư-nghiệp-chướng, Bồ-tát Phổ-giác, Bồ-tát Viên-giác, Bồ-tát Hiền-thiện-thủ, v.v... đều là bực thượng-thủ, cùng với tất-cả họ-hàng đều vào tam-muội, ở pháp-hội bình-đẳng của Như-lai.

Khi đó, Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi ở trong đại-chúng đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

Hỏi : Nhân-địa pháp-hạnh
thanh-tịnh của Phật ?

« — Đại-bì thế-tôn ! Xin Ngài nói bản-khởi nhân-địa pháp-hạnh thanh-tịnh của Như-lai để cho chúng trong pháp-hội được nghe, và nói cho Bồ-tát ở trong Đại-thừa phát tâm thanh-tịnh, tránh xa các bệnh, để cho đời sau này, chúng-sinh muốn cầu vào Đại-thừa khỏi lạc vào đường tà ».

Nói xong, năm vóc gieo xuống đất, ăn-cần thỉnh đi, thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy, Thế-tôn bảo Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát rằng : « Quý-hóa thay ! Quý-hóa thay !

-
- Văn-thù hỏi : nhân-địa pháp-hạnh của Phật.
 - Trang này chỉ là nguyên-nhân mở đầu.
 - Nói Viên-giác là giác-địa thanh-tịnh của chúng sinh (theo nghĩa bao). Có người theo văn nhằm cho ngay là « Giác-địa thanh-tịnh của chúng sinh chính là Viên-giác ». Không phải thế ! Nó mới là cái giả-cảnh bất-sinh của Viên-giác, nhưng không ra ngoài Viên-giác, nên dịch-giả hoặc theo nghĩa bao mà nói « Viên-giác là Giác-địa thanh-tịnh của chúng-sinh ».

Thiện-nam tử ! Như các ông mới có thể hỏi **Nhân-địa pháp-hạnh** của **Như-lai** cho các vị **Bồ-tát** và chúng sinh muốn cầu **Đại-thừa** về đời **mạt-pháp**, nắm lấy **chính-pháp**, khỏi bị **tà - kiến**. Ông lắng tai nghe, tôi sẽ nói cho ông rõ.

Khi đó, **Bồ-tát Văn-thù** **Sư-lợi** vâng lời **Phật**, **hoan-hỷ**, và **đại-chúng** **yên-lặng** nghe.

Phật trả lời : **Viên-giác** là gốc của **chân-như**, **bồ-đề**, **nát-bàn**, **ba-la-mật**... và của **vô-minh**. **Nhân-địa** **bôn-hạnh** của **Phật** cũng là do **tướng** **thanh-tịnh** của **Viên-giác**, không còn **vô-minh**.

« — **Thiện-nam tử !** **Bực Pháp-vương** vô **thượng** có **pháp-môn** **Đà-la-ni**, gọi là **Viên-giác**; ở **đấy** mà **ra** **tất cả** **thanh-tịnh**, **chân-như**, **bồ-đề**, **nát-bàn** và **ba-la-mật** để **trao** cho **Bồ-tát**. **Cái bản-khởi nhân-địa** của **tất cả** **Phật** cũng **đều** do **tướng** **giác** **thanh-tịnh** **tròn đủ** **soi khắp**, **dứt dứt** **vô-minh**, mới **thành** **đạo** **Phật**.

-
- **Văn-thù** **tiếng** **phạm** là **Manjus'ri**.
 - **Người** **làm** **sách** **tả** **lại** **các** **quy-lễ** **giữa** **Phật** **và** **đại-chúng**.
 - **Phật** **trả** **lời** **câu** **hỏi** **của** **ông** **Văn-thù** **rằng** : « **Phật** **có** **pháp-môn** **tổng-tri** **gọi** **là** **Viên-giác**. **Trong** **đấy** **có** **tất cả** **chân-như**, **thanh-tịnh**, **bồ-đề**, **nát-bàn**, **ba-la-mật** **để** **trao** **cho** **Bồ-tát**. **Chúng** **ta** **cũng** **có** **thể** **thêm** **rằng** : « **Trong** **đấy** **còn** **có** **những** **môn** **để** **trao** **cho** **Thanh-văn**, **chúng-sinh**, **và** **có** **tất cả** **vô-minh** **và** **những** **cái** **của** **ngiệp** **chúng-sinh**. **Tóm** **lại**, **tất** **những** **cái** **ở** **trong** **Viên-giác** **đều** **là** **những** **cái** **đối-đãi** **vốn** **không** **hề** **sinh** **ra**, **thì** **cũng** **không** **có** **đâu** **mà** **mất** **đi**. »

Vô-minh : nhận bốn đại giả-hợp
 làm thân, bóng-dáng hư-dối của
 sáu trần làm tâm.

— Sao gọi là vô-minh ?

— Thiện-nam tử ! Tất-cả chúng-sinh từ trước đến nay theo các môn điên đảo, cũng như người mê-lắm, bốn phương đều quay đổi, nhận lầm bốn đại làm tướng của thân mình, cái bóng-dáng sáu-trần làm tướng của tâm mình cũng như người con mắt bệnh thấy hoa đốm giữa hư-không và mặt trăng thứ hai.

— Thiện - nam tử ! Hư-không không có hoa. Người bệnh lầm chấp ; vì lầm chấp cho nên không những là lầm cái tự-tính của hư-không, và cũng lầm cái chỗ hoa sinh thực. Cũng bởi cái lầm ấy, cho nên mới bị luân-hồi sinh tử. Như thế gọi là vô-minh.

Vô-minh không có thực thể.

Thiện - nam tử ! Cái vô - minh ấy không phải thực có thể. Như người trong khi chiêm

- Xuống một từng nữa, nhận bốn đại làm thân, bóng-dáng sáu trần làm tâm, thì cũng không nhận được chân-như, bồ-đề..., mới là những danh-từ tương-dối, hưởng nhận được Viên-giác.
- Hư-không không có hoa, người con mắt đỏ lăm lăm có hoa. Chúng-sinh là người đang ở trong nghiệp chúng-sinh, cũng như là người trong khi mắt đỏ. Khi mắt đỏ thì thấy hoa-đốm, khi mang nghiệp chúng-sinh thì thấy tất cả cảnh-giới của chúng-sinh. Mất hết bệnh thì không còn thấy hoa, hết nghiệp người không còn có sinh-tử, luân hồi, không có thân tâm chịu sinh-tử.

bao, không phải là không có, mà đến khi tỉnh thì là không có.— Như cái hoa-đốm ở hư-không, tan mất ở hư-không, không thể nói là có cái chỗ tan mất. Vì Sao? — Không có chỗ sinh ra.

Luân-hồi sinh-tử : ở chỗ không sinh,
nhằm thấy là có sinh diệt.

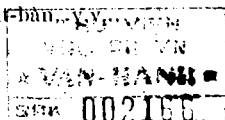
Tất cả chúng sinh ở trong chỗ không sinh, nhằm thấy là có « sinh diệt », vì thế nên gọi là sinh-tử luân-hồi.

Biết là như hoa-đốm thì không
luân-hồi.

— Thiện-nam tử! Cái nhân-địa Như-lai tu Viên-giác, biết đó là hoa-đốm ở hư-không, thì không luân-hồi, cũng không có thân-tâm chịu sự sinh-tử. Không phải là không làm ra mới gọi là không, bản tính của nó là không. Cái người hiểu-biết nó cũng như là hư-không. Người biết hư-không, tức là cái tướng của hoa ở hư-không; cũng không có thể nói là không có tính hiểu-biết; có và không cũng đều bỏ.

Thế gọi là tùy-thuận theo Viên-giác.

— Khi chiêm bao, cảnh chiêm-bao không phải là không có; đến khi tỉnh thời có đầu! Khi mang nghiệp người thì đủ cảnh nghiệp người, đến khi hết nghiệp thì có đầu! Sinh-tử, nát-bàn, phiền-não, bỏ-đề đều là vọng-cảnh của nghiệp người. Viên-giác vốn không có sinh-tử, Nát-bàn nhưng mang nghiệp phân-biệt mà ngộ thì là có thực; nên có thể nói một cách hàm-hỗ rằng (theo thể bao), Viên-giác là gốc của sinh-tử, bỏ-đề, nát-bàn, phiền-não.



Thuận theo Viên-giác thì có, không,
đều bỏ. Nhân-địa pháp-hạnh như
cái tính của pháp-giới hoàn toàn
viên-mãn, khắp mười phương.

— Vì sao thế? — «Vì cái tính của hư-không thường không động. Ở trong Như-lai tạng cũng không có khởi, không có diệt, không có hiểu-biết, như cái tính của pháp-giới hoàn-toàn viên-mãn khắp cả mười phương. Đấy gọi là nhân-địa pháp-hạnh».

— Bỏ-tất nhân đó, ở trong Đại-thừa phát tâm thanh-tịnh, và chúng-sinh đời mạt-thế theo đó tu-hành, không bị tà-kiến.

Khi đó Thế-tôn, muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng:

Văn-thù ông nên biết,
Cái nhân-địa căn-bản,
Tất cả chư Như-lai
Đều do Trí-tuệ giác,
Rõ thấu cái vô-minh
Biết nó như hoa-đốm
Nên khỏi bị luân-hồi.
Và như người chiêm bao
Khi tỉnh không còn nữa.
Người giác như hư-không
Bình-đẳng không lay chuyển,
«Giác» khắp mười phương cõi

— Thuận theo tính giác thời có, không, cũng đều phải bỏ, có hư-không, có hoa-đốm ở hư-không, biết đó là hoa-đốm, cái hiểu biết. Không có thân - tâm chịu luân - hồi, sinh-tử v.v...

**Tức được thành quả Phật.
Các huyễn không chỗ diệt
Thành đạo cũng không có.
Vì bản-tính viên-mãn.
Bồ-tát ở ngay đây
Phát tâm Đại bồ-đề
Chúng-sinh đời mạt-thế
Tu theo khỏi tà-kiến.**

∴

1,2,3,4. — Có vị sư tên là Buddhāyas'as, Tầu phiên-âm là Phật-đà-da-la. Ông là người ở Bắc Ấn-độ, nước Kashdīr, Tầu phiên-âm là Ca-thấp-di-la hoặc là Kê-Tân, sang chùa Bạch-mã ở Thán-đô (nước Tầu) đời nhà Đường (theo Ngài Đạo-thuyền là năm Trường-thọ thứ 2 (693 kỷ-nguyên) dịch bộ kinh Viên-giác ở đây.

5 — Thê-tôn tiếng Phạm là Bhagavant. Tầu phiên-âm là Bà-già-bà, một hiệu trong mười hiệu của Phật. Một bậc tôn-quí trong đời.

6 — Tam-muội, tiếng Phạm Samādhi: nghĩa là chính-định. Vào Tam-muội là nhập định.

7 — Theo bộ Viên-giác trực-giải thì thần-thông đại-quang-minh-tạng là Thường-tịch-quang độ, là chỗ pháp-y, thân-y. Tạng thần-thông đại-quang-minh là bí-mật tạng quang-minh trang-nghiêm của chư Phật, là giác-địa thanh-tịnh của chúng-sinh.

— Bài kệ này nói lại nghĩa ở trên.

Đoạn này, Bồ-tát Văn-thù sư-lợi hỏi nhân-địa pháp-hạnh của Phật. Phật trả lời: Nó cũng như cái tính của pháp-giới, hoàn-toàn viên-mãn, khắp mười phương, không sinh không diệt. Nói tóm lại không có phần sinh-diệt ô-trọc, vọng-động, chỉ có phần thanh-tịnh, viên-dung chân-thực, đối-đãi với vô-minh, đều ở trong Viên-giác.

- 8 — Tịnh-độ : cõi nước thanh-tịnh.
- 9 — Bản-khởi : là gốc sinh ra.
- 10 — Tà-kiến : hiểu biết sai lầm, không đúng với lẽ phải.
- 11 — Đại-chúng : chúng đông và chính-đôn.
- 12 — Pháp-vương vô-thượng : chỉ Phật là vị chú-pháp cao-cả trên hết.
- 13 — Đà-la-ni : tiếng phạn là Dhāraṇi, thu-nhiếp tất cả, và có nhiều nghĩa. Có khi gọi là thần-chú.
- 14 — Chân-như : tiếng Phạn là Tathatā, chân-thực, không động.
- 15 — Bồ-đề : tiếng Phạn là Bodhi, thương-xót cứu-vớt chúng-sinh.
- 16 — Nát-bàn : tiếng Phạn là Nirvana, hoàn-toàn tịch-diệt.
- 17 — Ba-la-mật : tiếng Phạn là Pāramita, sang bờ giác.
- 18 — Lắm hướng kia ra hướng nọ.
- 19 — Đất, nước, gió, lửa là bốn đại.
- 20 — Sắc, tiếng, hương, mùi, chạm, pháp là sáu trần.
- 21 — Con mắt đau.
- 22 — Khi con mắt bệnh thì thấy hoa-đốm ở hư-không.
- 23 — Lầy ngón tay chồng khoe con mắt mà ngó mặt trắng, thì thấy có 2 mặt trắng, không phải là mặt trắng chính, là mặt trắng thứ hai.
- 24 — Tự-tín : tiếng Phạn là Svabhāva.
- 25 — Khi chiêm bao thấy có.
- 26 — Đây bản tính nó vốn không, không phải không làm ra mới gọi là không.
- 27 — Hư-không : trong kinh Phật có ý chỉ cái khoảng không, chẳng có gì cả.
- 28 — Như-lai-tạng : Như-lai-tạng có hai nghĩa :
 - 1) Nếu nói Như-lai là Phật thời là kho-tàng bí-mật của Phật, chỉ nguyên vẹn thể chân-như thanh-tịnh.
 - 2) Nếu nói như-lai là pháp thời có thể hiểu theo hai nghĩa :
 - a) — Nghĩa hẹp thì chỉ về thể như-như không sinh-diệt.
 - b) — Nghĩa rộng thì bao cả chân-như môn, sinh-diệt môn.Khi nào Phật nói chữ Như-lai-tạng là Phật cô ý dùng theo nghĩa rộng. Sau này các nhà dịch-giả hoặc theo chỗ hiểu của mình mà hạ thấp xuống, thành-thứ hậu-học thầy trái nhau. Điều này nên để ý.

CHÍNH - TÔN

==●==

MƯỜI CHƯƠNG CHIA NĂM PHẦN

**Phần thứ nhất : Chỉ chỗ chân tu cho người
thượng căn, chia làm hai : một là đốn, hai là tiệm.**

∴

**Đồn tu
chia
làm ba**

- | | |
|-------------------|---|
| 1— | Phồ-hiền hỏi : Khi đó Bồ-tát Phồ-Hiền ở trong đại-chúng. |
| 2— | Thầy trò xướng ý : Khi đó Phật bảo Phồ-Hiền... |
| 1— Trường
hàng | 1 — Trả lời chung : Thiện-nam tử, các
huyễn-hóa của... |
| | 2 — Trả lời riêng : |
| | — Nghi thứ 1 : Cái tâm huyễn của
chúng sinh... |
| | — Nghi thứ 2 : Đối với huyễn mà
nói rằng giác... |
| | — Nghi thứ 3 : Thiện-nam tử : Tất
cả Bồ-tát... |
| | — Dụ : Ví như xát lấy lửa... |
| | 3 — Trả lời tổng-kết : Thiện-nam tử ! Biết
huyễn tức phải ly ngay... |
| | 1 — Nếu tụng : Khi đó, Thế-tôn muốn nói
lại nghĩa này... |
| | 2 — Chính tụng : |
| | — Tụng hỏi chung : Phồ-Hiền ông nên
biết... |
| 2— Tụng
kệ | — Tụng hỏi riêng : Huyễn là do giác
sinh... |
| | — Tụng hỏi tổng kết : Giác không có
thứ lớp... |



Khi đó, Bồ-tát Phổ-Hiền ở trong đại-chúng, đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay, bạch Phật rằng :

Hỏi : Nghe cảnh-giới Viên-giác
thanh-tịnh làm thế nào mà tu-
hành ?

« — Đại-bi Thế-tôn ! Xin Ngài nói cho các chúng Bồ-tát trong hội và chúng-sinh muốn tu Đại-thừa đời mạt-pháp, nghe cảnh-giới Viên-giác thanh-tịnh rồi, làm thế nào tu-hành ?

— Thế-tôn ! Nếu chúng-sinh biết được là như huyền thì thân-tâm cũng huyền, làm thế nào lấy cái huyền mà tu cái huyền được ?

Còn như cái tính huyền hết, thì không có tâm, lấy gì mà tu-hành ? — Làm sao lại nói là tu-hành như huyền ?

Thứ-bực tu-hành đề dứt hẳn các
huyền-hóa.

Còn như chúng-sinh không tu-hành, ở trong sinh-tử thường sống theo huyền-hóa,

-
- Phổ-Hiền hỏi Phật : Làm thế nào đề tu hành Viên-giác ? Thân-tâm đều là huyền, thì làm thế nào lấy huyền mà tu huyền được ? Như không còn huyền thời không còn tâm, lấy gì mà tu-hành, mà gọi là tu-hành như huyền ? Còn nếu không tu-hành, thì làm thế nào thoát được vọng-tướng điên-đảo.
 - Đã nói rằng thân-tâm đều là hư-dối huyền-hóa thì, làm thế nào mà tu được Viên-giác, và cách-thức tu-hành thế nào đề diệt-trừ huyền-hóa.
 - Phổ-Hiền tiếng phạm là Samantabhadra,

mà không biết cảnh-giới như huyễn, thì làm sao ra khỏi vọng-tướng điên-đảo. Xin Phật vì chúng sinh-đời mật-thể, phương-tiện nói thứ-bực tu-hành để dứt hẳn các huyễn.

Nói xong, nắm vốc gieo xuống đất, ăn-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Phật trả lời : Các huyễn - hóa của chúng sinh do tâm Diệu-giác viên-mãn của Phật.

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Phổ-Hiền rằng : Quý-hóa thay ! Quý-hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mật-thể mà hỏi Như-lai cách tu « Tam-muội như huyễn » của Bồ-tát, phương-tiện thứ lớp, để cho chúng-sinh dứt hẳn các huyễn.

Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông.

Bồ-tát Phổ-Hiền vâng-lời Phật hoan-hỷ, và các người trong đại-chúng đều yên-lặng nghe.

— Thiện-nam tử ! Các huyễn-hóa của chúng-sinh do tâm Diệu-giác viên-mãn của Như-lai, cũng như hoa-đốm ở hư-không, do hư-không mà có, bái hoa-đốm như huyễn tuy diệt, mà tính của hư-không vốn không hủy-hoại.

Cái tâm huyễn của chúng sinh cũng theo huyễn mà diệt. Các huyễn diệt hết, tâm giác không động.

— Hoa-đốm ở hư-không, do hư-không mà có. Hoa-đốm diệt rồi, hư-không vẫn nguyên. Huyền-hóa ở tâm Diệu-giác, do Diệu-giác mà có. Các huyễn-hóa diệt, tâm-giác không động.

Đối huyễn nói giác, là «giác»
tương-đối.

Đối với huyễn mà nói rằng «giác» thì cũng gọi là huyễn. Nếu như nói có «giác», cũng chưa ly được «huyễn». Còn nói: «không giác» thì cũng như thế. Vì vậy cho nên huyễn diệt, thì gọi là «không động».

Viễn-ly các huyễn đến chỗ không
còn ly được, thế là hết huyễn.

— Thiện-nam tử! Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt-thế, phải xa tất cả cảnh-giới hư-dối huyễn-hóa, là vì cố-chấp cái tâm viễn-ly. Cái tâm như huyễn cũng phải viễn-ly. «Cái viễn-ly đó là huyễn» cũng phải viễn-ly.

-
- Câu : «Các huyễn-hóa của chúng-sinh do tâm Diệu-giác viên-mãn của Như-lai phải đem ghép luôn thí-dụ dưới để hiểu cho khỏi lầm.
 - Hoa-đốm ở hư-không, cũng như cái huyễn-hóa của chúng sinh, ở tâm Diệu-giác viên-mãn của Như-lai. Hư-không không quyết-định phải có hoa-đốm, cũng như Diệu-giác của Như-lai không quyết-định phải có huyễn-hóa của chúng-sinh. Hư-không vốn không sinh, hoa-đốm sinh ra, hoặc diệt mất, là việc của hoa-đốm, việc của mắt đỏ, không can gì đến hư-không. Huyễn-hóa của chúng-sinh còn hay hết, là việc của nghiệp chúng-sinh, không có can gì đến Diệu-giác.
 - «Giác» để đối với «huyễn», thì «giác» đó mới là «giác» tương-đối, cũng có thể gọi là giác của «huyễn». Giác còn là tương-đối, huống là «không giác».
 - Bồ-tát, chúng-sinh đời mạt thế, phải ly cảnh huyễn, tâm như huyễn, cái ly như huyễn cũng phải viễn ly, cái viễn ly cũng phải ly, cứ thế mà ly... cho đến chỗ không còn ly được, thì các huyễn hết.

Lý cái «viễn», lý cái «huyền», cũng phải «viễn-lý».

Đến cái chỗ không còn lý, thế là trừ các huyền.

Vì như xát lấy lửa, hai miếng gỗ xát nhau thì lửa sinh. Hễ lửa ra, thì gỗ cháy. Hễ tro bao thì khói hết. Dùng huyền mà tu huyền thì cũng như thế.

Các huyền tuy là hết, mà không bị đoạn-diệt.

Hết huyền mà không lạc về đoạn
diệt. Biết là huyền thì lý ngay,
không thác một phương-tiện
nào cả.

— Thiện-nam tử! Biết huyền tức phải lý ngay, không dùng phương-tiện. Lý huyền tức là giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế theo đó mà tu-hành, thì lý được các huyền.

Khi đó, Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này, đọc bài kệ rằng :

**Phổ-hiền, ông nên biết,
Tất cả loài chúng-sinh,
Vô-minh huyền vô thủy,
Đều là do cái tâm
Viên-giác của Như-lai,**

— Huyền hết, mà không bị đoạn-diệt : trừ huyền đã không theo lối tiêu-cực đoạn-diệt, có thể nói là theo lối chuyển « huyền » thành « giác ». « Huyền » che « giác », tẩy hết « huyền » thì « giác » viên-mãn, khỏi lạc về đoạn-diệt tà-kiến.

Như hoa ở hư-không,
 Do không mà có tướng,
 Hoa ở hư-không diệt,
 Hư-không cũng không động.
 «Huyễn» là do «giác» sinh,
 «Huyễn» hết, «giác» viên-mãn.
 Tâm giác không động-lay.
 Như chư vị Bồ-tát,
 Và chúng-sinh mạng-thể,
 Thường viên-ly các huyễn,
 Các huyễn đều trọn ly.
 Như lửa ở gỗ sinh,
 Gỗ cháy hết, lửa hết.
 «Giác» không có thứ lớp,
 Phương-tiện cũng như thế.

— Bài kệ nói lại nghĩa trên.

Đoạn này, Bồ-tát Phổ-hiền hỏi cách-thức tu-hành để diệt-trừ các huyễn-hóa. Phật chỉ phương-pháp trừ huyễn, bằng cách viên-ly thân-tâm hư-huyễn, rồi lại viên-ly cái «viên-ly» hư-huyễn, cứ thế cho đến không còn viên ly được. Huyền hết, giác tròn sáng. Cho nên nói các huyễn-hóa của chúng-sinh là do cái Tâm Diệu-giác viên-mãn của Phật.

Trước khi hỏi câu này, Phổ-hiền hỏi Phật : Cảnh-giới Viên-giác như thế, làm thế nào mà tu-hành được. Vì không có thân-tâm, không lấy gì để tu, mà thân-tâm là huyễn hóa, lấy huyễn mà tu huyễn thì làm thế nào tu-hành được Viên-giác. Phật bảo : Cái hư-huyễn vốn không có thực, mà nhận cho là có thực, rồi lại cố-chấp cái tâm viên-ly, nên Phật bảo viên ly cái tâm viên ly, có biết viên ly, viên-ly cái viên-ly, cho đến khi không còn cái gì để viên ly. Cứ thế mãi... một ngày kia, sẽ đến chỗ toàn giác, và dần-dà sẽ đến Viên-giác.

Khi đó Bồ-tát Phổ-Nhân ở trong đại-chúng đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay, bạch Phật rằng :

Hỏi : Suy nghĩ thế nào ? Giữ gìn thế nào ? Chúng sinh chưa ngộ có phương-tiện gì để cho tỏ ngộ ?

— Đại-bi Thế-tôn ! Xin Ngài nói cho các chúng Bồ-tát trong hội, và chúng-sinh đời mạt-thế rõ cách tu-hành thứ lớp của Bồ-tát. Suy-nghĩ thế nào ? Giữ-gìn thế nào ? Chúng-sinh chưa ngộ, có phương-tiện gì để cho tỏ ngộ ?

Thế tôn ! Như chúng-sinh không có phương-tiện chính-dáng, suy-nghĩ chính-dáng, nghe Phật nói Tam-muội này, tâm sinh mê-muội thì không thể ngộ được Viên-giác.

Xin Phật từ-bi, tạm nói phương-tiện cho chúng tôi và chúng-sinh đời mạt-thế.

Nói xong, năm vóc gieo xuống đất, ân-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Phổ-nhân rằng : Quý-hóa thay ! Quý-hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế, mà hỏi Như-lai cách tu-hành thứ-lớp, suy-nghĩ, giữ-dìn, cho đến tạm nói các

— Bồ-tát Phổ-nhân hỏi Phật : Cách thức tu-hành thứ-lớp của Bồ-tát : Suy-nghĩ thế nào ? Giữ-dìn thế nào ? Chúng sinh chưa ngộ, có phương-tiện gì để cho tỏ ngộ ?

thứ phương-tiện. Ông lắng-tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông.

Bồ tát Phổ-nhân vâng lời **Phật**, hoan-hỷ, và các người trong đại chúng yên lặng nghe.

Trả lời : Suy-nghĩ thế này : Thân tôi là do bốn đại giả-hợp mà có.

Thiện-nam tử ! Bồ-tát mới học và chúng sinh đời mạt-thế, muốn được tâm Viên-giác thanh-tịnh của Như-lai, phải chính-niệm tránh xa các huyễn. Trước hết, theo cái hạnh Xa-ma-tha của **Phật**, giữ-gìn giới-cấm, ở trong đồ chúng, ngồi yên ở nhà tịnh-thất, thường nghĩ rằng :

Thân của tôi đây do bốn đại hòa-hợp, nghĩa là : tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, v.v... đều thuộc về đất ; bọt dãi, máu-mủ, mồ-hôi, nước mắt, tinh-khí, đại tiện, tiểu-tiện đều thuộc về nước ; hơi nóng thuộc về lửa ; lay-động thuộc về gió. Bốn đại phân ly thì thân này ở chỗ nào ? Cho nên biết thân này hoàn-toàn không có thể, hòa-hợp mà có tướng, không khác gì huyễn-hóa.

-
- Ngẫm nghĩ rằng : Bốn đại giả-hợp làm thành thân này. Nếu trả địa-dại (đất) cho đất, trả thủy-dại (nước) cho nước, trả hỏa-dại (lửa) cho lửa, trả phong-dại (gió) cho gió, thì không còn thân nữa.
 - Bốn đại giả-hợp phát sinh ra sáu căn, thì 6 căn cũng là hư-vọng.

Bốn duyên giả hợp, vọng sinh ra sáu căn; sáu căn, bốn đại, trong ngoài hợp thành, mà có ảnh duyên, rồi nhóm hợp lại, hình như có tướng duyên, giả danh là tâm.

Tâm huyền-hóa do sáu trần.

Thiện-nam tử ! Tâm hư-dối này ra ngoài sáu trần thì không có ; bốn đại phân chia thì không còn trần. Thế thì duyên trần thành ra không có, mà tâm duyên cũng không còn nữa.

Thiện-nam tử ! Cái thân huyền-hóa của chúng-sinh diệt, thì cái tâm huyền-hóa diệt.

Cái huyền-hóa diệt, cái không
huyền-hóa không diệt.

Cái tâm huyền-hóa diệt, thì trần huyền-hóa diệt. Trần huyền-hóa diệt, thì cái huyền-hóa-diệt cũng diệt. Huyền-hóa-diệt diệt, mà cái không huyền-hóa thì không diệt. Ví như lau gương soi, bụi hết thì sáng rõ.

Thiện-nam tử ! Thân-tâm đều là huyền-hóa như-đục, cái tướng như-đục diệt hết, mười phương thanh-tịnh.

-
- Sáu căn, bốn đại, trong ngoài hòa-hợp mà hình như có tâm. Tâm do sáu căn, bốn đại mà có, thì là cái tâm hư dối.
 - Tất cả những cái do tâm hư-dối lập thành, là những cái huyền-hóa, đều theo công-lệ tiêu diệt.
 - Thân, tâm huyền-hóa đều diệt. Trần huyền-hóa cũng diệt, cái huyền-hóa-diệt cũng diệt. Tóm lại căn, trần, thức đều diệt, cái diệt cũng không còn.

Ngọc ma-ni trong sạch, ánh ra năm
sắc, người ngu-si cho là ngọc
ma-ni có 5 sắc.

**Thiện nam tử ! Ví như bảo - châu ma-ni
thanh-tịnh ánh ra năm sắc, theo mặt ngọc
mà hiện, mà người ngu-si thấy ngọc ma-ni
thực có năm sắc.**

Tính Viên-giác trong-sạch hiện ra
thân-tâm, người ngu-si cho là
Viên-giác có thân-tâm, cho nên
không bỏ được Huyền-hóa.

**Thiện-nam tử ! Tính thanh-tịnh Viên-giác
hiện ra thân-tâm, theo loại mà có. Người
ngu-si nói : « Viên-giác thanh-tịnh thực có
như thế. Tự-tướng của thân-tâm cũng lại y
như thế ; cho nên không thể bỏ được huyền-
hóa. Vì vậy tôi nói : « Thân-tâm là huyền-hóa
nhơ-đục ; đối-trị tránh bỏ thân-tâm huyền-
hóa nhơ-đục thì gọi là « Bồ-tát ». Nhơ-đục
hết, thì đối-trị cũng bỏ, không còn đối-trị
nhơ-đục và cái tên gọi.**

— Ngọc ma-ni trong sạch, ánh ra 5 sắc theo mặt mà hiện.
Người ngu-si không biết cho là ma-ni thực có 5 sắc. Tính
viên-giác trong-sạch hiện ra thân-tâm, theo loại mà có.
Người ngu-si không biết, nói là Viên-giác thực có thân
tâm. Một khi đã cho rằng thực có thân tâm, thời không
bỏ được huyền-hóa. Vì thế nên Phật bảo phải bỏ huyền-
hóa nhơ-đục ấy, bỏ luôn cả đối-trị và danh-từ.

Huyễn-hóa hết, Viên-giác sẽ hiện
tiền.

Thiện-nam tử ! Các Bồ-tát đó và chúng-sinh đời mạt-thế, chứng được hình ảnh huyễn-hóa-diệt. Khi đó được hư-không vô-biên, toàn phương thanh-tịnh, Viên-giác sẽ hiện tiền. «Viên-giác tròn sáng, thì hiển tâm thanh-tịnh. Tâm thanh-tịnh, thì kiến-trần thanh-tịnh.

Viên-giác tròn sáng thì thân-tâm
thanh-tịnh, căn-trần thanh-tịnh.

Kiến thanh-tịnh thì con mắt thanh-tịnh. Con mắt thanh-tịnh thì cái biết của con mắt (nhãn-thức) thanh-tịnh. Cái biết thanh-tịnh thì văn-trần (tiếng) thanh-tịnh. Văn (nghe) thanh-tịnh, thì lỗ tai thanh-tịnh. Lỗ tai thanh-tịnh thì cái biết của lỗ tai (nhĩ-thức) thanh-tịnh. Cái biết thanh-tịnh thì giác-trần thanh-tịnh. Thanh-tịnh như thế... cho đến lỗ mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như thế cả.

-
- Hình ảnh huyễn-hóa diệt, thì hư-không vô-biên, hoàn-toàn trong sáng hiện, lúc đó Viên-giác sẽ hiện-tiền.
 - Viên-giác tròn sáng hiển cái tâm trong-sạch, tâm trong-sạch thì con mắt thấy trong-sạch, con mắt thấy trong-sạch thì con mắt trong-sạch, con mắt (nhãn-căn) trong-sạch thì cái biết của con mắt (nhãn-thức) trong-sạch...
 - Cái thấy cảnh, con mắt thấy.

Thiện-nam tử ! Con mắt thanh-tịnh thì sắc-trần thanh-tịnh. Sắc thanh-tịnh thì tiếng trần (thanh-trần) thanh-tịnh. Hương, vị, xúc, pháp cũng lại y như thế.

Sáu trần thanh-tịnh thì bốn đại thanh-tịnh.

Thiện - nam tử ! Sáu trần thanh - tịnh thì địa-đại thanh - tịnh. Địa-đại thanh - tịnh thì thủy đại thanh-tịnh. Hỏa-đại, phong-đại cũng lại y như thế.

4 đại thanh-tịnh thì 12 xứ, 18 giới,
25 cõi thanh-tịnh, cho đến 10 lực,
4 món không sợ-hãi, 4 trí không
ngại 18 không chung, 37 trợ
đạo... 84.000 đà-lo-ni đều
thanh-tịnh.

Thiện-nam tử ! Bốn đại thanh-tịnh thì 12 xứ, 18 giới, 25 cõi đều thanh-tịnh. Vì thanh-tịnh cho nên 10 lực, 4 món không sợ hãi, 4 món trí không quải-ngại, 18 pháp không chung của Phật, 37 phẩm trợ đạo đều thanh-tịnh.

-
- Ở trong cảnh chân, thì tất cả đều chân, ở trong cảnh vọng, thì tất cả đều vọng.
 - Cái biết của con mắt (nhãn-thức) trong-sạch, như thế cho đến lỗ tai (nhĩ-căn), nghe tiếng (thanh-trần), biết của lỗ tai (nhĩ-thức), lỗ mũi (tỵ-căn), ngửi hương (hương-trần), biết của lỗ mũi (tỵ-thức), lưỡi (thiệt-căn), nếm mùi (vị-trần), biết của lưỡi (thiệt-thức), thân (thân-căn), chạm thân (xúc-trần), biết của thân (thân-thức), ý (ý-căn), pháp-trần, biết của ý (ý-thức), trong sạch (thanh-tịnh).

Như thế cho đến tám vạn bốn nghìn pháp-môn đà-la-ni, tất cả đều thanh-tịnh.

Tướng chân-thực, tính nó thanh-tịnh
thì ... thân thanh-tịnh.

Thiện-nam tử ! Tất cả tướng chân-thực tính nó là thanh-tịnh, thì một thân thanh-tịnh. Một thân thanh-tịnh thì nhiều thân thanh-tịnh. Nhiều thân thanh-tịnh... như thế cho đến 10 phương chúng sinh « Viên-giác thanh-tịnh ».

Thế-giới thanh-tịnh.

Thiện-nam tử ! Một thế-giới thanh-tịnh thì nhiều thế-giới thanh-tịnh. Nhiều thế-giới thanh-tịnh... như thế cho đến suốt cả hư-không, tròn khắp ba cõi, tất-cả đều bình-đẳng thanh-tịnh không động.

-
- Căn, trần, thức trong-sạch (thanh-tịnh) thì bốn đại : đất, nước, gió, lửa trong sạch, 12 xứ , 6 căn, 6 trần ; 18 giới : 6 căn, 6 trần, 6 thức ; 25 cõi trong sạch... cho đến 10 lực. 4 món không sợ hãi, 4 món tri không ngại, 18 pháp không chung, 37 phẩm trợ đạo, 84.000 pháp-môn đà-la-ni đều trong sạch (thanh-tịnh).
 - Tất cả tướng chân-thực đều trong-sạch, thì một thân trong-sạch, một thân trong-sạch thì nhiều thân trong-sạch... cho đến 10 phương chúng sinh Viên-giác trong-sạch.

Hư-không thanh-tịnh.

Thiện-nam tử ! Hư-không mà bình-đẳng không động, thì tính Viên-giác bình-đẳng không động. Bốn đại bình-đẳng không động, thì tính Viên-giác bình-đẳng không động... như thế cho đến tám vạn bốn nghìn pháp-môn đà-la-ni bình đẳng không động, thì biết tính Viên-giác bình-đẳng không động.

Tính Viên-giác bình-đẳng không
động thì bốn đại.. cho đến 84.000
pháp-môn đà-la-ni bình-đồng
không động.

Thiện-nam tử ! Tính Viên-giác đầy khắp thanh-tịnh không động, tròn-sáng không giới-hạn thì biết sáu căn đầy khắp pháp-giới. Sáu căn đầy khắp thì sáu trần đầy khắp pháp-giới. Sáu trần đầy khắp thì bốn đại đầy khắp pháp-giới... như thế cho đến pháp-môn đà-la-ni đầy khắp pháp-giới.

-
- Một thế-giới trong-sạch thì nhiều thế-giới trong-sạch... cho đến suốt cả hư-không bình-đẳng, trong-sạch, không động.
 - Hư-không bình-đẳng không động thì tính Viên-giác bình-đẳng không động. Bốn đại bình-đẳng không động thì tính Viên-giác bình-đẳng không động... như thế cho đến 84.000 pháp-môn đà-la-ni bình-đẳng không động, thì tính Viên-giác bình-đẳng không động.

Tính viên-giác đầy khắp pháp-giới
thì 6 căn, 6 trần, 4 đại, cho đến
pháp-môn đà-la-ni đầy khắp pháp-
giới.

**Thiện-nam tử : Vì tính Diệu-giác tròn
khắp nên tính căn, tính trần không có hoại,
không có tạp... Căn, trần không hoại... như
thế cho đến pháp-môn đà-la-ni không có
hoại, không có tạp... như trăm nghìn cây
đèn soi chiếu một nhà, thì ánh-sáng đầy
khắp, không có hoại, không có tạp.**

Thành-tựu tính giác, Bồ-tát không bị
pháp buộc, không cầu pháp cởi,
không nhàm sinh tử, không mến
Nát-bàn, không kính người tri-
giới, v.v... vì tất cả là tính giác.

**Thiện-nam tử ! Đã thành-tựu được tính
giác thì Bồ-tát không bị pháp buộc, không**

-
- Tính Viên-giác đầy khắp pháp-giới không động, thì 6 căn, 6 trần, 4 đại đầy khắp pháp-giới không động... như thế cho đến pháp-môn đà-la-ni đầy khắp pháp-giới không động.
 - Đoạn này có ý nói là thân, thế-giới, hư-không, 6 căn, 6 trần, 4 đại... cho đến 84.000 pháp-môn đà-la-ni đều là đầy khắp pháp-giới, trong-sạch, bình-đẳng, không-động, cũng như tính Viên-giác.
 - Thành-tựu được tính Viên-giác thì không bị pháp ràng-buộc, không cầu pháp đề cởi (giải-thoát), không nhàm-chán sinh-tử, không yêu-mến Nát-bàn, không kính người tri-giới, ghét người phá giới, trọng người học lâu, khinh người mới học, vì tất cả đều là Viên-giác.
 - Cái thể của Viên-giác như ánh-sáng, không hai, không có ghét, yêu.

cầu pháp cỡi (giải thoát), không nhằm-chấn sinh-tử, không yêu-mến Nát-bàn, không kính người trì-giới, không ghét người phá-giới, không trọng người học lâu, không khinh người mới học. Là vì sao ? Tất cả là tính giác. Ví như con mắt sáng, thấy rõ cảnh trước mắt, cái sáng ấy tròn khắp không có yêu, không có ghét. Vì sao thế ? Cái thể của sáng không hai, không có ghét, không có yêu.

Thành-tựu được tâm giác, cũng
không tu, không thành-tựu.

Thiện-nam tử ! Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế tu-tập tâm này mà được thành-tựu, thì ở nơi ấy cũng không tu, cũng không thành-tựu. Viên-giác soi khắp, tịch-diệt không hai.

Thế giới chư Phật
cũng như hoa-đốm.

Ở trong có trăm nghìn vạn ức vô-số « không thể nói » số cát sông Hằng thế-giới chư Phật, cũng như hoa-đốm ở hư-không,

-
- Bồ-tát tu-tập mà được Viên-giác thì không có tu, có thành-tựu, vì là Viên-giác soi khắp, tịch-diệt không hai, cho đến vô-lượng, vô-số, vô-biên thế-giới chư Phật cũng là hư-huyễn, hình như có sinh, có diệt.
 - Những tướng duyên sinh như huyễn, không tức, không ly, không buộc, không cỡi, cho biết chúng-sinh bản-lai là Phật, Sinh-tử, Nát-bàn là chiêm-bao ngày hôm qua.

loạn sinh ra, loạn diệt mất, không tức, không lý, không buộc, không cớ, mới biết chúng-sinh bản-lai là Phật, sinh-tử, nát-bàn cũng như chiêm-bao ngày hôm qua.

Chúng-sinh bản-lai là Phật. Sinh-tử,
Nát-bàn cũng như chiêm-bao
ngày hôm qua, không sinh ra
không diệt mất, không qua, không
lại... không có năng sở... bình-đẳng
không hoại.

Thiện-nam tử ! Phải biết : Như chiêm-bao ngày hôm qua, sinh-tử, nát-bàn không sinh ra, cũng không diệt mất, không qua không lại. — Chỗ chứng được nó cũng không được không mất, không lấy, không bỏ — Người chứng được nó, cũng không làm ra, không thôi đi, không trôi-kệ, không hủy-diệt. Ở trong chỗ chứng ấy, không năng, không sở (không chỗ chứng, không người chứng) hoàn toàn không có chỗ chứng, cũng không có

-
- Pháp-tính bình-đẳng không hoại, chúng-sinh bản-lai là Phật, sinh-tử, Nát-bàn không sinh, không diệt, không qua, không lại. Không người chứng, chỗ chứng. Người chứng được nó cũng không làm ra, không thôi đi, không trôi-kệ, không hủy-diệt. Chỗ chứng nó cũng không được, không mất, không lấy, không bỏ... không có năng, có sở.
 - Nói tóm lại, Viên-giác không còn đối-đãi, không có các tướng, không có sinh-tử, Nát-bàn, phiền-não, Bồ-đề, chân vọng v.v... Tính nó bình-đẳng chu-biến pháp-giới, không sinh, không diệt. Chúng-sinh thì thấy tất cả cảnh chiêm-bao ngày hôm qua : Sinh-tử, Nát-bàn... nhìn là thực có.

người chứng ; tất cả pháp-tính bình đẳng không hoại.

Thiện-nam tử ! Bồ-tát tu-hành như thế ấy, thứ lớp như thế ấy, suy-nghĩ như thế ấy, giữ-gìn như thế ấy, phương tiện như thế ấy, tỏ ngộ như thế ấy, cầu pháp như thế ấy, thì cũng không mê-muộn.

Khi đó, Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng :

Phổ-nhãn ông nên biết
 Tất cả các chúng-sinh
 Thân-Tâm đều như huyễn;
 Tướng thân thuộc bốn đại,
 Tâm-tính thuộc sáu trần,
 Bốn đại thể phân ly,
 Lấy đâu mà hòa-hợp.
 Tu-hành theo thứ lớp,
 Tất cả đều thanh-tịnh,
 Không động, khắp pháp-giới
 Không có làm, có thôi,
 Không trôi-kệ, hủy-diệt,
 Cũng không có người chứng.
 Tất cả thế-giới Phật

**Đều như là hoa-đổm.
Ba đời đều bình-đẳng,
Hoàn-toàn không qua lại,
Bồ-tát mới phát tâm,
Chúng sinh đời mạt-thế,
Muốn cầu vào đạo Phật
Nên theo đó tu-tập.**

Chúng-sinh mê-lầm, ở chỗ không sinh mà nhận là có sinh duyên sinh, — ở chỗ không diệt, mà nhận là có diệt, duyên tán, nên Phật mới nói là duyên sinh như huyễn. Sinh-tử, Nát-bàn... tất cả pháp đều là duyên sinh, thì tất cả là như huyễn, như chiêm bao ngày hôm qua.

Phật và chúng-sinh đều là chiêm-bao ngày hôm qua. Trong khi chiêm-bao, không thể nói là không, khi tỉnh không thể nói là có. Khi mê thời có tất cả, đến lúc tỉnh thì có gì đâu? Thế thì không phải là không có, đối với người mê. Chưa khỏi mê mà nói là không có, thì là bị hai tầng-lớp mê-lầm. Chưa khỏi luân-hồi mà nói Viên-giác, thì Viên-giác cũng bị trôi-lăn. Viên-giác không thuộc danh-ngôn tập-khí, không chân, không vọng, không hiện-hạnh chúng-sinh, không hiện-hạnh Phật. Không có chúng-tử chúng-sinh, Phật, mà có chúng-tử, hiện-hạnh Phật đối với Phật, có chúng-tử, hiện-hạnh chúng-sinh đối với chúng-sinh.

Đừng ngoài mà nói vào : thì không phải có, không phải không, không sinh, không diệt, không phải không sinh-diệt, không tức, không ly, không phải không tức không ly, không có tất cả pháp, mà chẳng pháp nào không có, có không đều không, mà không phải là không có không. Năng-sở không lập, nhân-quả không còn, mà không phải không năng-sở, nhân-quả, không phải tương-đối, tuyệt-đối, ra ngoài tương-đối, tuyệt-đối, không phải là không tương, tuyệt và ra ngoài, (xuống một tầng theo lý-thuyết). Viên-giác bình-đẳng chu-biến..

Khi đó Bồ-tát Kim-cương-tạng ở trong đại-chúng đứng dạy, đỉnh lễ chân Phật, nhiều quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

Hỏi :

- 1 — Đại-đà-la-ni Viên-giác thanh-tịnh, nhân-địa tu-hành thứ lớp.
- 2 — Nếu chúng-sinh bản-lai thành Phật, làm sao lại có các vô-minh.

« — Đại-bi Thế-tôn, Ngài đã nói cho các chúng Bồ-tát đại-đà-la-ni Viên-giác thanh-tịnh, phương-tiện thứ lớp, theo nhân-địa tu-hành, và để phát-minh cho chúng-sinh mê-muội trong pháp-hội được nhờ Phật, gạt hết huyền hóa ngăn-che, được con mắt tuệ thanh-tịnh.

Thế-tôn ! Nếu như chúng-sinh bản-lai thành Phật, làm sao lại có các vô-minh ?

-
- Phẩm này có mấy câu hỏi, mà chỉ thấy trả lời một câu « Suy-nghĩ thế nào ? » là rõ-ràng nhất. Còn hai câu sau, xem kỹ trong đây mới thấy rõ. Xem từ chỗ : « Cái thân huyền-hóa của chúng-sinh diệt » trở xuống.
 - Bồ-tát Kim-cương-tạng hỏi Phật : 1) Đà-la-ni Viên-giác thanh-tịnh ; 2) Nhân-địa tu-hành theo thứ lớp ? Và viện lẽ rằng : Nếu nói là chúng-sinh bản-lai thành Phật, làm sao lại có vô-minh. Lại nếu nói vô-minh cũng bản-lai đã có, sao Như-lai nói : bản-lai thành Phật. Nếu nhận chúng-sinh bản-lai thành Phật rồi, sau khởi ra vô-minh, thì Như-lai đến lúc nào sinh ra phiền-não.

Nếu các vô-minh ấy, chúng-sinh bản-lai đã có, thì vì lẽ gì Như-lai lại nói : « bản-lai thành Phật ». Các loài dị-sinh ở mười phương bản-lai thành Phật rồi, sau mới khởi ra vô-minh. Thế thì tất cả Như-lai đến lúc nào lại sinh tất cả phiền-não ?

Xin Phật không bỏ lòng đại-từ vô-giá, mở tạng bí-mật cho các Bồ-tát, và để cho chúng-sinh đời mạt-thế được nghe pháp-môn liễu nghĩa của khế-kinh, dứt hẳn tâm nghi hoặc».

Nói xong, năm vốc gieo xuống đất, ăn-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Kim-cương-tạng rằng : « — Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông có thể vì Bồ-tát và

-
- Đoạn trên chỗ : « Thiện-nam tử ! Bồ-tát và chúng sinh đời mạt-thế... không có tu... không thành-tựu... Viên-giác tịch-diệt không hai... không tức, không ly... mới biết chúng sinh bản-lai là Phật, Sinh-tử, Nát-bàn cũng như chiêm-bao ngày hôm qua. Theo nghĩa không hai mà nói chúng sinh bản-lai là Phật. Theo nghĩa không tức không ly mà nói chúng sinh bản-lai là Phật. Không phải theo nghĩa trước, sau, nói trước có Phật rồi sau có chúng-sinh... rồi theo tâm phân-biệt mà ngờ rằng : chừng nào Phật khởi ra vô-minh ?

chúng-sinh đời mạt-thế hỏi phương-tiện rốt-ráo, bí-mật sâu-xa của Phật. Đó là những lời giáo-huấn tối cao của Bồ-tát, đại-thừa liễu-nghĩa, để cho Bồ-tát ở mười phương tu học và tất cả chúng-sinh đời mạt-thế được cái tin quyết-định, bỏ hẳn tâm nghi-hoặc. Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông ».

Bồ-tát Kim-cương-tạng vâng lời Phật, hoan-hỷ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

Phật trả lời :

Tất cả thế-giới đều sinh, diệt, trước,
sau, có, không, hợp, tan, khởi, chỉ...
thế là luân-hồi.

Thiện-nam tử ! Tất cả thế-giới đều sinh-diệt, trước, sau, có, không, hợp, tan, khởi, chỉ, niệm-niệm nối liền, lui tới tuần-hoàn, nhận lấy, bỏ đi, thế là luân-hồi. Chưa ra luân-hồi mà nói « Viên-giác », thì tính Viên-giác cũng bị trôi-lăn, mà nói ra khỏi được luân-hồi thì không có lý. Ví như con mắt lay-động, thì nó lay luôn nước lóng-lặng, và như con mắt đứng yên, thấy đốm lửa thành vòng tròn, mây kéo mặt trăng đi, thuyền đi bờ chạy, cũng là thế cả.

Thiện-nam tử ! Chưa hết lưu-chuyển, mà

muốn vật kia đứng yên, còn không được, hưởng là vọng-tâm sinh-tử luân-chuyển, chưa hề được thanh-tịnh, xem Viên-giác của Phật mà khởi quay chuyển. Vì thế, các ông mới bị ba món nghi-hoặc.

Sinh-tử, Nát-bàn, đều là sinh ra, diệt mất.

Thiện-nam tử ! Ví như con mắt đỏ, thấy hoa đốm ở hư-không. Khi hết đỏ mắt, thì không thể nói là : Mắt đỏ đã hết, đến khi nào

-
- Phật, chúng-sinh, sinh-tử, nát-bàn, như-lai, phiền-não là hư-huyễn, như chiêm-bao ngày hôm qua, và là không hai. Đã không hai mà nhận là có hai, rồi nhận thêm là trước, là sau, thì không nhận được Phật, hiểu chúng-sinh, hưởng là nói đến Viên-giác.
 - Tất cả thế-giới (hữu-vi) đều có sinh có diệt, có trước, có sau, có, không... nhận lấy bỏ đi, thế là luân-hồi. Luân-hồi xây trên nhân-quả của thời-gian không có hạn.
 - Còn có tâm phân-biệt, còn ở trong vòng hữu-vi, thế là còn có sinh-diệt..., ở trong sinh-diệt..., thì không biết được cái không sinh-diệt. Ở trong vũ-trụ-quan động... không thấy có thường tĩnh. Con mắt lay-động thấy nước cũng động; mây kéo thấy như trắng đi; thuyền đi thấy bờ chạy...
 - Còn ở trong vọng-tưởng điên-đảo, mà muốn biết Viên-giác Phật thì thế nào được ?
 - Những cái lầm của chúng sinh : 1) Con mắt bị đỏ, thấy hoa-đốm ở hư-không; 2) Muốn hoa-đốm kết thành quả; 3) Con mắt hết đỏ thì đến khi nào mắt đỏ lại; 4) Hoa-đốm ở hư-không hết, đến khi nào lại sinh hoa-đốm.

lại sinh ra tất cả mắt đỏ ? Là vì sao ? Mắt đỏ, hoa đốm hai món ấy không đợi nhau có. Cũng như hoa đốm ở hư-không, khi nó không còn ở hư-không, thì không thể nói hư-không đến lúc nào lại sinh ra hoa-đốm nữa. Vì sao thế ? Hư-không vốn không có hoa, không sinh ra, không diệt mất. Sinh-tử, Nát - bàn đều là sinh ra, diệt mất, Viên-giác tròn sáng, không phải hoa đốm, mắt đỏ.

Viên-giác tròn sáng, bình-đẳng như
hư-không, không có lúc có, lúc
không.

Thiện-nam tử ! Phải biết rằng : « Hư-không không phải có lúc có, hoặc có lúc không. Hướng hồ Viên-giác tùy-thuận của Như-lai là tính bình-đẳng của hư-không.

-
- Còn phân biệt, còn hữu-vi, là còn luân-hồi.
 - Ba món nghi-hoặc là : Thừa Thế-tôn : Nếu như chúng sinh bản-lai thành Phật... sinh tất cả phiền-não. Theo như văn ở trên. Ngài Như-Sơn Đế-Nhàn v.v... cũng cho là thế. Có Ngài cho là kiến, tư và trần-sa hoặc, vì thấy có chữ 3 hoặc nên cho là 3 món hoặc.
 - Hư-không vốn không có hoa-đốm, không có sinh ra, diệt mất. Hư-không không có lúc có, lúc không. Viên-giác vốn không có sinh ra, diệt mất, không có lúc có, lúc không.

Khi đun quặng thành vàng, vàng
nguyên-chất không trở thành
quặng...

**Thiện-nam tử ! Như đun quặng vàng, vàng
y không phải vì đun mà có. Khi đã thành vàng
y, thì không trở lại thành quặng vàng. Dù
bao lâu đi nữa, tính vàng cũng không hoại.
Không nên nói rằng : « Nó vốn không thành
tự. Viên-giác của Như-lai cũng lại như thế ».**

Tâm Viên-giác của tất cả Như-lai
vốn không có Bồ-đề, Nát-bàn...

**Thiện-nam tử ! Cái tâm Viên - giác của
tất cả Như-lai vốn không có Bồ-đề và Nát-
bàn, cũng chẳng có thành Phật hay không
thành Phật, không có giả-cảnh luân-hồi và
không phải luân-hồi.**

Cảnh-giới Viên-giác của Thanh-văn :
thân-tâm đều đoạn-diệt.

**Thiện-nam tử ! Cảnh-giới Viên-giác của
Thanh-văn, thân-tâm đều đoạn-diệt, không có
khi nào thân-chứng đến được, mà hiện ra**

-
- Một khi đã nung quặng thành vàng, thì vàng không trở lại thành quặng. Chúng-sinh tu thành Phật, không khi nào Phật trở lại thành chúng-sinh.
 - Tâm Viên-giác của tất cả Như-lai không có Bồ-đề và Nát-bàn, cũng không có thành Phật hay không thành Phật ; không có luân-hồi, không luân-hồi.

Nát-bàn. Huống hồ lấy tâm suy-nghĩ mà đo-lường được cảnh-giới Viên-giác của Như-lai. Như là một đóm lửa mà đốt núi Tu-di, thì không khi nào cũng được. Do tâm luân-hồi, sinh ra cái hiểu-biết luân-hồi, mà muốn vào cái bể tịch-diệt lớn của Như-lai, thì không khi nào đến được. Vì thế nên tôi nói : « Tất cả Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế, trước hết phải đoạn căn-bản vô-thủy luân-hồi ».

Tâm luân-hồi sinh ra hiểu-biết luân-hồi. Lấy luân-hồi đè vào bể tịch-diệt lớn của Phật, thì không được.

Thiện-nam tử ! Suy nghĩ rằng : Cái do tâm sinh đều là duyên ảnh vọng-tưởng của sáu trần, không phải thực là thể của tâm, cũng đã là hoa-đốm ở hư-không : lấy cái suy-nghĩ ấy mà nói cảnh-giới của Phật, thì không khác gì muốn hoa-đốm ở hư-không trở lại kết thành quả ở hư-không. Vọng tưởng vẫn xoay, không thể nào được.

-
- Cảnh-giới Viên-giác của Thanh-văn khác cảnh-giới Viên-giác của Phật. Viên-giác Thanh-văn theo tâm-lượng của Thanh-văn. Viên-giác này thân-tâm đều đoạn-diệt. Không lấy tâm-lượng của Thanh-văn mà so được Phật, cũng như một đóm lửa không đốt được núi Tu-di.
 - Mang nghiệp luân-hồi mà muốn vào bể tịch-diệt của Phật, thì không được. Lấy cái suy-nghĩ mà nói cảnh-giới Phật, thì không khác gì mong hoa-đốm ở hư-không kết thành quả ở hư-không.

Thiện-nam tử ! Tâm nông-nổi hư-dối thì phần nhiều có các kiến-chấp huyễn-hóa, không thể thành-tựu được phương-tiện Viên-giác. Phân-biệt như thế không phải là lời hỏi chính đáng.

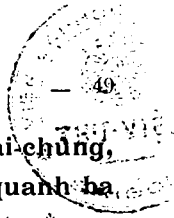
Khi đó Thễ-tôn muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng :

**Kim-cương-tạng nên biết :
Tịch-tịch-diệt của Phật,
Chưa từng có trước sau,
Nếu dùng tâm luân-hồi
Suy-nghĩ thì xoay-vấn
Chỉ đến bến luân-hồi.
Không vào bể của Phật.**

-
- Tâm nông-nổi, hư-dối thì phần nhiều chấp-trước hão-huynh nên không thành-tựu được phương-tiện Viên-giác.
 - Còn vọng-tưởng phân-biệt chớ nói đến chân-như. Còn luân-hồi, sinh-tử chớ nói Viên-giác. Hết vọng-tưởng phân-biệt thì dần-dà thấy chân-như. Hết luân-hồi sinh-tử, thì dần dà thấy Viên-giác.
Hết luân-hồi sinh-tử thì là vô sinh. Tịch-diệt vô-sinh là Nát-bàn của Thanh-văn, hoặc là Viên-giác của Thanh-văn.
— Bài kệ nói lại nghĩa trên.
 - Đoạn này Bồ-tát Kim-cương-tạng hỏi nhân-địa thứ lớp để tu Viên-giác. Phật bảo : Trước hết phải ra khỏi luân-hồi. Mà luân-hồi tức là những tướng sinh-diệt, trước, sau, có, không, v.v... Cao lên một tầng : Sinh-tử, Nát-bàn cũng là sinh ra, diệt mất... Không còn có hai tướng rồi mới bắt đầu nói đến Viên-giác.

Ví như nung quặng vàng
Vàng không đợi nung có,
Chính bản-lai là vàng
Nhờ nung mà thành-tựu.
Khi thành thể vàng ròng,
Không trở lại thành quặng.
Sinh-tử và Niết-bàn,
Phàm-phu và chư Phật
Đều là tướng hoa-đốm.
Suy-nghĩ là huyễn-hóa,
Hưởng hồ cái hư-đổi.
Rõ được tâm này rồi
Mới nên cầu Viên-giác.

∴



Khi đó, Bồ-tát Di-lặc ở trong đại-chúng, đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

Hỏi : Xin mở tạng bí-mật.

Đại-bi Thế-tôn ! Xin Ngài nói tạng bí-mật cho Bồ-tát, để cho đại-chúng hiểu sâu được luân-hồi, phân-biệt được tà chính, để cho chúng-sinh đời mạt-thế được con mắt đạo không sợ-hãi, sinh cái tâm tin quyết-định đối với Đại Nát-bàn, để khỏi trôi theo cảnh-giới luân-chuyển, khỏi cái hiểu-biết hoàn-cảnh.

Làm sao đoạn được căn - bản luân-hồi.

- 1 — Luân-hồi có mấy tính loại ?
- 2 — Theo Bồ-đề có mấy món khác nhau ?
- 3 — Vào trần-lao phải có mấy phương-tiện.

Thưa Thế-tôn ! Như các vị Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế, muốn được đi vào bể Đại-tịch-diệt của Như-lai, thời làm sao mà đoạn được căn-bản luân-hồi. Luân-hồi có mấy loại ? Tu theo Bồ-đề của Phật, có mấy món sai

-
- Bồ-tát Di-Lặc hỏi Phật như văn trên.
— Biết được tạng bí-mật thời là hiểu hẳn được luân-hồi, phân-biệt được tà-chính, không bị hoàn-cảnh xoay-chuyển và hiểu-biết hoàn-cảnh.

khác ; vào trần-lao phải có mấy món phương-tiện giáo-hóa, để độ chúng-sinh.

Xin Phật chớ bỏ tâm đại-bi cứu đời, để cho Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế muốn tu-hành, được con mắt tuệ trong-sạch, gương tâm chiếu soi để ngộ được cái hiểu-biết vô-thượng của Như-lai.

Nói xong, nắm vốc gieo xuống đất, ân-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Di-Lặc rằng :
« Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử !

Các ông có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế thưa hỏi tôi nghĩa bí-mật, sâu-xa, huyền-diệu, để cho Bồ-tát lóng sạch ton mắt tuệ, và chúng-sinh đời sau đoạn hẳn luân-hồi, tâm-ngộ tướng chân-thực, đủ pháp-nhãn vô-sinh. Ông lóng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông».

Bồ-tát Di-Lặc vâng lời Phật, hoan-hỷ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

Thiện-nam tử ! Tất cả chúng-sinh từ vô-thỉ bị các món tham-dục, ân-ái, nên mới luân-hồi. Các loài sinh bằng thai, sinh bằng

trứng, sinh ở âm-ướt, biến-hóa sinh, ở trong thế-gian, đều là do dâm-dục mà có tính-mệnh. Phải biết « ái » là gốc của luân-hồi.

Trả lời : Ái là gốc luân-hồi.

Ái-dục là nhân của sinh-tử tương-tục.

Nhân các dục-vọng giúp thêm vào mà sinh ra tính ái, vì thế mới có sinh-tử tương-tục. « Dục » nhân « ái » sinh, « mệnh » nhân « dục » mà có. Chúng-sinh « ái » — « mệnh » trở lại ỷ gốc « dục ». « Ái-dục » là nhân, « ái-mệnh » là quả.

Vì có cảnh tham-dục, nên khởi ra thuận-nghịch. Cảnh trái với tâm « ái », sinh ra ghen-ghét tật-đố, rồi gây ra các nghiệp, thế là sinh vào địa-ngục, ngã quý.

Biết « dục » nên phải tránh, theo đạo nghiệp tránh ái-dục, bỏ ác làm thiện, thì sinh làm người, làm trời.

— Tham-dục, ân-ái là gốc của sinh-tử, luân-hồi.

Ái — Dục — Mệnh — Ái-dục làm nhân, ái-mệnh làm quả.

— Chúng-sinh vì tham mà có vô-minh, tham-dục là gốc sinh ra vô-minh.

Tránh ái dục.

Biết nên phải tránh bỏ ái-dục, bỏ ái thích « xả » thì giúp thêm vào gốc ái, thì có quả thiện tăng - thượng hữu-vi, đều là luân-hồi không thành quả thánh. Vì vậy chúng-sinh muốn thoát sinh-tử, khỏi các luân-hồi, trước hết phải đoạn tham-dục và trừ khao - khát ái-dục.

Muốn khỏi sinh-tử luân-hồi thì phải
trừ tham, ái.

Bồ-tát dùng từ-bi không lấy ái-dục.

Thiện-nam-tử : Bồ-tát biến - hóa thị - hiện ở đời, không phải lấy ái làm gốc, chỉ có dùng từ-bi làm cho chúng-sinh bỏ ái - dục, tạm mượn các tham-dục để vào sinh-tử. Nếu như chúng-sinh ở đời mặt-thể mà bỏ các dục và trừ yêu-ghét, đoạn hẳn luân-hồi, cố cầu cảnh giới Viên-giác của Như-lai, như tâm được thanh-tịnh, thời là được khai-ngộ.

Do gốc tham mới có vô-minh.

Thiện-nam tử ! Tất cả chúng-sinh do gốc tham-dục mới phát-huy ra vô-minh, đề rõ năm tính sai-biệt không đồng nhau, ự hai món chướng mà hiện ra có sâu, có cạn.

Hai món chướng là gì ?

- Một là lý-chướng, ngại chỗ hiểu-biết chính.
- Hai là sự-chướng, nổi giữ sinh-tử.

Năm tính :

- 1 — Tính phàm-phu chưa diệt-trừ được 2 chướng thì chưa gọi là Phật.
- 2 — Tính nhị-thừa : trừ sự chướng, thì được Thanh-văn, Duyên-giác.
- 3 — Tính Bồ-tát : Phục được 2 chướng thì vào cảnh-giới Bồ-tát. Dứt hẳn được 2 chướng thì vào Viên-giác của Phật (đầy đủ Bồ-đề, Nát-bàn).
- 4 — Tính bát-định : Gặp thiện-tri thức dạy Bồ-đề vô-thượng của Phật.
- 5 — Tính xiên-dề : Gặp tà-kiến không ngộ chân-chính.

Năm tính là gì ?

Thiện - nam tử ! Chưa diệt-trừ được hai chướng thì chưa gọi là thành Phật. Chúng-sinh muốn xả hẳn tham-dục, trước hết chỉ trừ được sự-chướng, chưa đoạn được lý-chướng thì là chỉ ngộ được Thanh - văn, Duyên - giác, chưa tới được cảnh-giới Bồ-tát.

Thiện-nam tử ! Tất cả chúng sinh đời mạt-thế muốn bước lên bễ Đại Viên-giác của Như-lai, trước hết phải phát nguyện quyết-định

đoạn-trừ hai chương. Hai chương đã phục thì là vào cảnh-giới Bồ-tát.

Nếu như dứt hẳn được sự-chướng, lý-chướng, tức là vào được Viên-giác vi-diệu của Như-lai, đầy-đủ Bồ-đề và Đại-nát-bàn.

Thiện - nam tử ! Tất cả chúng-sinh đều chứng Viên-giác, gặp Thiện-tri - thức, nương theo nhân-địa pháp-hạnh của thiện-tri-thức mà tu tập, có khi đốn, có khi tiệm. Nếu như gặp đường chính tu-tập Bồ-đề vô-thượng của Phật, không đợi căn-cơ lớn bé, đều là thành quả Phật. Còn như chúng-sinh, tuy có cầu thiện-hữu mà gặp tà-kiến, không ngộ được chân-chính, đây là dòng-giống ngoại-đạo, tà-sư lỗi-

-
- Hiển lý 2 chương : sự-chướng và lý-chướng. Trừ sự-chướng thì thành Thanh-văn, Duyên-giác. Phục được hai chương, thì vào cảnh-giới Bồ-tát. Dứt hẳn được 2 chương thì vào Viên-giác của Phật. Viên-giác này có đủ Bồ-đề, Nát-bàn, có thể gọi là Viên-giác về phần của Như-lai, cũng như là nói : Viên-giác về phần của Thanh-văn, Viên-giác còn giới-hạn.
 - Muốn thoát khỏi sinh-tử luân-hồi thì trước hết phải đoạn trừ tham-ái. Chúng-sinh lấy tham-ái nên luân-hồi. Bồ-tát dùng từ-bi nên thị-hiện.
 - Sự thành.— Chúng-sinh có năm tính khác nhau : 1) tính phạm-phu ; 2) tính nhị-thừa ; 3) tính Bồ-tát ; 4) tính bất-định ; 5) tính xiển-đề.

**lầm, không phải lỗi của chúng-sinh. Ấy gọi là
năm tính sai-biệt của chúng-sinh.**

Bồ-tát theo đại-bi phương-tiện vào
trần-lao, thị-hiện nhiều hình-tướng
hoặc thuận hoặc nghịch, đồng
sự... đề hóa-độ chúng-sinh.

**Thiện-nam tử ! Bồ-tát dùng phương-tiện
đại-bi vào trong thế-gian để khai-phát cho
người chưa ngộ, cho đến thị-hiện ra nhiều
hình-tướng, có khi thị-hiện cảnh-giới thuận,
có khi thị-hiện cảnh-giới nghịch, hoặc là đồng-
sự, để hóa-độ cho thành Phật, đều theo nguyện-
lực thanh-tịnh vô-thủy.**

Phát nguyện thanh-tịnh của Bồ-tát :
Nguyện gặp Đại-thừa thiện-tri-
thức, đoạn các chướng, nguyện
đầy-đủ, chứng đại Viên-giác.

**Nếu chúng-sinh đời mạt-thế, đối với Đại-
Viên - giác, khởi tâm tăng-thượng, nên phát**

-
- Bồ-tát theo nguyện-lực thanh-tịnh, phương-tiện đại-bi vào
thế-gian, thị-hiện nhiều hình-tướng, có khi hiện cảnh-giới
thuận, có khi nghịch, hoặc đồng-sự, để hóa-độ chúng-sinh
thành Phật.
 - Đồng-sự theo tiếng bây giờ là cùng hàng ngũ.
 - Chúng-sinh đời mạt-thế, đối với đại Viên-giác, khởi tâm
tăng-thượng, phát nguyện lớn thanh-tịnh rằng : Tôi đời
này ở Viên-giác Phật, cầu gặp đại-thừa thiện tri-thức, y
nguyện tu-hành, đoạn-trừ các chướng, được pháp-địa
thanh-tịnh giải-thoát, chứng đại Viên-giác.

**nguyện lớn thanh - tịnh của Bồ - tát rằng :
 Nguyện tôi đời nay, ở Viên - giác Phật, cầu
 Thiện-tri-thức, không gặp ngoại-đạo và nhị-
 thừa, y nguyện tu-hành, đoạn dần các chướng.
 Chướng hết, nguyện đầy-đủ, thì lên được pháp-
 địa thanh-tịnh giải-thoát, chứng đại Viên-giác,
 cái thành diệu trang-nghiêm.**

**Khi đó Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này,
 nói bài kệ rằng :**

**Di-lặc ông nên biết,
 Tất cả các chúng-sinh.
 Không hoàn-toàn giải-thoát,
 Đều bởi lòng tham-dục
 Chìm-đắm theo sinh-tử.
 Nếu đoạn được yêu ghét,
 Cùng tham, sân và si,
 Không vì tính sai-biệt,**

-
- Đoạn này Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật cách đoạn căn-bản luân-hồi ? Luân-hồi có mấy loại ? Bồ-đề có mấy món khác nhau ? Vào trần-tục có bao nhiêu phương-tiện ? — Phật chỉ cái gốc sinh-tử luân-hồi của phàm phu là do tham-dục, Bồ-tát dùng phương-tiện đại-bi thị hiện vào sinh-tử. Sau Phật phân-biệt năm tính : tính phàm-phu, nhị-thừa, Bồ-tát, bất-định, ngoại-đạo, ác-nhân. Kế nói : Bồ-tát thị-hiện nhiều hình tướng, có thuận, nghịch, đồng-sự... cuối cùng phát-nguyện tu-hành.

**Đều được thành đạo Phật.
Hai chướng tiêu-diệt hết,
Cầu thầy được chứng-ngộ
Tùy-thuận nguyện Bồ-tát,
Y-chỉ đại Niết-bàn.**

**Mười phương chư Bồ-tát
Đều theo nguyện đại-bi
Thị-hiện vào sinh-tử.
Người tu-hành đời này
Và chúng-sinh mặt-thể
Cương-quyết đoạn ái-kiến
Quay về đại Viên-giác».**



Khi đó Bồ-tát thanh-tịnh-tuệ ở trong đại-chúng đứng dạy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay, bạch Phật rằng :

Hỏi : **Tính Viên-giác vô thượng.**

« Đại-bi Thế-tôn ! Nói rộng cho chúng tôi việc không thể nghĩ-bàn, đã chưa từng được thấy, cũng chưa từng được nghe, chúng tôi mong Phật dạy-đỗ, thân-tâm nhẹ-nhàng, được hết sức lợi-lạc.

Chúng-sinh, Bồ-tát, Như-lai, chỗ chứng, chỗ đắc, khác nhau thế nào ?

Xin Phật nói lại tính Viên-giác vô-thượng cho tất cả chúng trong pháp-hội này, tất cả chúng sinh và chư Bồ-tát, Như-lai, Thế-tôn, chỗ chứng, chỗ đắc khác nhau như thế nào, để cho chúng-sinh đời mạt-pháp nghe lời Phật dạy, thuận theo thứ-bực được khai-ngộ».

Nói xong, năm vốc gieo xuống đất, ân cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát thanh-tịnh-tuệ rằng : — « Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế cầu hỏi thứ-bực sai khác

của Phật. Ông lóng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông ».

Bồ-tát Thanh-tịnh-tuệ vâng lời Phật, hoan-hỷ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe :

Trả lời: Tự-tính của Viên-giác không phải tính mà có tính...

Ở trong thực-tướng thực không có Bồ-tát và chúng sinh.

Thiện-nam tử ! Tự-tính của Viên-giác không phải tính mà có tính, theo các tính mà khởi, không lấy, không chứng, ở trong tướng chân-thực, thực không có Bồ-tát và chúng-sinh. Là vì sao ? Bồ-tát, chúng-sinh đều là huyễn-hóa.

Huyễn-hóa diệt, không có lấy, có chứng. Ví như con mắt không tự thấy nó, tính vốn bình-đẳng, không đợi làm ra bình-đẳng.

-
- Bồ-tát Thanh-Tịnh-Tuệ xin Phật nói lại tính Viên-giác vô thượng... và thứ-bực sai-khác của Phật.
 - Phật trả lời : Tự-tính của Viên-giác không có tính sai-biệt. Nay đã theo duyên mà cho là có tính, nhưng thực ra trong tướng chân-thực không có Bồ-tát và chúng sinh, chẳng qua là hai tướng huyễn-hóa, theo duyên mà có đó thôi.
 - Một khi đã nhận Viên-giác có tính, tức là đem Viên-giác sang phạm-vi thuộc về đã thành.

Chúng-sinh nhầm-lẫn, không trừ-diệt được hết huyễn-hóa, ở trong diệt, chưa diệt, mà nhận lầm có công-dụng, nên thấy có sai-khác. Nếu được tịch-diệt tùy-thuận của Như-lai thì thực không có chỗ tịch-diệt và người tịch-diệt.

Chỗ sai khác :

Tính giác tùy-thuận của phàm-phu.

Thiện-nam tử ! Tất cả chúng-sinh từ vô-thủy đến nay, tưởng lầm cái « ta » và cái của ta thích, chưa tự biết niệm-niệm sinh-diệt, nên khởi ra thương ghét, đam trước năm món dục-vọng. Nếu gặp thiện-hữu bảo cho nhận biết (khai-ngộ) tính Viên-giác thanh-tịnh đề rõ «sinh-diệt», thì biết đời này tính tự nhọc-mỏi lo-âu. Nếu lại có người bỏ hết nhọc-mỏi lo-âu, thì được pháp-giới thanh-tịnh, thì biết rõ là tự mình chướng-ngại, cho nên mình không được Viên-giác. Đấy gọi là phàm - phu thuận theo tính Giác.

-
- Bỏ-tát, chúng-sinh đều là huyễn-hóa, huyễn-hóa hết, không có nhận lấy, không có chứng. Tính Viên-giác vốn là bình-đẳng, không phải đợi làm ra mới bình-đẳng.
 - Chúng-sinh mê-lầm không diệt được huyễn-hóa. Trong khi diệt được hoặc chưa diệt được, nhận là có công-dụng, nên thấy có sai-biệt.
 - Chúng-sinh nhận nhầm cái ta và cái sở-thích, không biết niệm-niệm đều sinh-diệt ; nên mới có thương ghét, đam trước ngũ dục. Nếu gặp người chỉ cho biết tính Viên-giác thanh-tịnh, để nhận rõ «sinh diệt», thì biết ngay là nhầm to.

Tính giác tùy-thuận của Bồ-tát chưa
vào địa.

**Thiện-nam tử ! Tất cả Bồ - tát bị kiến-giải
ngăn-ngại, tuy bỏ được ngăn-ngại về giải,
nhưng còn bị cái kiến, biết cái ngại làm ngại
nên không được tự-tại. Đây gọi là tính giác
tùy-thuận của Bồ-tát chưa vào địa (thập địa).**

Bồ-tát thường giác không có năng
và sở...

**Thiện-nam tử ! Có « chiếu » (soi) có giác
(biết) đều là chướng ngại cả. Vì thế, Bồ - tát
thường giác không trụ ở chỗ chiếu (sở chiếu)
và người chiếu (năng chiếu) đồng thời tịch-
diệt. Ví như có người cắt đứt đầu mình, đầu
đã bị đứt, không còn người cắt. Thế thì lấy
tâm ngại, tự diệt các ngại. Ngại kia đã diệt
hết, không còn người diệt ngại.**

Tính giác tùy-thuận của Bồ-tát đã
vào địa.

**Kinh giáo như ngón tay trỏ mặt trăng, khi
thấy mặt trăng thì biết rõ là chỗ trỏ hoàn toàn
không phải mặt trăng. Những lời nói của chư
Phật để dạy Bồ-tát cũng đều như thế. Đây gọi
là tính giác tùy-thuận của Bồ-tát đã vào địa.**

Tính giác tùy-thuận của Phật: Tất cả chướng-ngại là hoàn-toàn giác, niệm chính, niệm không chính đều là giải-thoát... Bồ-đề.

Thiện-nam tử ! Tất cả chướng-ngại tức là giác hoàn-toàn. Niệm chính hay là niệm không chính đều là giải-thoát. Lập được pháp hay là phá pháp, đều là Nát-bàn. Trí-tuệ, ngu-si cũng là Bát - nhã. Bồ-tát ngoại-đạo thành-tựu các pháp đều là Bồ - đề. Vô-minh, chân - như, không khác cảnh-giới. Giới, định, tuệ và dâm, nộ, si đều là phạm-hạnh. Chúng-sinh, quốc-độ đồng một pháp-tính. Địa-ngục, cung trời đều là tịnh-độ. Có tính, không tính đều thành đạo Phật. Tất cả phiền-não hoàn-toàn giải-thoát. Bề tuệ pháp-giới soi rõ các tướng cũng như hư-không. Đấy gọi là tính giác tùy-thuận của Như-lai.

-
- Tính giác tùy-thuận của phàm-phu. Tính giác tùy-thuận của Bồ-tát chưa vào địa. Tính giác tùy-thuận của Bồ-tát đã vào địa. Tính giác tùy-thuận của Phật.
 - Bồ-tát thường giác không phải có chỗ để giác ở và có chiếu soi.
 - Tính giác tùy-thuận của Phật : chướng ngại là toàn giác, niệm chính niệm không chính đều là giải-thoát. Lập pháp, phá pháp đều là Nát-bàn. Trí-tuệ, ngu-si cũng là bát-nhã... cho đến tính, không tính đều thành Phật.

Cũng như hư không. . .

Tính giác tùy-thuận

**Thiện-nam tử ! Bồ-tát và chúng-sinh đời
mạt-thế ở vào lúc nào cũng không khởi
vọng - niệm. Đối với vọng-tâm, cũng không
diệt mất. Ở trong cảnh vọng - tưởng, cũng
không thêm biết rõ. Đối với không biết rõ,
không biện chân-thực. Các chúng-sinh kia
nghe pháp-môn này, tin, hiểu, linh, giữ không
có sợ sệt. Đây là tính giác tùy thuận.**

**Thiện-nam tử ! Các ông nên biết : chúng-
sinh ấy đã từng cúng-dường trăm nghìn vạn
ức số cát sông Hằng chư Phật và Bồ-tát lớn,
đã từng vun-trồng cái gốc đức. Phật nói :
« Người ấy thành-tựu tất cả trí ».**

**Khi ấy, Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này,
nói bài kệ rằng :**

**Thanh-tịnh-tuệ nên biết :
Tròn đủ tính Bồ-đề,
Không lấy, cũng không chứng,
Không bồ-tát, chúng-sinh.**

-
- Bồ-tát chúng sinh đời mạt thế không khởi vọng niệm, không diệt vọng tâm không thêm vọng tưởng. Chúng sinh ấy đã từng cúng dàng vô số, số cát sông Hằng chư Phật và đại Bồ-tát, và đã vun giống gốc đức. Những người này sẽ thành Phật.

Giác-ngộ, chưa giác-ngộ,
 Thứ bậc có khác nhau.
 Chúng-sinh lo giải-ngại
 Bồ-tát chưa lỵ giác
 Vào địa được tịch-diệt.
 Không an-trú các tướng,
 Đại-giác đều tròn đủ,
 Gọi là tùy-thuận cả.
 Chúng-sinh đời mạt-thế,
 Tâm không có hư-dối.
 Phật nói người như thế,
 Đời này là Bồ-tát,
 Cúng-đường vô-số Phật.
 Công-đức đã đầy-đủ,
 Tuy có nhiều phương-tiện,
 Đều là trí tùy-thuận.

∴

— Bài tụng kể lại đoạn trên.

Đoạn này Bồ-tát Thanh-tịnh-tuệ hỏi Phật.

- a) Chúng sinh, Bồ-tát, Như-lai, chỗ chứng chỗ đắc khác nhau thế nào? Phật chia ra làm bốn : 1 — Tỉnh-giác tùy-thuận của phàm-phu. 2 — Tỉnh-giác tùy-thuận của Bồ-tát chưa vào địa. 3 — Tỉnh giác tùy-thuận của Bồ-tát đã vào địa. 4 — Tỉnh giác tùy-thuận của Phật.
- b) Tỉnh Viên-giác vô-thượng. — Phật nói : Tự-tính của Viên-giác không phải tỉnh mà có tỉnh, nghĩa là tự-tính của Viên-giác vốn không có tính sai-biệt, mà nay theo phân-biệt, nó có công-năng tùy duyên, nên chia có khác nhau như sau.

Khi đó Bồ-tát Uy-đức-tự-tại ở trong đại-chúng, đứng dạy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

Hỏi :

Phân-biệt tính giác tùy-thuận.

« — Đại-bì thế-tôn ! Phân-biệt cho chúng tôi tính giác tùy-thuận đó, để cho Bồ-tát tâm-giác sáng-tỏ, nhờ được tiếng tròn (viên-âm) của Phật khỏi phải tu-tập, mà được lợi-lạc yên-vui.

Thế-tôn ! Ví như ngoài cái thành lớn có bốn cửa, muốn vào cửa nào thì vào, không phải chỉ có một đường. Tất cả Bồ-tát trang-nghiêm nước Phật và chúng Bồ-đề không phải một phương-tiện ; nguyện xin Thế-tôn nói rộng cho chúng tôi tất cả các phương-

— Hỏi về tùy-thuận tính-giác, trang-nghiêm nước Phật và thành Bồ-tát không phải chỉ có một phương-tiện, và người tu-hành chung qui có mấy món ? — Đáp : Diệu-giác vô-thượng khắp cả mười phương, sinh ra Như-lai và tất cả pháp (đồng thể bình-đẳng nên Như-lai là tất cả pháp, tất cả pháp là Như-lai. Tu-hành không có hai, nhưng theo tính khác nhau, tóm lại có ba món :

a) Sa-ma-tha nghĩa là : chỉ ; b) Tam-ma-bát-đề nghĩa là : đẳng-trì, tức là quán ; c) Thuyền-na nghĩa là : tĩnh-lự. Tĩnh là chỉ, lự là quán.

tiện thứ-lớp và người tu-hành chung qui có mấy món, để cho Bồ-tát ở pháp-hội này và chúng-sinh đời mạt pháp, muốn cầu Đại-thừa, được giác-ngộ ngay và đạo chơi trong bề đại tịch-diệt của Như-lai — »

Nói xong, năm vốc gieo xuống đất, ân-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Uy-đức-tự-tại rằng : « Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế, thưa hỏi tôi phương-tiện đó. Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông — »

Bồ-tát Uy-Đức Tự-Tại vâng lời Phật, hoan-hỉ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

Trà lời : Diệu-giác vô-thượng khắp
mười phương sinh ra Như-lai và
tất cả các pháp...

« — Thiện-nam tử ! Diệu -giác vô-thượng khắp tất cả 10 phương, xuất sinh ra Như-lai và tất cả pháp, đồng thể bình-đẳng ; đối với việc tu-hành thực không có hai, phương-

tiện tùy-thuận thời là vô số, theo căn-tính khác nhau, thâu gọn lại chỉ có ba món.

Phương tiện Sa-ma-tha.

Thiện-nam tử ! Như chư Bồ-tát ngộ viên-giác thanh-tịnh, mượn cái tâm-giác thanh-tịnh mà làm cái hạnh tĩnh. Nhân lỏng-trong các niệm, biết các thức là lay-động phiền-nhiều, tuệ tĩnh sinh ra ; thân-tâm, khách trần theo đó mà diệt mất không còn, rồi lại phát ra nhẹ-nhàng, tịch-tĩnh bên trong. Nhân tịch-tĩnh, tâm của chư Phật ở 10 phương thế-giới được hiện rõ như cái bóng trong gương. Phương-tiện này gọi là Sa-ma-tha.

Phương tiện Tam-ma-bát-đề.

Thiện-nam tử ! Như chư Bồ-tát ngộ Viên-giác thanh-tịnh, làm theo cái tâm-giác thanh-tịnh, biết cái tính tâm-giác và căn-trần đều do huyễn-hóa, nên khởi ra các huyễn đề trừ huyễn-hóa. Các huyễn biến-hóa mà có các huyễn, vì khởi ra huyễn, cho nên trong phát ra đại-bi khinh-an. Các Bồ-tát theo đây lần-lữa tăng-tiến tu-hành. Người quán « huyễn-hóa » không phải là huyễn, không như cái « quán-huyễn » mới (chính) là huyễn. Lý được tướng huyễn là chỗ diệu-dụng tu-hành của

các Bồ-tát, như đất nuôi mầm (cây). Phương-tiện này gọi là Tam-ma-bát-đề.

Thiện-nam tử ! Như chư Bồ-tát, ngộ Viên-giác thanh-tịnh, lấy tâm - giác thanh-tịnh không nhận huyễn-hóa và các tướng tĩh, rõ biết thân-tâm đều là quải-ngại, không biết cái giác sáng không ỷ các ngại, vượt qua cảnh giới ngại, không ngại. Những thụ-dụng : thể-giới và thân-tâm đều ở khu vực trần-lao, như tiếng loong-coong ở trong đồ âm-nhạc, tiếng nghe ra ở ngoài.

Phương-tiện Thuyền-na,

Phiền-não, Nát-bàn không lưu-ngại nhau, trong : thời phát ra tịch-diệt khinh-an, cảnh-giới tịch-diệt tùy-thuận Diệu-giác, « mình », « người », thân tâm không đến đó được ; chúng-sinh, thọ-mệnh đều là tướng-vọng không đến được. Phương-tiện này gọi là thuyền-na.

Phật, Bồ-tát tu-tập ba món này mà được Viên-giác.

Thiện-nam tử ! Ba pháp-môn này đều là tùy-thuận gần-gũi Viên-giác ; mười phương chư Phật nhân đấy thành Phật. Tất cả phương-tiện đồng nhau, khác nhau, của 10 phương

Bồ - tát đều ỷ ba sự-nghiệp này. Nếu như chứng được hoàn - toàn, tức là thành Viên-giác.

Thành tựu trăm nghìn vạn ức người
chứng quả A-la-hán, Bích-chi,
không bằng tùy-thuận theo Viên-
giác một sát-na.

Thiện-nam tử ! Giả-sử có người tu theo đạo thánh, giáo-hóa thành-tựu trăm nghìn vạn ức người chứng quả A-la-hán, quả Bích-chi-Phật, không bằng có người nghe pháp - môn không ngại của Viên-giác này, tùy-thuận tu-tập trong một sát-na ».

Khi đó, Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng :

**« — Uy-Đức ông nên biết :
Tâm Đại-giác vô-thượng,
Vốn không có hai tướng.
Tùy-thuận theo phương-tiện,
Số mục có vô-lượng.
Như-lai đem khai-thị,
Có ba món khác nhau :
Tịch-tĩnh Sa ma-tha,
Như gương soi vật - tượng.
Như huyễn tam-ma-đề,**

Như mầm dần lớn lên.
Thuyền-na chỉ tịch diệt,
Như tiếng trong âm-nhạc.
Ba pháp-môn vi-diệu,
Đều là tùy-thuận giác.
Mười phương chư Như-lai,
Và chư Bồ-tát lớn,
Nhân đầy mà thành đạo,
Chứng hoàn-toàn ba món.
Là cứu-cánh Nát-bàn —»

Khi đó Bồ-tát Biện-âm ở trong đại-chúng đứng dạy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

Hỏi : Các Bồ-tát ở Pháp-môn Viên-giác tu tập có mấy thứ ?

« — Đại-bi Thế-tôn ! Pháp-môn này thực là ít có. Thưa Thế-tôn, các phương-tiện này chưa Bồ-tát ở pháp-môn Viên-giác tu-tập có mấy thứ ? Xin Phật vì đại-chúng và chúng-sinh đời mạt-thế phương-tiện dạy-đỗ đề ngộ tướng chân-thực — »

Nói xong, năm vóc gieo xuống đất, ăn-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy Thế-tôn bảo Biện-âm Bồ-tát rằng :
« — Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Như các ông mới có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế thưa hỏi Như-lai đường tu-

— Về thể : Viên-giác thanh-tịnh không có thứ lớp, không có tu và chứng. Nhưng đứng về sinh-diệt, còn phải có tu, có chứng, có phương-pháp tu-hành thứ lớp, đề rồi sau mới đến Viên-giác của Như-lai. Nếu nhận được ngay ở thân ta, cái thân ta là không có sinh, không có những sinh-diệt thể này, đề tìm tu cái đối-đãi không sinh-diệt, không thấy tất cả những tướng sinh-diệt, không sinh-diệt. Nhưng ở cảnh đây, tuy nói là không nhận, mà hoàn-cảnh sờ-sờ, nên cần phải có pháp-môn đề tu.

tập. Ông lắng lại mà nghe, tôi sẽ nói cho ông — »

Khi đó Bồ-tát Biện-âm vâng lời Phật, hoan-hỉ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

Trà lời : Chúng-sinh vì chưa giác-ngộ mới có 25 lớp định thanh-tịnh.

Thiện-nam tử ! Viên-giác thanh-tịnh của tất cả Như-lai vốn không có tu-tập và người tu-tập. Tất cả Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế ự sức hư-huyễn chưa giác-ngộ mà tu-tập. Nhân đó mới có 25 lớp định thanh-tịnh.

Chỉ tu Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ-tát chỉ có nhân cực-tĩnh, do sức tĩnh ấy mà dứt hẳn phiền-não, thành-tựu hoàn-toàn, không rời khỏi chỗ ngồi mà vào Nát-bàn, Bồ-tát này chỉ tu riêng « Sa-ma-tha »

Chỉ tu Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát chỉ có quán như-huyễn, lấy sức Phật biến-hóa các tác-dụng ở thế-

— Y sức hư-huyễn chưa giác-ngộ mà tu-tập, nên có 25 lớp định.

giới, làm đủ các diệu-hạnh thanh-tịnh của Bồ-tát, đối với Đà-la-ni không bỏ mất niệm tịch-tĩnh và các tuệ thanh-tịnh, Bồ-tát này chỉ tu riêng « Tam-ma-bát-đề ».

Chỉ tu Thiền-na.

Nếu các Bồ-tát chỉ diệt các huyễn, không nhận tác-dụng, chuyên đoạn phiền-não, đoạn hết phiền-não, chứng tướng chân-thực, Bồ-tát này chỉ tu riêng « thiền-na ».

Trước Sa-ma-tha sau Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát trước hết lấy hết sức tĩnh, dùng tâm tĩnh-tuệ, soi các huyễn-hóa, rồi lại khởi hạnh Bồ-tát, Bồ-tát này trước tu Sa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

Trước Sa-ma-tha sau Thiền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy tuệ-tĩnh để chứng các tính hết sức tĩnh, đoạn được phiền-não, khỏi bị sinh-tử, Bồ-tát này trước tu Sa-ma-tha, sau tu Thiền-na.

Trước Sa-ma-tha, giữa Tam-ma-bát-đề, sau Thiền-na.

Nếu các Bồ-tát dùng cái tuệ tịch-tĩnh, theo sức huyễn hiện ra các món biến-hóa để

độ chúng-sinh, rồi mới đoạn phiền-não đề vào tịch-diệt, Bồ-tát này trước tu Sa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thuyền-na.

Trước Sa-ma-tha, giữa Thuyền-na
sau Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát lấy hết sức tĩnh, đoạn phiền-não rồi sau khởi hạnh thanh-tịnh của Bồ-tát, đề độ chúng-sinh, Bồ-tát này trước tu Sa-ma-tha, giữa tu Thuyền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề.

Trước Sa-ma-tha, đồng thời Tam-
ma-bát-đề, thuyền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy hết sức tĩnh, tâm đoạn phiền-não, độ chúng-sinh đề lập thế giới, Bồ-tát này trước tu Sa - ma - tha, đồng - thời tu Tam-ma-bát-đề, Thuyền-na.

Đồng thời Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-
đề, sau Thuyền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy hết sức tĩnh, giúp sự biến-hóa, sau đoạn phiền-não, Bồ - tát này

-
- Sa-ma-tha : tiếng Phạm cũng đọc là Samatha.
Ta-ma-bát-đề : phiên-âm Tầu, đọc theo chữ Hán, chính tiếng Phạm đọc là Samāpatti.
Thuyền-na : phiên-âm Tầu, đọc theo chữ Hán, chính tiếng Phạm đọc là dhyāna.
 - Samatha ; hết sức tĩnh. Tam-ma-tát-đề : quán, biến-hóa.
Thuyền-na : đoạn trừ huyễn-vọng, tịch-diệt.

đồng-thời tu Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, sau tu Thuyền-na.

Đồng thời Sa-ma-tha, Thuyền-na, sau Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát lấy hết sức tĩnh, giúp cho tịch - diệt, sau khởi tác - dụng, biến - hóa thế-giới, Bồ-tát này đồng-thời tu Sa-ma-tha, Thuyền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề.

Trước Tam-ma-bát-đề, sau Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ - tát lấy sức biến - hóa, tùy-thuận đủ lối để hết sức tĩnh, Bồ - tát này trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Sa-ma-tha.

Trước Tam-ma-bát-đề, sau Thuyền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy sức biến-hóa, đủ các cảnh-giới để được tịch-diệt, Bồ-tát này trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thuyền-na.

Trước Tam-ma-bát-đề, giữa Sa-ma-tha, sau Thuyền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy sức biến-hóa để làm việc Phật, ở chỗ tịch-tĩnh mà đoạn phiền-não, Bồ-tát này trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Sa-ma-tha, sau tu Thuyền-na.

Trước Tam-ma-bát-đề, giữa Thuyền-na, sau Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ-tát lấy sức biến-hóa, làm gì cũng không ngại, để đoạn phiền-não, ở chỗ hết sức tĩnh, Bồ-tát này trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Thuyền-na, sau tu Sa-ma-tha.

Trước Tam-ma-bát-đề đồng thời Sa-ma-tha, Thuyền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy sức biến-hóa, làm việc phương-tiện, hết sức tĩnh và tịch-diệt, đều tùy-thuận cả, Bồ-tát này trước tu Tam-ma-bát-đề, đồng-thời tu Sa-ma-tha, Thuyền-na.

Đồng thời Tam-ma-bát-đề, Sa-ma-tha, sau Thuyền-na.

Nếu các Bồ-tát lấy sức biến-hóa, khởi dụng đủ lối để đi tới hết sức tĩnh, rồi sau đoạn phiền-não, Bồ-tát này đồng-thời tu Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, sau tu Thuyền-na.

Đồng thời Tam-ma-bát-đề, Thuyền-na, sau Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ-tát lấy sức biến-hóa để đi tới tịch-diệt, sau rồi ở chỗ thanh-tĩnh, tĩnh-lự không làm chi khác, Bồ-tát này đồng-thời tu Tam-ma-bát-đề, Thuyền-na, sau tu Sa-ma-tha.

Trước Thuyền-na, sau Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ - tát lấy sức tịch-diệt để cho được hết sức tĩnh, trú nơi thanh - tịnh, Bồ-tát này trước tu Thuyền-na, sau tu Sa-ma-tha.

Trước tu Thuyền-na, sau Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát lấy sức tịch-diệt để mà khởi tác-dụng, đối tất cả cảnh, tịch-tĩnh tùy thuận theo tác - dụng, Bồ - tát này trước tu Thuyền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề.

Trước Thuyền-na, giữa Sa-ma-tha sau Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ - tát lấy sức tịch - diệt tùy các thứ tự - tĩnh để tĩnh-lự mà khởi biến-hóa. Bồ tát này trước tu Thuyền-na, giữa tu Sa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

Trước Thuyền-na, giữa Tam-ma-bát-đề, sau Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ-tát lấy sức tịch-diệt, tự thấy tính không làm, mà khởi ra cảnh-giới thanh-tịnh tác - dụng, để được tĩnh - lự, Bồ-tát này trước tu Thuyền-na, giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Sa-ma-tha.

Trước Thuyền-na, đồng thời Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát lấy sức tịch-diệt, các thức thanh - tịnh, trú tĩnh - lự mà khởi biến - hóa,

Bồ-tát này trước tu Thuyền-na, đồng thời tu Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề.

Đồng thời Thuyền-na, Sa-ma-tha, sau Tam-ma-bát-đề.

Nếu các Bồ-tát lấy sức tịch-diệt đề đi tới hết sức tĩnh, mà khởi biến-hóa, Bồ-tát này đồng thời tu Thuyền-na và Sa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

Đồng thời Thuyền-na, Tam-ma-bát-đề, sau Sa-ma-tha.

Nếu các Bồ-tát lấy sức tịch-diệt đề đi tới biến-hóa, mà khởi cảnh-tuệ trong sáng hết sức tĩnh, Bồ-tát này đồng thời tu Thuyền-na, Tam-ma-bát-đề, sau tu Sa-ma-tha.

Tu cả ba môn.

Nếu các Bồ-tát lấy tuệ Viên-giác, viên-hợp tất cả, đổi các tính-tướng, không lý tính-giác, Bồ-tát này tu cả ba môn tự-tính thanh-tịnh tùy-thuận.

Thiện-nam tử ! Đó là 25 lớp tu của Bồ-tát. Tất cả Bồ-tát tu-hạnh như thế. Nếu như các Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế y theo các lớp tu-hành này, cần phải giữ phạm-hạnh, tịch-tĩnh suy-nghi, thiết-tha cầu sám-hối 21 ngày.

Mỗi người ghi rõ 25 lớp này, chỉ tâm cầu khẩn, tay bốc lấy một, mở ra xem, thời biết là phải tu-tiệm hay là tu-đốn. Hễ còn một niệm nghi-hối, thời không thành-tựu ».

Khi đó, Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng :

Biện-âm ông nên biết :
Tất cả các Bồ-tát
Tuệ thanh-tịnh không ngại,
Đều do thuyên-định sinh.
Nghĩa là : Sa-ma-tha.
Tam-ma-đề, Thuyền-na.
Ba pháp theo đốn tiệm,

-
- Có một điều mà những người đã có thực học hết-sức phân-vân, là khi đã học hiểu rồi, muốn chuyên tu, thì không định hẳn được căn cơ của mình, và cũng không biết mình đã tu đến bậc nào để tu tiến thêm lên. Cho nên các Kinh và các Tồ phương-tiện bày cách biên vào giấy, vò viên lại để trên bàn Phật, sám-hối, khẩn cầu xin rút trùng loại nào thời lấy đấy làm cơ để tu. Xem đấy thì biết rõ sự quyết tin và cầu cảm định hướng cho người tu.

Lối bốc thăm này chỉ áp-dụng tạm trong khi không được gặp thầy đã có tu-chứng. Nếu đã có những vị tu-chứng, thời cầu xin cho các vị đó định rõ căn-cơ của mình. Lại còn có một cách nữa là nương theo bản đồ tứ-giáo có chỉ rõ các thứ bậc tu-hành. Rồi lấy những bản địa, hay tâm-tĩnh của mình phúc-báo đã được v.v... so-sánh, và chọn lấy cơ đúng của mình để tiến tu. Đúng chỗ nào theo chỗ ấy.

Giả-sử như mình ở nhị-trụ, thời xem sơ-trụ mình đã biết và đã làm cả. Còn tam trụ, thì nhiều phần chưa biết và chưa làm đến, v.v...

**Tu có hai năm lớp.
 Mười phương chư Như-lai,
 Ba đời những vị tu,
 Đều phải theo phép này
 Mà được thành Bồ-đề.
 Chỉ trừ người đốn-giác,
 Và pháp không tùy-thuận.
 Tất cả các Bồ-tát,
 Chúng-sinh đời mạt-thế,
 Nên trụ-trì lớp này,
 Tùy - thuận cần tu - tập,
 Y sức đại bi Phật,
 Chứng được Nát-bàn ngay.**

-
- Bồ-tát Biện-âm hỏi Phật : tu tập pháp-môn Viên-giác có mấy thứ ? — Phật đáp : chúng-sinh vì chưa giác-ngộ, nên mới có 25 lớp định.
- Chính ra chỉ có ba định căn-bản là : Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, Thiền-na. Tuy có ba thứ riêng-biệt có thể tu riêng được, nhưng trong khi bắt vào tu thì thấy phần nhiều ba môn trợ lẫn nhau. Hoặc là muốn cho thích-hợp với căn-khí chúng-sinh, nên chia lần ra đến 25 lớp (thứ)
- | | | |
|-------------------------------------|---|-----------------|
| Ba thứ định căn bản : 3 | } | Cộng là 25 thứ. |
| Mỗi thứ chia làm bấy : 21 | | |
| Và sau cùng đồng thời tu ba thứ : 1 | | |
- Theo bài kệ thì ba pháp (3 thứ định), theo đốn tiệm, tu có 25 lớp.
- Khi mới xem qua 25 thứ định, thời thấy phức-tạp khó khăn. Nhưng nếu xem kỹ 3 định căn bản rồi, cứ lượng theo chữ : trước, sau, đồng thời, giữa, thì dễ rõ lắm.
- Người đốn-giác có hai loại : 1) là mới sinh ra (làm) đã thành ngay không phải tùy-thuận ; 2) là nhân cảm mà thành, không nhận tùy-thuận.
- Pháp không tùy-thuận có hai loại : 1) là ngoại-đạo, tu pháp không tùy-thuận ; 2) là xiển-đề, không chịu tùy-thuận.

Khi đó Bồ-tát Tịnh-chư-nghiệp-chướng ở trong đại-chúng, đứng dạy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

« — Đại bi Thế-tôn ! Ngài đã dạy chúng tôi các việc không thể nghĩ bàn, và hành-tướng nhân - địa của tất cả Như-lai, thấy tất cả công-dụng của chư Phật tu-hành khổ-hạnh theo cảnh-giới đó, trải số kiếp như cát sông Hằng, như trong một niệm. Chúng tôi là Bồ-tát thiệt lấy làm vui-sướng !

Hỏi : Nếu tính của tâm giác vốn thanh-tịnh, làm sao mà bị nhiễm-ô ?

Thưa Thế-tôn ! Nếu tính của tâm-giác vốn thanh-tịnh. làm sao mà nhiễm-ô, để cho chúng sinh mê - muội, không vào được. Nguyện xin Thế-tôn khai ngộ pháp-tính cho chúng-tôi, để cho đại-chúng và chúng-sinh đời mạt-thế làm mẫu-mực sán-lạn cho đời sau.

Nói xong, năm vóc gieo xuống đất, ân cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

-
- Bồ-tát Tịnh-chư-nghiệp-chướng hỏi Phật : Nếu tâm-giác tính nó vốn thanh-tịnh, thì làm sao lại nhiễm-ô, để cho chúng-sinh không vào được...? Phật trả lời : Vì chúng-sinh chấp lầm có mình, người, chúng-sinh, thọ-mệnh . . . nên sinh ra yêu ghét . . .

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Tịnh-chư-nghiệp-chưống rằng : — « Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông có thể vì Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế, thưa hỏi tôi phương-tiện ấy. Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông ».

Bồ-tát Tịnh-chư-nghiệp-chưống vâng lời Phật, hoan-hỉ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

Đáp : Chúng sinh chấp có mình,
người, chúng-sinh, thọ-mệnh...
sinh ra yêu và ghét.

« — Thiện-nam tử ! Tất cả chúng-sinh từ vô-thủý đến nay, vọng-chấp có mình, có người, có chúng-sinh, có thọ-mệnh, nhận bốn món điên-đảo này làm cái thể-thực của ta ; vì đó mới sinh ra hai cảnh : yêu và ghét. Ở cái thể hư - vọng, mà chấp thêm cái hư - vọng nữa, hai vọng nương lẫn nhau, mà sinh ra nghiệp-

-
- Ở cái vọng này lại thêm cái vọng nữa, rồi từ đấy các vọng chồng-chất nhau. Thế thì không khi nào nhận được sự thật... tỉnh-giác thanh-tịnh.
 - Đã nhận có mình tức là có người, có chúng-sinh, có thọ-mệnh. Không nhận lầm cái thân giả-hợp này là cái thể thực của mình, biết thân mình là hư-huyễn, là giả-hợp, thì người, chúng-sinh, thọ-mệnh chỉ là hư-huyễn về phần ngoài. Nếu nhận-thực là hư-huyễn mà không sinh tâm yêu ghét, thì nghiệp hư-vọng không sinh.

đạo hư-vọng. Đã có nghiệp hư - vọng, thời
lầm thấy trôi lăn, người nhàm-chán cái trôi-
lăn kia, mới lầm thấy Nát-bàn.

Do đó không chứng vào được giác thanh-
tịnh. Không phải « giác » trái chổng với người
muốn vào, có người vào, không có cái giác
vào. Vì thế nên động niệm và dứt niệm đều
là mê-muội.

Vì sao thế ? Do gốc vô-thủy đã khởi ra
Vô-minh, làm chủ tề mình. Tất cả chúng-sinh
sinh ra, không có mắt tuệ. Các món như là
thân - tâm, v. v... đều là vô - minh. Ví như có
người không tự giết mình, theo đây thì biết
có cái « mến ta », thời « ta » tùy-thuận. Không
tùy - thuận, thời sinh ra oán ghét. Cái tâm
yêu ghét nuôi sống vô-minh, cầu đạo mãi mà
không thành-tựu.

-
- Một khi đã theo nghiệp hư-vọng, thì cái hiểu biết cũng hư-
vọng đảo-diễn. Nhận cái đảo-diễn luân-chuyển ấy thì
thấy có Nát-bàn, mà thật ra Nát-bàn này cũng là hư-vọng
diễn-đảo. Cho nên không vào Diệu-giác thanh-tịnh, không
phải Diệu-giác gần đón không cho vào.
 - Vào là tự người có công tu-luyện tìm vào, không phải tính-
giác nó làm cho vào. Cho nên mới nói động-niệm, dứt niệm
đều là mê-muội cả.

Bốn tướng : tướng ngã.

Thiện-nam tử ! Sao gọi là tướng-ngã ? Nó là cái chỗ tâm-chứng của chúng-sinh. Thiện-nam tử ! Ví như có người thân-thể điều-hòa, nhẹ-nhàng, hình như quên thân mình (ngã). Đến khi bốn chi huyền-huân, vì tiếp dưỡng sai phép, dùng đến châm đốt, thời biết có ngã. Vì thế mà nhận là hiện có thân ta (ngã).

Thiện-nam tử ! Tâm này, cho đến chứng được thanh - tịnh Nát-bàn, rớt-ráo của Như-lai cũng là tướng ngã.

Tướng nhân.

Thiện-nam tử ! Sao gọi là tướng nhân ? Nó là chỗ tâm ngộ chứng của chúng-sinh.

Thiện-nam tử ! Ngộ cái ngã rồi, không nhận ngã. Chỗ ngộ không phải ngã, người

-
- Chúng-sinh sống trong vô-minh, mà vô-minh là tất cả điên-đảo hư-vọng, nên nhận có mình, có người, cái của mình, cái của người, cái mình ưa thích, cái mình ghét bỏ. Vô-minh càng được bồi-bổ, thì cầu đạo đến đâu cũng luống công.
 - Tướng ngã (ta) là cái chỗ tâm chứng của chúng-sinh... cho đến chứng Nát-bàn hoàn-toàn của Phật, chỉ là tướng-ngã. Tướng nhân (người) là cái tâm ngộ chứng của chúng-sinh Ngộ nhận là có mình, rồi bỏ mình, thế là sang lần qua tướng nhân. Ngộ Nát-bàn hoàn-toàn cũng là ngã. Tâm còn lại một tí ngộ, đầu chứng lý trọn- vẹn, cũng còn là tướng nhân.

ngộ cũng thế. Ngộ đã vượt qua tất cả chứng rồi, đó là tướng nhân.

Thiện-nam tử ! Tâm cho đến ngộ Nát-bàn, cũng đều là ngã, tâm còn giữ chút ít ngộ để chứng lý, cũng đều gọi là tướng nhân.

Tướng chúng-sinh.

Thiện-nam tử ! Sao gọi là tướng chúng-sinh ? Nó là tâm tự nhận chứng-ngộ của chúng-sinh không đến được.

Thiện-nam tử ! Ví như có người nói như thế này : « Tôi là chúng-sinh », thời biết người ấy nói chúng-sinh không phải tôi và không phải người khác.

— Thế nào là không phải tôi ?

— Tôi là chúng - sinh, thời không phải là tôi.

— Thế nào là không phải người khác ?

— Tôi là chúng - sinh, không phải người khác tôi.

— Tướng chúng-sinh : Cái tâm tự chứng-ngộ của chúng-sinh không đến được... không phải là mình ; mà cũng có liên-can đến mình.

Thiện-nam tử ! Cái mà chúng-sinh chứng rõ, ngộ rõ, đều là « ngã » « nhân », mà chỗ tướng « ngã », tướng « nhân » không đến được là còn có chỗ rõ (tâm chứng rõ, ngộ rõ) gọi là tướng chúng-sinh.

Tướng thọ-mệnh

Thiện - nam tử ! Sao gọi là tướng thọ-mệnh ? Nó là tâm của chúng-sinh soi thanh-tịnh, « Giác » có chỗ rõ biết. Tất cả nghiệp-trí, không thể tự thấy được, cũng như là thân-mệnh.

Thiện - nam tử ! Nếu tâm soi thấy tất cả « Giác » đều là trần-cấu, năng - giác sở - giác không ly được trần, như nước sôi tiêu băng tuyết, không có băng nào khác biết băng đã tiêu. Còn cái « ngã » biết « ngã » cũng là thể.

**Không rõ 4 tướng : tuy nhiều kiếp
tu-hành khổ hạnh, cũng chỉ là hữu-
vi, không thành thánh.**

Thiện-nam tử ! Chúng-sinh đời mạt-thế không rõ bốn tướng, tuy trải nhiều kiếp khổ sở tu đạo mà chỉ gọi là hữu-vi, không khi

— Tướng thọ mệnh : Tâm soi thanh-tịnh, giác được rõ-ràng, người không thể thấy được.

nào được quả thánh, vì thế nên gọi là chính pháp mạng-thế.

Vì lấy cái ta ưa-muốn, ưa-muốn
Nát-bàn.

Vì sao thế ? vì nhận tất cả « ngã » là Nát-bàn ; vì có chứng có ngộ mới gọi là thành-tựu. Ví như có người nhận giặc làm con, của cải trong nhà không sao giữ được.

Vì sao thế ? Vì có cái ưa muốn ngã, cũng ưa muốn Nát-bàn, hàng phục cái gốc ưa muốn ngã (ngã-ái) cho là tướng Nát - bàn. Có cái nhằm ghét ngã cũng nhằm ghét sinh-tử. Không biết rằng ưa muốn chính-thực là sinh-tử. Ghét riêng sinh-tử, thì gọi là không giải-thoát.

-
- Bốn tướng : 1) là « ta », cái mình nhận có mình ; 2) là « người », cái không phải mình, thuộc người khác ; 3) « chúng sinh », cái chung không phải riêng mình, riêng người, chung cho tất cả chúng sinh ; 4) « thọ-mệnh » cái chừng độ không riêng tây của ba tướng trên, mà là cái do ba tướng trên phát-hiện ra.
 - Chúng sinh không rõ bốn tướng, nên dầu có khổ-hạnh tu-hành nhiều kiếp, cũng chỉ quanh-quẩn trong hữu-vi, có công-phu làm mà không ra khỏi. Còn bốn tướng, nhất là tướng ngã mà nhận Nát-bàn, thời Nát-bàn cũng là của ngã. Nhận có chúng có ngộ thì cũng là cái ngã chừng, ngộ, thế là còn trong vòng của ngã, của hữu-vi.
 - Nhân, ngã, chúng-sinh, thọ-mệnh, theo tiếng ta mà hiểu thì rõ ràng : người, mình, chúng-sinh, thọ-mệnh.

Làm sao mà biết pháp không giải-thoát ?

Thiện-nam tử ! Chúng-sinh đời mạt-thế tu-tập Bồ-đề, lấy cái chỗ mình chứng một ít mà cho là mình thanh-tịnh, thời cũng chưa hết được cái cội gốc của tướng « ngã ».

Nếu có người tán-thán pháp ấy, thì tâm hoan-hỉ, muốn đem ra tế-độ ngay. Nếu có người bài-bác cái chỗ sở-đắc của mình, tâm giận-đổi, thời biết tướng ngã kiên - cố chấp giữ, ần-núp trong tạng-thức, qua qua lại lại các căn, không có lúc nào gián-đoạn.

Thiện-nam tử ! Người tu-hành không bỏ được tướng ngã không khi nào vào được giác thanh-tịnh. Thiện-nam tử ! Nếu biết ngã là không, thời không hủy hoại ngã. Có cái ngã thuyết pháp là chưa bỏ được ngã. Chúng-sinh, thọ - mệnh cũng như thế.

Thiện-nam tử ! Chúng - sinh đời mạt-thế cho bệnh là pháp, vì thế nên nói rằng : « đáng

— Có cái ngã ưa-muốn, ưa-muốn Nát-bản, thời Nát-bản cũng là ngã. Có cái ngã nhàm-ghét, nhàm-ghét sinh-tử cũng không gọi là giải-thoát được, còn thuộc về ngã.

— Có người chứng một ít đã vội nhận là thanh-tịnh, loại này không ra được ngã. Nếu có người khen chỗ chứng của mình, thì hoan-hỉ, muốn tế-độ ngay. Nếu có người chê thì không bằng lòng. Xem thế thời biết còn ngã rành-rành.

thương xót », tuy là siêng - năng tinh - tiến mà chỉ tăng thêm các bệnh, vì thế không vào được giác thanh-tịnh.

Lấy chỗ chứng chỗ hiểu của Phật
mà cho là mình được, thì không
khi nào thành-tự.

Thiện-nam tử ! Chúng-sinh đòi mặt-thể không rõ bốn tướng, lấy chỗ hiểu và chỗ làm của Như-lai mà cho là chỗ tu-hành của mình, thì không khi nào thành-tự được.

Còn ngỗ-ới.

Hoặc có chúng - sinh chưa được, gọi là được, chưa chứng gọi là chứng, thấy có người hơn, tâm - sinh tật-đổ. Chúng - sinh đó chưa đoạn được ngã-ái nên không vào được viên-giác thanh-tịnh.

-
- Không bỏ được tướng ngã, thì không vào được viên-giác.
Nếu biết ngã là không... còn có ngã nói pháp thì ngã cũng vẫn còn.
 - Chúng-sinh đòi này hay lấy chỗ hiểu, chỗ làm của Phật, mà cho là chỗ tu-hành của mình, thì không thành Phật.
 - Chưa được gọi là được, chưa chứng gọi là chứng, thấy có người hơn, tâm-sinh tật đổ, cũng còn ngã-ái. Không cầu giác-ngộ, chỉ mong học nhiều, thì tăng thêm ngã-kiến.

Thêm ngã kiến : Tham, sân, yêu,
ghét, tật-đố... Đối cảnh không sinh
không còn ân-ái, nhân ngã... thì
sẽ lần-lượt thành-tự...

**Thiện-nam tử ! Chúng - sinh đời mạt - thế
hỷ-vọng thành đạo, không cầu giác-ngộ, duy
chỉ học nhiều, tăng thêm ngã-kiến. Phải hết
sức tinh-tiến, hàng phục phiền-não, phát tâm
đại dũng-mãnh, chưa được, tìm cách cho
được, chưa đoạn, tìm cách đoạn tham, sân,
yêu-ghét, tật-đố, siểm-nịnh ; gặp cảnh không
sinh ; mình, người, ân - ái, tất cả đều tịch-
diệt.**

**Phật nói người ấy lần-lượt thành-tự ;
cầu thiện - tri - thức, không lạc tà kiến. Mà
nếu ở chỗ cầu, có tâm yêu - ghét, thì không
vào được biển giác thanh-tịnh.**

**Khi đó Thế - tôn muốn nói lại nghĩa này,
nói bài kệ rằng :**

**Tịnh-nghiệp ông nên biết :
Tất cả các chúng-sinh,
Đều bởi chấp có ngã
Bị luân-chuyển mãi mãi.**

— Hết sức tinh-tiến, hàng phục phiền-não, tìm hết cách tiến,
tham sân, tật-đố... gặp cảnh không sinh, ân-ái nhân ngã
tất cả đều tịch-diệt, Phật bảo sẽ lần-lượt thành-tự.

Chưa bỏ được bốn tướng,
Không thành-tựu Bồ-đề.
Tâm sinh ra yêu ghét,
Nghĩ siểm-nịnh, tật-đố,
Còn bị mê-muội nhiều,
Không vào được thành giác.
Nếu như giác-ngộ được,
Bỏ ngay : tham, sân, si,
Tâm không còn ái « pháp »
Lần-lượt sẽ thành-tựu.
Thân ta vốn không sinh,
Thời yêu-ghét ở đâu ?
Người rõ cầu thiện-hữu,
Không bị lạc tà-kiến.
Ở chỗ cầu sinh tâm
Hoàn-toàn không thành-tựu.

∴

-
- Phật nói lại bài kệ, kể lại đoạn trên.
 - Bồ-tát Tịnh-chư-nghiệp-chương hỏi : Tâm-giác vốn là thanh-tịnh, làm sao lại nhiễm-ô ? — Phật bảo : vì chấp có 4 tướng : mình, người, chúng-sinh, thọ-mệnh, nên sinh ra yêu ghét... Còn bốn tướng mà muốn được Viên-giác thanh-tịnh thì không được. Còn ngã-tướng thời đầu có tu-hành cầu đạo, bỏ sinh-tử, được Nát-bàn, chung qui cũng là ngã cả. Có ngã rồi, có ngã-sở, ngã-ái, ngã-kiến... Có đủ cả hình-thức của ngã.
 - Cần phải đoạn chuyển phiền-não, tinh-tiến tu-hành, cần gặp thiện-tri-thức, tránh tà-kiến, tà-sư, bỏ tất cả nhân-ngã, bỉ thử, tham, sân, si, tật đố, kiêu-mạn,.. thì có ngày sẽ thành-tựu,

Khi đó Bồ-tát Phổ-giác ở trong đại-chúng đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng vòng tay bạch Phật rằng :

« — Đại-bi Thế-tôn ! Xin Ngài nói bệnh về thuyên đề cho đại-chúng được pháp chưa từng có, tâm ý vui-vẻ, được hoàn toàn yên ổn.

Chúng sinh phải cầu hạng người
nào ? Y theo những pháp gì ?
Làm những hạnh gì ? Trừ bỏ bệnh
gì ? Phát tâm thể nào ?

Thưa Thế-tôn ! Chúng-sinh đời mạt-thế, xa cách Phật dần, các hiền-thánh ẩn-phục, tà-pháp càng thêm lên, thì chúng-sinh phải cầu hạng người nào ? Y theo những pháp gì ? Làm những hạnh gì ? Trừ bỏ bệnh gì ? Phát tâm thể nào ? để cho chúng-sinh mù-quáng khỏi bị tà kiến -»

Nói xong, nắm vốc gieo xuống đất, ân cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Phổ - giác rằng :
« — Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử !

— Phổ-giác hỏi Phật : chúng-sinh phải làm hạnh gì, theo pháp gì, cầu hạng người nào ? Phật bảo : phải cầu thiện-tri-thức hiểu-biết chánh-pháp, đề nương theo mà tu. Hạng này tâm không trụ ở tướng... Hiện ra trần-lao mà tâm thường thanh-tịnh, thì ra có lỗi-lầm đề xưng-tán hạnh thanh-tịnh.

Các ông mới có thể thừa hỏi Như - lai cách thức tu-hành, cho chúng-sinh đời mạt - thế, được con mắt đạo không sợ-hãi, và để cho được thành đạo. Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông-»

Bồ - tát Phổ - giác vâng lời Phật, hoan hỉ, và các người trong đại-chúng yên lặng nghe.

Đáp : Phải cầu thiện tri-thức để
phát tâm lớn. Cầu người hiểu biết
chân chánh để tu-hành.

« — **Thiện-nam tử !** Chúng-sinh đời mạt-thế, nếu định phát tâm lớn, thì cầu thiện-tri-thức. Nếu muốn tu-hành, thì phải cầu người có tri-kiến (hiểu biết) chân-chính, tâm không trụ ở tướng, không chấp-trước cảnh giới Thanh-văn, Duyên-giác.

Tuy là hiện trần-lao (làm việc khó-nhọc ở đời) mà tâm thường thanh-tịnh, thì ra có lỗi-lầm để tán-thán hạnh thanh-tịnh, không để chúng-sinh sa vào chỗ không giới-luật uy-nghi, cầu người đẩy thì thành - tựu đạo vô-thượng Bồ-đề.

— Thiện-tri-thức hiểu biết chân-chính, làm những hạnh để cứu-độ chúng-sinh quay lại bản-nhiên thực-tính, là những Bồ-tát chân-chính.

Chúng - sinh đời mạt - thế thấy người ấy thì phải nên cúng dường, không tiếc thân mệnh. Thiện - tri - thức này ở trong bốn uy - nghi thường hiện thanh - tịnh, cho đến thị - hiện các món lỗi - lầm, tâm không kiêu - mạn, hướng chi ăn - uống, của - cải, vợ con, thân - thuộc. Nếu thiện - nam tử đối với các bạn tốt không khởi niệm ác, thời hoàn - toàn thành - tựu được chính - giác, tâm hòa soi sáng, chiếu mười phương cõi Phật.

Không còn có 4 bệnh :

- 1) Bệnh làm ra.
- 2) Bệnh phó mặc.
- 3) Bệnh chỉ.
- 4) Bệnh diệt.

Thiện - nam tử ! Cái pháp nhiệm - mầu của thiện - tri - thức này chứng, không còn có bốn bệnh. Bốn bệnh là gì ?

1) Bệnh làm ra. — Nếu có người nói rằng : Bản - tâm tôi làm ra các hạnh là đề cầu Viên - giác. Nhưng cái tính Viên - giác không phải làm ra mà có được, cho nên gọi đó là bệnh.

— Thiện - tri - thức hành, trụ, tọa, ngọa, đều là thanh - tịnh. Có khi thị - hiện các lỗi - lầm mà tâm không kiêu - mạn...

— Không vương bốn bệnh, thì là tu trùng đường chính, khởi lạc vào đường tả. Bốn bệnh là :

- 1) — Bệnh làm ra. — Làm ra các hạnh đề cầu viên - giác, nhưng viên - giác không phải làm ra được.

2) *Bệnh phó-mặc (tùy tính).* — Nếu lại có người nói rằng : chúng tôi không có ý đoạn sinh-tử, không cầu Nát-bàn. Đối với Nát-bàn, sinh-tử, không có niệm khởi diệt, phó-mặc cho tất cả tùy-thuận pháp-tính đề cầu Viên-giác. Nhưng cái tính Viên-giác không phải phó-mặc mà có được, cho nên nói là bệnh.

3) *Bệnh chỉ (thôi).* — Nếu lại có người nói rằng : Tự tâm tôi, tôi dứt hết các niệm, được tất cả tính bình đẳng, tịch-diệt đề cầu Viên-giác. Nhưng tính Viên-giác không phải chỉ (thôi) mà có được, cho nên gọi là bệnh.

4) *Bệnh diệt (hủy).* — Nếu có người nói rằng : Tôi diệt hết tất-cả phiền não, thân-tâm hoàn-toàn không, không có, hưởng là cảnh-giới hư-vọng của căn-trần. Tất cả đều là vắng-lặng hẳn đề cầu Viên-giác. Nhưng tính Viên-

2) — Bệnh phó-mặc. — Cái lỗi trời-kẻ, không đoạn sinh tử, không cầu Nát-bàn, cho rằng pháp bản như thị, đề cầu Viên-giác, mà Viên - giác không phải phó-mặc mà có.

3) — Bệnh đình-chỉ. — Đình-chỉ hết các niệm, được bình-đẳng, tịch-diệt, đề cầu Viên - giác, nhưng Viên-giác không phải đình-tức mà có.

4) — Bệnh hủy-diệt. — Diệt hết các phiền-não, thân-tâm hoàn-toàn không, không có, đề cầu Viên-giác, mà Viên-giác không phải tịch-diệt hẳn,

giác không phải là tướng vắng-lặng, cho nên gọi là bệnh.

Không có bốn bệnh này, thì biết đó là thanh-tĩnh. Quán như thế gọi là chính-quán. Nếu quán cách khác gọi là tà quán.

Thiện-tri-thức gần cũng không kiêu mạn, xa cũng không sân hận, hiện cảnh thuận hay nghịch, cũng như hư không.

Thiện-nam tử ! Chúng sinh đời mạt-thế muốn tu hành, thì phải suốt đời cúng-dường bạn tốt, thừa sự thiện - tri - thức. Nếu thiện-tri-thức muốn gần-gũi, thì phải đoạn kiêu-mạn. Nếu muốn tránh xa, thì phải đoạn sân hận ; hiện cảnh nghịch hay thuận, ý cũng như hư không ; vì biết rõ-ràng thân-tâm hoàn toàn bình-đẳng, cùng với các chúng-sinh đồng thể không khác, Tu-hành như thế, mới vào Viên-giác.

Thiện - nam tử ! Chúng-sinh đời mạt - thế không thành đạo, là vì có tất cả hạt giống yêu, ghét, mình, người, từ vô thủy, cho nên

— muốn tu hành thì phải thừa-sự cúng-dường thiện-tri-thức. Thiện-tri-thức có gần gũi, cũng đừng sinh tâm kiêu-mạn, có xa-tránh cũng không giận-dối. Dù có hiện cảnh nghịch hay thuận, xem cũng như hư-không.

chưa được giải-thoát. Nếu có kẻ xem người thù-oán như cha mẹ mình, tâm không có hai, thì trừ được các bệnh. Ở trong các pháp yêu ghét, mình người, cũng lại như thế.

Muốn cầu viên-giác, phát tâm như thể này : . . .

Thiện-nam tử ! Chúng-sinh đời mạt-thế muốn cầu viên-giác, nên phát tâm như thể này : Tất cả chúng-sinh suốt cả hư-không, tôi đều làm cho được vào Viên-giác hoàn-toàn. Ở trong Viên-giác, không có nắm giữ giác, trừ tất cả tướng nhân-ngã. Phát tâm như thế, không bị tà-kiến.

Khi đó, Thế-tôn muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng :

**Phổ-giác ông nên biết :
Chúng-sinh đời mạt-thế,
Muốn cầu thiện-tri-thức,
Cần phải cầu chính kiến ;
Tâm tránh xa Nhị-thừa.**

-
- Chúng-sinh còn bị thói quen nhân-ngã, yêu-ghét, từ-vô-thủy nên không giải-thoát.
 - Nếu xem người thù như cha mẹ, tâm không phân-biệt, không có hai thì không còn bệnh.
 - Đời mạt-thế, muốn cầu Viên-giác, thì phát nguyện : Tất cả chúng-sinh suốt cả hư-không, tôi đều làm cho vào được Viên-giác, mà cũng không nắm giữ Viên-giác.

Ở pháp trừ bốn bệnh :
 Làm, thôi, mặc và diệt,
 Gắn-gui, không kiêu mạn ;
 Tránh xa, không ân hận
 Thấy tất cả cảnh-giới,
 Phải sinh tâm hi-hữu,
 Cũng như Phật xuất thế,
 Không hề trái luật-nghi ;
 Gốc giới thường thanh-tịnh,
 Độ tất cả chúng-sinh,
 Vào Viên-giác hoàn-toàn.
 Không có tướng ngã nhân.
 Phải y trí-tuệ chính.
 Để vượt qua phàm-phu,
 Chứng giác, vào Nát-bàn.

— Bài kệ nói lại đoạn trên.

— Bồ-tát Phổ-giác hỏi Phật : Chúng-sinh phải cầu hạnh người nào ? Y theo pháp gì ? Làm những hạnh gì ? Trừ bỏ bệnh gì ? Phát-tâm thế nào ?

Phật trả lời : Phải cầu thiện-tri-thức, y theo hiểu-biết chân - chính làm các hạnh phương-tiện, hoặc thuận, nghịch, mà tâm vẫn thanh - tịnh, có khi giả - hiện các lỗi-lầm, cố để hóa chúng-sinh, trừ bỏ bốn bệnh tâm nguyên làm cho tất-cả chúng-sinh khắp Phát-giới, hư không giới đều được Viên-giác, mà không nắm giữ lấy Viên-giác.

— Đoạn thêm để ngừa những hạnh lợi-dụng hạnh Bồ-tát để làm bậy : Bồ-tát phá tướng không phá kiến, phá tà kiến không phá chính tri-kiến, phá kiến không phá giác, phá vọng-giác không phá chân-giác, phá Viên-giác của Thanh-văn, Bồ-tát, Như-lai, không phá Viên-giác hoàn-toàn, phá tướng Viên-giác hoàn-toàn, không phá Viên-giác.

— Bồ-tát phá tướng không phá tâm, có khi Bồ-tát hiện lỗi lầm... là bề ngoài hiện lỗi-lầm ; nhưng tâm lúc nào cũng thanh-tịnh, để độ chúng-sinh. Có chúng-sinh vin chỗ hiện lỗi-lầm của Bồ-tát đó, mà che lỗi-lầm của mình.

Khi đó Bồ-tát Viên-giác ở trong đại-chúng đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

Hỏi : phương-tiện về tịnh-giác.

Đại - bi Thế-tôn ! Ngài đã nói cho chúng tôi các món phương - tiện về tịnh-giác, để cho chúng - sinh đời mạt-thế thêm phần lợi-ích. Thưa Thế-tôn ! Chúng tôi đã được khai-ngộ.

Ba món quán ở trong Viên-giác, tu món nào trước ?

Còn như chúng-sinh đời mạt-thế, sau khi Phật diệt rồi, chưa được khai-ngộ, làm thế-nào mà an-cư, tu theo cảnh - giới thanh-tịnh của Viên - giác. Ba món quán thanh - tịnh ở trong Viên - giác, tu món nào trước ? Cúi xin đức Đại-bi thí cho đại-chúng và chúng-sinh đời mạt-thế- ».

Nói xong, năm vóc gieo xuống đất, ân-cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi đó, Thế-tôn bảo Bồ-tát Viên-giác rằng :
« Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông mới có thể thưa hỏi Như-lai những

— Bồ-tát Viên-giác hỏi Phật : Các phương-tiện tu Viên-giác (tịnh-giác), trong ba món quán, tu món nào trước ?

phương-tiện đó, thiệt lợi-ích cho chúng-sinh. Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông ».

Khi đó Bồ - tát Viên-giác vâng-lời Phật, hoan-hỉ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

« — Thiện-nam tử ! Những chúng-sinh có đủ tính Đại-thừa, hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi nhập-diệt, hoặc đương hồi mạt-pháp, tâm tin đại Viên - giác bí-mật của Phật, mà muốn tu-hành, hoặc trụ - trì một cảnh chùa, linh coi đồ-chúng, mà có duyên sự, thì tùy phận quán-xét như tôi đã nói.

Đáp : Có duyên sự, thời trí một ít thì-giờ để chuyên tu.

Bằng không có, thì lập kỳ-hạn 120 ngày, 100 ngày, 80 ngày.

Nếu không có nhân-duyên gì khác, thì lập đạo-tràng có kỳ-hạn, kỳ-hạn dài 120 ngày, kỳ hạn vừa 100 ngày, kỳ hạn ngắn 80 ngày, đề mà an-eu. Nếu lúc Phật tại thế, phải chính-niệm suy-nghi. Nếu lúc Phật nhập diệt thì treo bày hình-tượng, tâm-tâm niệm. Niệm chân-chính, cũng như khi Phật ở đời, treo trường-phan hoa 21 ngày, lễ danh-hiệu của mười phương chư Phật, thiết-tha cầu sám-hối, gặp cảnh-giới tốt, tâm được nhẹ-nhàng, yên-ôn. Qua 21 ngày, thì chuyên-chú nhiếp niệm.

Nếu nhằm ba tháng an-cư, theo ý hạnh thanh-tĩnh của Bồ-tát, tâm xa thanh-văn, không nhập đồ-chúng.

Đến ngày an-cư, đối trước Phật bạch rằng : «Tôi là tỳ-khiêu, tỳ-khiêu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tên là mỗ, ở trong hàng Bồ-tát tu hạnh tịch-diệt, sống theo chỗ thực-tướng thanh-tĩnh, lấy đại-Viên-giác làm chùa để thân-tâm an-cư, bình-đẳng tính trí, tự-tính Nát-bàn không có hệ-thuộc. Tôi xin cung-kính cầu-thỉnh, không theo Thanh-văn ; tôi sẽ cùng mười phương Phật và đại Bồ-tát an-cư ba tháng, chính là nhân-duyên lớn, để tu theo Diệu-giác vô-thượng của Bồ-tát, không phải bỏ-buộc theo đồ-chúng.

-
- Nếu vì việc Tam-bảo, mà không tránh được, thời trí thì-giờ nhất-định để chuyên tu. Nếu có thể tránh được, thì lập kỳ-hạn tu như sau.
 - Đáp : Lập đạo-tràng có ba kỳ-hạn : hoặc 120 ngày, hoặc 100 ngày, hoặc 80 ngày, để chuyên tu. Nếu gặp lúc có Phật, thì tâm niệm phải chân-chính, làm theo những pháp chính. Nếu lúc không còn có Phật thì treo bày hình-tượng Phật, trường-phan, bảo-cái, tâm nghĩ cũng như lúc Phật tại thế ; lễ 10 phương Phật, cầu sám-hối 21 ngày rồi nhiếp niệm.
 - Trong khi vào đạo-tràng mà nếu gặp lúc ba tháng hạ an-cư, thì đối trước Phật bạch thêm rằng : tôi là gì ? Thọ giới gì ? Xin tu hạnh tịch-diệt lấy đại viên-giác làm chùa, an-cư nơi bình-đẳng-tính-trí, không theo Thanh-văn, xin cùng chư Phật, Bồ-tát an-cư trong 3 tháng.

Thiện-nam tử ! Đấy gọi là Bồ-tát thị-hiện an-cư. Qua ba thời-kỳ đó, thì đi đâu cũng không ngại.

Thiện-nam tử ! Như chúng-sinh tu-hành ở đời mạt-thế, muốn cầu đạo Bồ-tát vào ba thời-kỳ ấy, mà không phải như tất cả cảnh-giới đã được nghe, thì không nên nhận lấy.

Tu Sa-ma-tha, phải hết sức tĩnh.

Thiện-nam tử ! Nếu chúng-sinh tu Sa-ma-tha, trước hết phải giữ hết sức tĩnh, không khởi niệm suy-nghi. Hết sức tĩnh là giác. Cái tĩnh, trước hết từ một thân cho đến một thế-giới ; « giác » cũng như thế.

Thiện-nam tử ! Nếu « giác » chu-biến khắp một thế-giới, ở trong thế-giới đó, có chúng-sinh nào khởi một niệm gì, đều biết cả, trăm nghìn thế giới cũng đều ự như thế. Nếu không phải như tất cả cảnh-giới đã được nghe, thì không nên nhận lấy.

Tu Tam-ma-bát-đề, tưởng nhớ
Phật, Bồ-tát ở 10 phương...

Thiện-nam tử ! Nếu chúng-sinh tu Tam-ma-bát-đề, trước hết phải tưởng nhớ mười phương chư Phật, tất cả Bồ-tát ở mười phương thế-giới, ự theo các pháp-môn lần

lượt cần khổ tu-hành tam-muội, phát nguyện rộng lớn, tự huân-tập mà thành hạt giống. Nếu không phải như tất cả cảnh giới đã được nghe, thì không nên nhận lấy.

Tu thuyền-na, biết sồ-tức.

Thiện-nam tử! Nếu chúng-sinh tu thuyền-na, trước hết phải biết pháp quán sồ-tức, ở trong tâm biết rõ chi phần số mục của niệm sinh, trụ, diệt, biến khắp bốn uy-nghi, phân-biệt số niệm, biết một cách rõ ràng, lần-lượt tiến lên, cho đến biết từ một hạt mưa ở trong trăm nghìn thế-giới, cũng như mắt xem các món đồ-dùng. Nếu không phải như tất cả cảnh-giới đã được nghe, thì không nên nhận lấy.

Tinh-tiến tu cả ba môn, thì gọi là :
Như-lai xuất-hiện ở đời.

Đó là cái phương-tiện đầu tiên của ba pháp quán. Nếu các chúng-sinh tu cả ba quán, siêng làm tinh-tiến, thời gọi là Như-lai xuất-hiện ở đời.

-
- Đáp : Nếu siêng năng tu-tập tất cả ba môn Sa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, Thuyền-na, thì gọi là Như-lai xuất hiện ở đời, còn không thì tu từ quán một, quán này không được thì tập quán khác cho kỳ được.

Trong 3 món quán, chọn tu lấy một.

Quán này không được, thì tu quán khác.

Nếu đời mạt-thế sau này, chúng-sinh cần độn, tâm muốn cầu đạo mà không thành-tựu, ấy là do các nghiệp-chướng xưa kia, nên phải ân - cần sám-hối, thường phải hy - vọng, trước đoạn yêu ghét, tật-đố, siểm-nịnh, rồi cầu cái tâm thù-thắng vô - thượng, trong ba món quán thanh - tịnh, chọn một mà học. Tu quán này không được, thì tập quán khác, tâm không buông bỏ, lần-lượt cầu chứng- ».

Khi đó, Thê-tôn muốn nói lại nghĩa này, nói bài kệ rằng :

Viên-giác ông nên biết :
Tất cả các chúng - sinh,
Muốn cầu đạo vô-thượng,
Trước hết ba thời-kỳ,
Sám-hối nghiệp vô-thủý.
Trải qua hai một ngày,
Rồi mới suy-nghi chính.
Không phải cảnh được nghe,
Hoàn - toàn không nên nhận.

— Tu Sa-ma-tha : tâm hết sức tĩnh, không vọng động. Tu Tam-ma-bát đề : tưởng nhớ 10 phương Phật Bồ-tát và tập làm theo những hạnh-nguyện của chư vị. Tu Thuyền-na : chuyên niệm theo hơi thở ra vào.

Sa - ma - tha cực-tĩnh,
Tam - ma chính giữ nhớ,
Thuyền-na biết sở-tức,
Gọi là ba quán-tịnh.
Nếu siêng-năng tu-tập,
Gọi là Phật xuất-thế.
Căn độn chưa thành - tựu,
Thường ân-cần sám-hối,
Tất cả tội vô-thủy.
Các chướng nếu tiêu-diệt,
Cảnh Phật thấy hiện-tiền.

∴

— Kệ kết lại đoạn trên.

Nói là tu quán này không được, thì tu quán khác ; mà theo thực-tế, tu riêng biệt từ quán thì chỉ từ thời khóa một là tiện. Nếu chuyên luôn, thời nhiều khi trái quá với tâm-niệm của chúng-sinh. Tu cả ba quán ; bất cứ thời phút nào mà thuận-tiện với quán nào, thì thực-hành quán ấy. Tu theo cách này mau thành-tựu, thiết-thực với tâm-trạng.

Khi đó, Bồ - tát Hiền - thiện - thủ ở trong đại-chúng đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, quỳ thẳng, vòng tay bạch Phật rằng :

« — Đại-bi Thế-tôn ! Ngài đã khai-ngộ như thế các việc không thể nghĩ bàn cho chúng tôi và chúng-sinh đời mạt-thế.

Hỏi : Giáo-lý này tên là gì ? Tu-tập được công-đức gì ?

Thưa Thế-tôn ! Cái giáo-lý đại-thừa này gọi tên là gì ? Làm sao mà vâng giữ ? Chúng-sinh tu-tập được có công-đức gì ? Làm thế nào để cho tôi họ người trì kinh này ? Truyền bá giáo-lý này đến xứ-sở nào- ».

Nói xong, năm vóc gieo xuống đất, ăn cần thỉnh đi thỉnh lại như thế ba lần.

Khi đó Thế-tôn bảo Bồ-tát Hiền-thiện-thủ rằng : « Quý hóa thay ! Quý hóa thay ! Thiện-nam tử ! Các ông mới có thể vì Bồ-tát và chúng - sinh đời mạt-thế thưa hỏi Như - lai công đức và tên gọi của kinh-giáo này. Ông lắng tai mà nghe, tôi sẽ nói cho ông ».

Khi đó, Bồ-tát Hiền - thiện - thủ vâng lời Phật, hoan hỉ, và các người trong đại-chúng yên-lặng nghe.

« —Thiện-nam tử ! Kinh này là kinh mà các đức Phật nhiều như trăm nghìn vạn ức số cát sông Hằng đã nói, và ba đời Như-lai đều bảo trợ giữ-dìn, chỗ mà mười phương các Bồ-tát quy ỵ ; là con mắt thanh-tịnh của 12 bộ kinh.

Đáp : Tên Đại-phương-quảng Viên-giác đà-la-ni . . .

Kinh này tên là « Đại-phương-quảng Viên-giác đà-la-ni », cũng gọi là « Tu-đa-la liễu nghĩa », cũng gọi là « Bí-mật-vương Tam-muội », cũng gọi là « Như-lai quyết-định cảnh giới », cũng gọi là « — Như-lai-tạng tự-tính sai-biệt ». Ông phải vâng giữ.

Thiện-nam tử ! Kinh này chuyên hiển cảnh-giới của Như-lai, chỉ có Phật, Như-lai mới nói hết được. Các Bồ-tát và chúng-sinh đời mạt-thế ỵ đẩy tu-hành, lần-lượt tiến lên, được đến quả Phật.

— Kinh này có 5 tên là :

Đại-phương-quảng Viên-giác đà-la-ni (Kinh Viên-giác).

Tu-đa-la liễu-nghĩa (Kinh Liễu-nghĩa).

Bí-mật-vương Tam-muội (Tam-muội bí-mật).

Như-lai quyết-định cảnh-giới (Cảnh-giới quyết-định của Như-lai).

— Cảnh-giới Phật, chỉ có Phật mới nói hết được.

— Kinh này thuộc đại-thừa đốn giáo, nhưng cũng bao-quát cả tiệm giáo, như quả địa-cầu bao cả châu Á, Âu, Mỹ.

Đáp : Lấy bảy món báu đầy 3.000
thế-giới lớn bố-thí, không bằng
nghe tên kinh này... Dạy chúng-sinh
được A-la-hán không bằng phân-
biệt nửa bài kệ ..

Thiện-nam tử ! Kinh này gọi là Đại-thừa
đốn giáo, chúng-sinh nào có căn-cơ đốn, nhờ
đầy mà được khai-ngộ, và bao-quát tất-cả
các pháp tu tiệm. Ví như bể lớn dung hết
các dòng nước bé, cho đến ruồi muỗi, a-tu-
la uống nước này đều được no đủ cả.

Thiện-nam tử ! Giả-sử có người chỉ chuyên
lấy bảy món báu chứa đầy 3.000 thế-giới
lớn, đem ra bố-thí, cũng không bằng có người
nghe tên kinh này, hay là một câu nghĩa của
kinh này.

Thiện-nam tử ! Giả sử có người dạy chúng-
sinh bằng số cát của một trăm sông Hằng
được quả A-la-hán, cũng không bằng người
giảng-giải kinh này, phân-biệt nửa bài kệ
trong đó.

Thiện-nam tử ! Lại nếu có người nghe
tên kinh này, tâm tin xác-thực, thì biết

— Nghe tên kinh này hoặc một câu nghĩa, còn hơn là bố-thí
bảy món báu đầy ba nghìn thế giới lớn.

Dạy cho vô-số người chứng quả A-la-hán, không bằng
phân-biệt được nửa bài kệ của kinh này.

người ấy không phải vun trồng phúc-tuệ ở một hai vị Phật, mà đã vun-trồng căn lành, nghe giáo-lý của kinh này đến suốt cả các nước Phật bằng số cát sông Hằng.

Thiện-nam tử ! Các người phải hộ-trì người tu theo kinh này ở đời mạt-thế, không để cho ác-quỉ, ma-vương và các ngoại-đạo náo-loạn thân-tâm, làm cho phải thoái-thác.

Khi đó, trong hội có Kim-cương Hỏa thủ, Kim-cương Tồi-toái, Kim-cương Ni-lam-bà, v.v... tám vạn Kim-cương với các bà con, liền đứng dậy đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi bạch Phật rằng : « Thừa Thế-tôn ! Nếu chúng-sinh ở đời mạt-thế mà có, người giữ được Đại-thừa quyết-định này, thì chúng tôi xin hộ-trì gìn-giữ, như giữ-dìn con mắt, cho đến bất cứ chỗ đạo-tràng, chỗ tu-hành nào, chúng tôi là Kim-cương cũng tự lĩnh đồ-chúng, ngày đêm giữ-dìn để khỏi-thoát lui : Nhà này không khi nào bị tai-chướng, tật bệnh tiêu-diệt, của-cải đầy đầy, không khi nào thiếu-thốn.

Khi đó, đại Phạm-vương, 28 Thiên-vương và Tu-di Sơn-vương, Hộ-quốc Thiên-vương v.v... đứng dậy đỉnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng. bạch Phật rằng : « Thừa Thế-tôn ! Chúng tôi cũng xin hộ-trì gìn-giữ người trì kinh này để được yên-ôn, tâm không thoái lui ».

— Các Kim-cương xin hộ-trì người trì kinh này.

— Các vua Trời xin hộ-trì người trì kinh này.

Khi đó, có Đại-lực Quỷ-vương, tên là Cát-bàn-trà với mười vạn quỷ-vương đứng dậy, đĩnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bạch Phật rằng : « Thừa Thế-tôn ! Chúng tôi cũng xin hộ-trì đìn-giữ người trì kinh này, ngày đêm thị-vệ để cho khỏi thoát-lui ; chung quanh một do-tuần chỗ người ấy ở, nếu có quỷ-thần xâm-nhập cảnh-giới, chúng tôi xin đánh nát ra như bụi trần ».

Phật nói kinh này xong, tất cả Bồ - tát, tám bộ Thiên, Long, Quỷ, Thần, v.v... với thân-thuộc và các Thiên-vương, Phạm-vương, v.v... Tất cả đại-chúng, nghe Phật vừa nói, đều hết-sức hoan-hỉ tin lĩnh vâng làm.

— CHUNG —

-
- Cát-bàn-trà Quỷ-vương và 10 vạn quỷ-vương cũng xin hộ-trì thị-vệ người trì kinh này. '
 - Bộ kinh này về loại kinh cao, ngoài vòng tương-đối và cũng ngoài tương-đối, tuyệt-đối, ngoài cả danh-từ tuyệt-đối và không có tuyệt đối. Cũng như hư-không, không nên nói là có hoa dấm, không còn hoa dấm, không có hoa dấm. Tâm chúng-sinh vọng động, nên có tất cả cảnh-giới sinh-diệt, như khi chiêm-bao, thấy tất cả cảnh chiêm-bao. Tâm hết động, cảnh sinh-diệt không còn.
Qua đấy một từng : không có sinh thì có gì mà diệt, sinh không có sinh, diệt không có diệt, không còn danh-từ : , không-sinh không-diệt.
Theo thể chân-như, thì tất cả đều như. Theo dụng sinh-diệt thì tất cả đều diệt. Không có chân-như, cũng như không có sinh-diệt : chân-như, sinh-diệt như chiêm bao ngày hôm qua. Người mê thấy sinh-diệt, kể ngộ thì nhận chân như. Mê không mê, mà ngộ không ngộ, không có mê, không còn ngộ, mê ngộ hoàn-toàn không có. Một khi đã chưa được thì nhờ ngộ để tẩy mê. Tu Sa-ma-tha, Tam-ma, Thiền-na để rồi nhận được Viên-giác thanh-tịnh...

THEO PHÂN-KHOA TỔNG CỦA BỘ KINH VIÊN-GIÁC
DO HOÀNG-LỆ ĐỜI THANH LẬP RA

== ● ==

KINH CÓ BA PHẦN	1 — Phần tựa			1 — Trí đoạn hiển chân (1 chương : Văn-Thù)	1 — Ly huyền hết vọng (2 ch : Phổ-Hiền, Phổ-Nhân)	1 — Quyết nghị lý huyền (1 chương : Phổ-Hiền) 2 — Chỉ pháp lý huyền (1 chương : Phổ-Nhân)
			1 — Ở đoạn trí bạch (5 ch : Văn thù, Di- Lặc).	2 — Hành đoạn hết vọng (4 ch. Phổ-Hiền, Di-Lặc)	2 — Hiển giác hết vọng (2 ch : Kim- Cương, Di-Lặc)	1 — Quyết-nghị hiển giác (1 ch : Kim-Cương-Tạng 2 — Chỉ pháp hiển giác (1 chương : Di-Lặc)
		1 — Triệt thân đoạn chứng (10 ch : Văn- Thù, Phổ- Giác).		1 — Tịch chứng như không (1 ch : Thanh- Tịch-Tuệ)	1 — Viên nhiếp không ngại (2 ch : Uy-Đức, Biện-âm)	1 — Chỉ viên nhiếp bạch (1 chương : Uy-Đức- Tự tại). 2 — Chỉ pháp nhiếp tu (1 chương : Biện-âm).
	2 Phần— chính tôn (11 ch : Văn thù, Viên- giác)		2 — Ở chứng tịch tu (5 ch : Thanh- Tịch, Phổ- Giác)	2 — Tu chứng không ngại (4 ch : Uy- Đức, Phổ- Giác)	2 — Viên lý không ngại (2 ch : Tịch-chư, Phổ-Giác)	1 — Chỉ viên lý tâm (1 chương : Tịch-chư-nghiệp chướng) 2 — Chỉ viên lý pháp (1 chương : Phổ-Giác)
		2 — Bảo quả : tịch áo (1 ch : Viên- Giác).				
	3 — Phần lưu thông (1 ch : Hiên- Thiền- Thủ)					

Tên kinh : Kinh Đại Phương-Quảng... Viên-Giác
liễu-nghĩa

Dựa theo phân khoa của
PHÁP-SU ĐỀ NHÀN

Tên người dịch : Đồi Đường Kê-Tấn nước Sa-
Môn... Phật-đà-đa-la dịch

Kinh chia 12 phần : 1 phần đầu nói về tựa, 10 phần
giữa là chính-văn, 1 phần sau
là lưu-thông.

TỰA Mở đầu : Chính tôi được thân nghe...

1— Văn-Thù hỏi : Khi đó Bồ-tát Văn-Thù Sư-lợi ở trong...

2— Thầy trò xướng ỹ : Khi đó Thế-Tôn hào Văn-Thù...

1— Nói lược : Thiện-Nam-Tử bậc pháp-vương...

1— Nói nhân chính : Cái bàn-khởi nhân...

Nói cội
gốc
luân hồi { 1— Gạn nguyên do chấp
lầm : sao gọi là vô minh.
2— Dụ rõ chấp lầm :
cũng như người con
mất bệnh.
3— Kết lại để bày :
Thiện nam Tử Hư
Không.

2— Nói
hư vọng { 1— Nói Vô minh không
thể : Thiện Nam Tử,
cái vô minh.
2— Nói vô minh không
nhân : Như các hoa đóm
ở hư không.
3— Kết vọng kiến thành
luân hồi : Tất cả chúng
sinh ở trong chỗ không..

1—
Trưởng
hàng { 1— Trả
lời câu
hỏi đầu

**PHẦN
RIÊNG**

3— Trả
lời { 2— Nói
rõ

3— Nói hư
vọng hết { 1— Lấy trí trừ vọng : Thiện
Nam Tử, cái nhân địa.
2— trí để hợp giác : Cái
người hiểu biết kia.
3— Đem về viên : Vì sao thế ?
Vì cái tính...

2— Trả lời câu hỏi thứ hai : Đây gọi là nhân-địa
pháp-bhạn.

1— Nêu tụng : Khi đó Thế-Tôn

2— Tung { 1— Tung { 1— Nhân chính : Văn Thù ông
nên biết...
2— { 1— Nói cội gốc : Rõ
thấu vô minh
2— Nói động lực : Và
như người trong chiêm
bào.
3— Vọng hết... Người giác như
hư không.

2— Tung trả lời câu hỏi hai : Bồ Tát ở
ngay đây.

la parfaite connaissance

TRADUIT DU VIETNAMEIN

par

TUỆ - QUANG

P R É F A C E
DU VÉNÉRABLE THÍCH TÂM-CHÂU

C'est un grand honneur de ma part d'avoir le privilège de présenter à mes amis bouddhistes et intellectuels un livre sacré très précieux du Bouddhisme.

C'est le livre sacré « La Parfaite Connaissance ».

Celui-ci est le plus précieux, le plus sacré des livres sacrés, parmi ceux du trésor spirituel immense du Bouddhisme.

Heureusement pour le Viêt-Nam, a paru récemment un grand savant, un grand maître qui a parvenu à une très haute réalisation.

C'est le Vénérable Huyền-Cơ.

Le Vénérable a traduit ce livre sacré du Chinois en Viêtnamien. C'est le rayonnement du Bouddhisme au Viêt-Nam.

« La Parfaite Connaissance » est maintenant traduit en français par le Professeur Tuệ-Quang.

Son travail fait espérer le rayonnement des lumières nouvelles du Bouddhisme à travers le monde.

Souhaitons que ce livre sera traduit en Anglais, en plusieurs langues.

L'humanité saura la voix du Viêt-Nam.

Le Bouddhisme universel rayonnera à travers l'Univers, aidant des êtres innombrables à s'épanouir, à parvenir à la Vérité suprême.

Notre pays aura contribué une part non négligeable dans l'œuvre d'édification de la civilisation universelle.

J'espère que mes amis Bouddhistes méditent cet ouvrage avec le plus grand respect.

C'est le plus haut enseignement du Bouddha.

Notre père suprême est venu au monde avec l'intention de propager les lumières de la « Parfaite Connaissance ».

Je présente donc respectueusement « La Parfaite Connaissance » à mes amis bouddhistes et intellectuels.

Respectueusement,
Thích Tâm-Châu



Saigon, le 1er Avril 1964

- ★ Ce texte est en Vietnamien. Il est traduit en français par le Professeur Tuệ-Quang.
- ★ Le Vénérable Thích Tâm-Châu est actuellement le Directeur de l'Institut de propagande du bouddhisme au Vietnam. Il a été Président du Comité de Salut du Bouddhisme contre les dictateurs Diệm, Nhu.

PRÉFACE

Le livre sacré la « Parfaite Connaissance » est le plus élevé des livres sacrés du Bouddhisme. Il est comparable au point culminant d'une chaîne de montagnes.

C'est l'enseignement qui représente parfaitement la Vérité, la Vérité suprême des Vérités. Elle décrit la Réalisation la plus haute à laquelle un être puisse parvenir.

Les mots ne disent rien. La langue humaine est trop faible, trop pauvre, trop grossière, pour représenter les immensités des Divinités.

Pour avoir une idée de la vraie valeur de ce livre sacré, essayons de décrire les différentes étapes du chemin qui mène à la Vérité suprême :

« — Du plan humain où nous sommes, si nous nous conformons à des techniques spéciales et convenables du mysticisme, nous parviendrons à des plans supérieurs. Après huit plans, nous arrivons au 9^e qui est le Brahma.

Si nous continuons de progresser, nous passerons 14 étapes, chacune constituant des univers à part. Ces étapes passées, nous arrivons au Nirvana des Arhats. Nous sommes entièrement libre du corps et de l'âme. Nous ne sommes plus esclaves du cycle de « vies et morts » esclaves des lois physiologiques, esclaves des sentiments et des instincts.

Si cela ne nous suffit pas, si nous continuons à rechercher l'Absolu, nous escaladons au fur et à mesure les 56 plans des Bodhisattvas.

Ces plans passés, nous parviendrons au plan le plus élevé qui est le Nirvana des Bouddhas.

C'est la Vérité. C'est la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas.

Si nous continuons à progresser, s'ouvrent des horizons inconnus, des Univers merveilleux, tout à fait absolu, infini, etc., aux yeux des Bouddhas.

(1) *Le plus élevé par rapport aux êtres.*

Alors, nous entrons dans la « Parfaite Connaissance » de la Vérité suprême, la « Parfaite Connaissance » de la « Parfaite Connaissance ».

Nous avons maintenant une idée de la grandeur et de la valeur de la « Parfaite Connaissance ». C'est une nomination qui symbolise le plan de Réalisation le plus élevé, embrassant toutes les Vérités, tous les absolus, tous les infinis. C'est impossible d'essayer de le décrire avec des mots, avec de l'imagination, avec des moyens propres aux êtres, comme on ne peut évaluer l'immensité de l'univers avec l'esprit d'une fourmi.

Ce livre sacré décrit directement la « Parfaite Connaissance ». Il la compare à d'autres plans de Réalisation. Ensuite, il indique la voie qui nous mène à elle, la voie la plus droite, la plus courte, et les moyens les plus rapides pour y parvenir.

Comme nous avons vu, les plans multiples sont tout à fait différents entre eux. Pour en avoir une idée, essayons de comparer entre eux les deux plans consécutifs : « L'Univers de la fourmi et celui de l'homme »

Au point de vue du corps, de l'esprit, du milieu, de la conception, la différence d'évolution entre ces deux êtres donne l'image de la différence entre deux plans consécutifs. Du plan humain jusqu'au Nirvana du Bouddha, il faut trois innombrables vies de pratique des mysticismes.

Quoiqu'on dis « innombrable », ces mots a ses limites : c'est un nombre composé de 130 chiffres. Le cent a trois chiffres : 100. Le mille en a quatre : 1.000. Le million en a sept : 1.000.000. L'innombrable a 130 chiffres.

Cet aperçu rapide démontre le degré d'élévation de ce livre sacré, comparé à d'autres livres sacrés et à d'autres livres dans le monde.

Dans le trésor immense du Bouddhisme, chaque livre est destiné à indiquer une des étapes de réalisation, et aussi à montrer la voie qui y mène.

Chez les autres religions où l'on réalise réellement, les livres sacrés servent à indiquer le plan que leur Fondateur a réalisé, ou le plan auquel on veut aider les hommes à parvenir.

La traduction en Vietnamien de ce livre sacré constitue une ère nouvelle pour la vie spirituelle, pour la culture, pour le Bouddhisme du Vietnam et du monde.

C'est la première fois qu'il est traduit en Vietnamien, puisque c'est une tâche ardue, demandant des conditions particulières que peu d'hommes puissent remplir.

1. — D'abord, il faudrait un Boddhisattva qui est parvenu à une haute Réalisation. Il faut qu'il parvienne à la 40^e étape, des 56 étapes des Boddhisattvas, pour pouvoir traduire correctement ce livre sacré. La raison est que seuls ceux qui ont « vécu » dans ce plan peuvent décrire d'une façon vivante et exacte ce qu'ils voient et pratiquent.

2.— Ensuite, il faut être un savant qui possède parfaitement le triplicata des livres sacrés. Ce savant doit avoir, de tous ces enseignements, une synthèse vivante et nette, exempte d'erreur. Alors, il ne se trompe pas dans ce labyrinthe de mots, de définitions et d'enseignements.

3.— Enfin, il faut qu'il ait des connaissances approfondies sur les langues Extrême-Orientales et Vietnamiennes. Pour la langue chinoise, le style varie suivant chaque dynastie. Les livres traduits à une époque subissent l'influence de cette époque. Il faut des connaissances solides de la littérature chinoise pour pouvoir comprendre les livres sacrés traduits à travers les âges.

Pour la langue Vietnamiennne, elle a bien évolué dans ces siècles derniers. Elle a l'occasion d'assimiler les beautés des civilisations, tant orientales qu'occidentales. Il faut que ce livre sacré soit traduit dans la langue la plus moderne, en même temps, la plus pure.

Comme nous avons vu, peu d'hommes peuvent répondre à ces conditions exigeantes. Si ce livre sacré est traduit d'une façon correcte, correspondant à sa vraie valeur, il fera revivre le Bouddhisme, ainsi que la vie spirituelle du Vietnam et du monde.



Heureusement, le Vietnam a la grande chance d'être le lieu d'affectation « d'un grand Boddhisattva ». C'est le Boddhisattva Huyên-Cô. Ce grand maître répond parfaitement à des conditions exigées :

1.— Au point de vue de Réalisation, il est parvenu au 45^e plan des 56 plans des Boddhisattvas. Durant deux « innombrables » vies, il a pratiqué les multiples formes de réalisation, de méditation, de travail. Il a suivi de multiples voies du mysticisme. Il a « voyagé » d'innombrables univers de Bouddhas innombrables. Ses connaissances vécues sont très riches et très profondes. Il appartient principalement à l'Univers du Bouddha Universel, le plus grand des Bouddhas. Les enseignements prêchés dans cet Univers sont beaucoup plus élevés et beaucoup plus grands que ceux prêchés dans notre Univers.

Le Boddhisattva nous a apportés des lumières nouvelles de l'Univers du Bouddha universel, ainsi que celles des autres univers des Bouddhas.

Traduisant ce livre « sacré », la Boddhisattva Huyèn-Cơ décrit ce qu'il « vit » dans la vraie méditation de la « Parfaite connaissance ». C'est pourquoi ce qu'il dit est clair comme le jour, et nous paraît si naturel, si vivant, si réel.

2.— Au point de vue d'érudition, les vrais grands maîtres doivent étudier, embrasser et connaître à fond le triplicata, c'est à dire les 3 grandes branches d'études du Bouddhisme : les livres sacrés, les livres traitant des lois concernant la vertu et les dogmes, et les livres écrits par les grands maîtres.

C'est une condition indispensable pour pouvoir traduire et enseigner correctement les livres sacrés.

Les grands maîtres de réputation mondiale à travers les siècles comme Huyèn-Trang, Khuy-cơ... tous possèdent bien le triplicata.

Quant au Boddhisattva Huyèn-cơ, il a étudié, non seulement un triplicata, mais cinq, c'est à dire tous les cinq triplicatas de différentes dynasties en Chine et au Japon. Tous les trésors immenses du Bouddhisme, notre grand maître connaît parfaitement. Non seulement, il connaît parfaitement ces belles lumières, il les a rehaussées et enrichies d'autres lumières nouvelles apportées d'autres univers des Bouddhas.

Il a comblé les lacunes, les imperfections des maîtres bouddhiques, à travers les âges...

En un mot, le Boddhisattva Huyèn-Cơ a rehaussé, retouché, em-

belli ce grand palais qui est le Bouddhisme. Il l'a rendu plus immense, plus majestueux, plus magnifique, plus nouveau...

A cette étape d'évolution de l'humanité, où toutes les civilisations se croisent pour donner naissance à une nouvelle civilisation commune, plus belle et plus grande, les enseignements du Bouddhisme doivent être très élevés, doivent atteindre le plus haut sommet, en même temps qu'ils doivent être immenses, pour bien répondre à sa mission de libération des hommes et des êtres.

A vrai dire, le grand Boddhisattva fera revivre la véritable grandeur du Bouddhisme, comme au temps de Çakya-Muni.

La parution de ce livre sacré, suivie de celle d'autres chefs-d'œuvre, constitue la synthèse vivante du Bouddhisme universel. Ces chefs-d'œuvre ouvriront des horizons nouveaux, des lumières nouvelles, des univers jusqu'ici inconnus des hommes. Ils contribueront à l'édification du Bouddhisme universel de tous les hommes, de tous les êtres de l'avenir.

3.— Au point de vue de littérature, le Boddhisattva Huyèn-Cor possède bien les lettres chinoises et vietnamiennes. Pour les lettres chinoises, il comprend bien les styles de différentes dynasties. Il connaît très bien les styles dans les livres sacrés traduits à travers les âges.

Pour les lettres vietnamiennes, il est un grand écrivain, un grand artiste qui manie les mots à son gré.

• •

A ce que nous avons vu, le Boddhisattva Huyèn-Cor répond pleinement aux conditions exigées pour la traduction du livre sacré « la Parfaite Connaissance ». La présence de ce grand travailleur ouvre une ère nouvelle pour le Bouddhisme, pour la vie spirituelle, pour la civilisation commune de l'humanité de l'avenir.

Maintenant, il a réalisé qu'une synthèse universelle est possible, la synthèse des pensées, des religions, des sciences, des lettres, des arts de l'humanité. Sont abolies à jamais les limites créées par les préjugés de religions, d'idéaux, de philosophies, d'écoles, de races, de classes, de partis... etc..

Plaçons-nous à un point de vue impartial, du côté de la plus haute vérité, examinons les aspects de cette synthèse :

— Nous savons que les Sciences, les pensées, les philosophies occidentales ont pour base l'observation, l'expérimentation et le raisonnement.

— Les sciences spirituelles orientales doivent la connaissance de soi, du monde et de la vérité, à la Réalisation. Suivant qu'on réalise un degré plus ou moins élevé, on voit la vérité, les êtres et les choses grâce aux moyens propres à son degré d'évolution.

Du plan humain, si l'on réalise successivement les différents plans supérieurs, on arrivera au 9^e plan qui est le Brahma.

Au 24^e plan, ce sera le Nirvana des Arhats. Ensuite, ce sera 56 plans des Bodhisattvas. Enfin, on parviendra au Nirvana des Bouddhas.

Les religions servent à aider les hommes à réaliser un plan qu'elles se proposent comme but. Le dehors, ce sont des religions. En réalité, ce sont des sciences spirituelles. On peut donc se baser sur la Réalisation pour « mesurer » le degré d'évolution de différents mystiques et des sciences spirituelles.

Sur le chemin sans fin qui mène à la Vérité suprême, il y a des êtres sur différentes étapes, tous avancent, tous progressent jusqu'au but absolu.

L'homme peut s'épanouir indéfiniment, à tous points de vue. Plus d'obstacles, plus de limites, plus de barrières qui puissent nous emprisonner.

Voilà, la civilisation commune de l'humanité de l'avenir, synthèse de toutes les civilisations, sera établie sur cette base nouvelle :

— « Tous les hommes, tous les êtres ont droit à l'épanouissement jusqu'à l'Infini, jusqu'à la Perfection, jusqu'à l'Absolu. »

Les autres chefs-d'oeuvre du Bouddhisme universel exposeront plus en détails cette vérité magnifique.

*
*
*

La traduction en français de ce livre sacré est le commencement d'un rayonnement d'une source de lumières nouvelles à travers le monde.

L'humanité reconnaîtra la vraie valeur du Bouddhisme universel. Elle saura la vraie voie de libération de tous les hommes.

Le traduction en langue française rencontre de grandes difficultés :

— La langue française, quoiqu'elle soit une des plus riches et des plus précises, est très pauvre en définitions et en mots pour la philosophie en général, pour les sciences spirituelles en particulier, et surtout pour le Bouddhisme.

Dans le sanscrit ou dans le caractère chinois, les mots et les définitions concernant le Bouddhisme sont nombreux comme les feuilles d'une immense forêt. Et tous ces mots sont précis...

Pour la langue française, les définitions même élémentaires pour le Bouddhisme primaire sont peu nombreuses et peu stables. La raison, c'est qu'il faut des siècles et des siècles d'assimilation, de méditation, de discussion, de réalisation et d'efforts pour pouvoir élaborer une littérature vivante pour une religion.

On comprendra facilement les difficultés du travail de traduction d'un chef-d'œuvre qui compte parmi les plus élevés, les plus délicats, les plus difficiles.

Ceci est comparable au travail d'écrire un livre de synthèse des sciences atomiques destinés aux obscurs montagnards du Thibet, qui n'ont aucune notion sur la science et la civilisation occidentales.

On peut dire que les mots manquent complètement. On doit « créer » des définitions qui, à partir des mots vulgaires, représentent des choses nouvelles.

L'explication de ces mots est nécessaire. Nous tombons souvent sur les mêmes mots. En réalité, la signification de chaque mot est très différente de sa signification originelle. Par exemple : pour la Vérité, ce sont toujours les mots : Absolu, Infini, Suprême, Lumière, Néant, Connaissance... Pour la vertu, ce seront toujours : pureté, méditation, renoncement...

Mais les significations de chaque mot se différencient énormément comme le ciel de l'abîme... Le même mot « Est » désigne pour un homme à Paris, à la fois Berlin, Varsovie, Moscou, Pékin, Tokio, c'est à dire des villes distantes entre-elles plusieurs milliers de kilomètres.

Le même mot « marche » désigne en même temps la marche de la fourmi et celle de l'homme, mais quelle différence dans leur manière de marcher !

Le raison, c'est que les mêmes mots décrivent les différentes étapes de réalisation. Les mêmes mots expriment les actes et les vertus des êtres parvenus à différents plans. Pour un être réussissant de se libérer du 3^e plan, pour parvenir au 4^e, il voit que celui-ci est la vérité, est l'absolu. Pour lui, c'est le but suprême.

Ce qui est beau en Bouddhisme, c'est qu'un homme ou un être peut accéder directement au plan le plus élevé, le Nirvana des Bouddhas. Il n'a qu'à se conformer aux enseignements de ce livre sacré. C'est le plus court chemin, c'est la méthode la plus rapide qui mène à la Vérité des vérités.

Notons, en passant, que ce qui est plus beau encore, c'est qu'un Bouddhiste peut, quoiqu'il ne soit qu'un pauvre être dans le plan humain, comprendre tous les autres plans, estimer à leur juste valeur les différents mystiques qui ont réalisé des degrés beaucoup plus hauts que lui. Grâce aux enseignements du Bouddha qui a passé et vécu les différents plans, à travers d'innombrables vies, un Bouddhiste «éclairé» possède pour ainsi dire toute une véritable «carte» décrivant les différentes étapes, les différentes voies qui y mènent, les méthodes différentes qui aident les êtres à parvenir aux plans qu'ils désirent. Il peut comprendre même les égarements, les ignorances, le degré de liberté et de Connaissance des êtres de différents plans.

* *

A ce que j'ai exposé, je m'excuse auprès des lecteurs occidentaux, s'ils ne sont pas satisfaits de la forme de cette traduction.

J'ai peu d'occasion de cultiver ma langue française. Mon seul souci est d'être clair, compréhensible, et surtout, fidèle à la signification des enseignements. Malgré ma faiblesse en langue française, j'ose aborder la traduction de ce livre sacré.

C'est parce que je vois que celui-ci sera très utile aux lecteurs, à ceux qui veulent étudier le Bouddhisme, aux chercheurs de vérité qui recherchent des horizons nouveaux, aux hommes cultivés qui veulent élargir leur vue. Il sera beaucoup plus utile pour le Bouddhisme de ce monde, pour les sciences spirituelles, pour la culture et la civilisation de l'avenir.

J'ose traduire, parce que je suis sûr que je ne trahirais pas et le Bouddha et le grand Maître, que je ne diminuerais pas la grandeur de ces vérités si magnifiques.

La raison, c'est que je suis le disciple unique du Bodhisattva Huyèn-Co. Je suis l'héritier de son grandiose héritage spirituel.

Pour ce livre sacré « la Parfaite connaissance », je suis son collaborateur dans la traduction en vietnamien.

Mon cher maître me l'a expliqué trois fois. Il m'a donné des « clés » pour ouvrir les trésors mystérieux du Bouddhisme.

Je peux dire que je possède bien la synthèse vivante du Bouddhisme universel, que je suis complètement « éclairé », que je n'ai plus de doute ou d'erreur quant à la théorie du Bouddhisme, quant aux principes de toutes choses.

. . .

En résumé, traduisant ce livre sacré en langue française, j'ai l'intention de propager à travers le monde une source de lumières nouvelles. Je voudrais désigner la vraie valeur du bouddhisme. Je voudrais rendre au Bouddhisme universel la grandeur qu'il mérite. Je voudrais ouvrir des horizons nouveaux pour mes frères d'Occident avides de beautés.

Enfin, je voudrais apporter une petite part dans l'élaboration de la civilisation de l'avenir, de la civilisation commune, synthèses de toutes les civilisations. Plus de religions, de sciences, de doctrines séparées entre-elles de préjugés.

Tout n'est que Science, Art et Vertu.

Tout n'est que « moyen » qui aide les hommes et les êtres à progresser, à avancer toujours sur la route sans fin.

A tous un avenir plein de lumières !...

Saigon le 24-2-55

TUỆ-QUANG

INTRODUCTION

Ce livre sacré « La Parfaite Connaissance » appartient à la catégorie des livres sacrés les plus élevés.

Comparés aux quatre catégories d'enseignements du Bouddha, et se plaçant au point de vue de la distinction : il est plus élevé que la catégorie d'enseignements la plus haute : « Les enseignements de la Perfection ».

Non seulement il embrasse toutes les quatre catégories d'enseignements, comme la glace pure et brillante qui réfléchit l'image de tous les objets, il est au-dessus de tous les classements de ces catégories.

Il n'appartient pas au domaine de la distinction. Il est « l'insitution » pure et parfaite. Il n'a pas besoin de mot.

Le chef-d'œuvre « Sous le toit de l'Ouest » (Tây-sư-ông-ký) doit sa renommée aux commentaires du grand écrivain Thánh-Thán.

Pour ma part, grâce à l'aide du Bouddha, ce sera un art délicat que de traduire ce livre sacré à la fois élevé et difficile, présentant une forme claire et simple.

Il est une chose que je regrette beaucoup, c'est qu'il existe des lecteurs qui ne sont pas habitués à la façon de traduire conformément au style de l'auteur. Ils estiment alors que le style est un peu sec et demande à réfléchir.

Pour remédier à cet inconvénient, je redis d'une façon claire, conformément au degré de la « Parfaite Connaissance ».

J'ai accompli un travail qui redonne au Bouddhisme sa vraie valeur, en reprenant la signification « pas de oui » ni de « non », pas de Vérité ni d'Ignorance etc...

On peut dire : « La Parfaite Connaissance » est la Vérité.

Hanoi, le 10 Novembre 1951

HUYỀN-CÔ

Institut Bouddhique du V. N.

la parfaite connaissance

TRADUIT DU VIETNAMIEU

par

TUỆ - QUANG

A.— INTRODUCTION

C'est moi qui entends... Un jour, le Bouddha (Bhagavant) entre dans la méditation la plus profonde (Samādhi), que seuls les Bouddhas peuvent entrer.

C'est la base à laquelle les Etres doivent se conformer pour parvenir à la Vérité suprême. A ce stade de réalisation : tout n'est que Lumière, Vérité, Absolu, Perfection, Egalité, (Samatā) Liberté totale, parfaite, tout n'est que Egalité, Absolu. De cet état de « sans deux », viendra se manifester le jeu des mondes.

L'Honoré est entouré des Bodhisattvas les plus grands qui comptent par dizaines de milliers, tels que : Manjusri, Samantabhadra, Maitreya, Vairochana, Phổ-Nhãn, Kim-cương-tạng, Thanh-tịnh-Tuệ, Uy-đức-tự-tại, Biện-âm, Tịnh-chư-nghiệp-chường.. etc.. accompagnés de parents. Tous entrent dans la Méditation...

B.— PARTIE PRINCIPALE

CHAPITRE I

BASE FONDAMENTALE DE REALISATION DU BOUDDHA

I.— Question au Bouddha

A ce moment, le Bodhisattva Manjusri (Văn-thù sư-lợi) sort de la foule, se prosterne devant le Grand Honoré, le salue suivant les rites, lui demandant :

— ô Grand Honoré ! Parlez nous de la base fondamentale de réalisation du Bouddha. Expliquez-nous :

— Comment le Bodhisattva forme ses vœux de réalisation suprême, en se libérant de l'esclavage du dedans et du dehors, Vos enseignements aideront les êtres à éviter les dérives.

Il répète trois fois ces supplications suivies de prosternations.

2.— Promesse de réponse

L'Illuminé dit à Manjusri :

— «Très bien ! Très bien ! Mon fils !

Vous pouvez me demander sur « la base fondamentale de réalisation du Bouddha, » pour aider les Bodhisattvas de l'avenir à saisir, sans se tromper, la vraie voie.

Ecoutez attentivement. Je vais vous le dire. »

Manjusri et la foule, tous écoutent attentivement, le cœur joyeux.

3.— Réponse du bouddha :

«— Mon fils ! La Grand Réalisateur possède la suprême synthèse appelée « la parfaite connaissance », dans laquelle se manifestent tous les aspects des mondes, dont l'un des aspects est l'état de pureté du Niravana, de la Connaissance, ainsi que les paramitas à donner aux Bodhisattvas.

La base fondamentale de réalisation des Bouddhas est aussi incluse là-dedans, dans un Tout Absolu, lequel est la « parfaite connaissance » libérée à jamais de l'ignorance.

Qu'est-ce que c'est que l'ignorance ?

Mon fils ! Tous les Êtres de tous les temps sont esclaves des illusions, comme un fou esclave de ses rêves. Ils croient que leur corps matériel est leur vrai Être, que leurs sensations, images du dehors, sont leur conscience, comme l'homme aux yeux troubles qui croit voir des scintillements dans le vide, ou la deuxième lune.

Mon fils ! Le vide n'a pas de scintillements, en réalité, le malade s'est trompé. Il s'est trompé de la nature réelle du vide,

en même temps que du lieu de naissance des scintillements. C'est de cette illusion que les Êtres sont esclaves du cycle de la vie et de la mort.

C'est ce qu'on appelle : Ignorance.

Mon fils ! Cette Ignorance n'a pas d'existence réelle, comme le rêve : tout ce qu'on voit dans le rêve, est réel par rapport au rêve, mais devient irréel au réveil.

Comme les scintillements disparaissant dans le vide, on ne peut dire : « Il existe un *lieu* de disparition » ! — Pourquoi ? — Parce qu'il n'existe pas de *lieu* d'apparition. »

Tous les êtres, dans la « non-existence », croient voir « l'Existence », c'est pourquoi ils sont esclaves du cycle de « vie et mort ».

Mon fils ! La cause principale qui permet à l'être de devenir Bouddha est la suivante :

« Avoir la connaissance nette que l'illusion est illusion, que les scintillements sont des scintillements dans le vide. Alors, on n'est plus esclave du cycle de naissance et renaissance. Il n'y a non plus de corps et âmes esclaves de la vie et de la mort. La « non-existence » ne signifie pas seulement « non-action » : Réellement, il n'existe pas. »

L'homme qui sait le vide, les scintillements, doit se libérer de cette connaissance. Il doit se libérer même de cette pensée :

« Je me libère de la connaissance ! »

« Oui » et « Non », « Existence » et « Non-Existence » doivent être abandonnés simultanément. C'est ce qu'on appelle : « Se conformer à la Parfaite Connaissance ».

— Pourquoi ? — Parce que le vide est silence-suprême, pas un ride, pas un souffle, pas un mouvement, pas de distinction, ni de comparaison... Il est comparable à la vérité de l'Univers des Univers, tout n'est que perfection, pureté, absolu, infini, et embrasse tout. On l'appelle : Base fondamentale de Réalisation.

Les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir, en se conformant à cette base, seront sûrs qu'ils arriveront au but suprême.

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

Manjusri, vous devez savoir :

Que la base fondamentale de réalisation

De tous les Bouddhas

Dépend de la Connaissance suprême :

Qui reconnaît nettement l'Ignorance,

Laquelle est comparable à des scintillements dans le vide,

Grâce à la Connaissance, on est libre du cycle de « Vies et
Morts »

L'Ignorance est aussi comparable à des rêves,

Qui n'existent plus pour l'homme réveillé.

L'homme qui possède la saine connaissance

Est comparable au vide : il n'est pas ébranlé

Par les mouvements de l'apparence.

Quand sa connaissance s'étend à travers l'espace immense
des univers,

Il devient Bouddha :

Alors, il s'aperçoit que les illusions n'ont pas de « Lieu
de disparition ».

Et que la Réalisation n'a pas, elle aussi, de lieu.

Car elle est la Vérité, la Perfection même.

Les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir

En se conformant à cette base fondamentale

Seront sûrs de la réalisation suprême ».

EXPLICATIONS ¹

A.— Introduction

1.— L'aspect idéal d'absolu, de vérité, de calme, d'égalité, de perfection, où il n'y a plus de relativité. De ce état de « sans distinction » (moi, toi, relativité, etc...), de « sans deux », se manifeste le jeu des mondes.

Cet aspect est la base à laquelle les êtres se conforment pour parvenir au plus haut stade de réalisation : Parfaite connaissance. (De cet aspect de calme, de silence absolu, où il n'y a plus de parole, d'expression, il faut descendre d'un degré : alors, on peut décrire cet état inexprimable par la parole.)

2.— Quand on dit : « La Parfaite connaissance » *est* l'aspect idéal servant de guide aux Etres, cela veut dire :

« Cet aspect fait partie, appartient à la Parfaite Connaissance ».

On peut se tromper, en croyant que cet aspect *est* la « Parfaite connaissance ! »

— Ce n'est pas cela ! Cet état d'idéal, d'absolu, n'est qu'un des aspects de la « Parfaite connaissance ». Il n'est pas hors du domaine de la « Parfaite connaissance ».

Le traducteur, en écrivant : « la Parfaite connaissance » *est* l'aspect idéal... il veut dire par là qu'elle l'embrasse, que cet aspect est dans son domaine.

B.— Partie principale.

CHAPITRE I.—

1.— *Manjusri* (le mot Marjusri s'appelle en langue vietnamienne : Vãn-Thù Sư-Lợi) demande sur « la base fondamentale de réalisation du Bouddha », et le Bouddha lui répond :

(1) Notes du vénérable Huyễn-Cơ.

« — Le Bouddha possède la grande synthèse appelée « la Parfaite Connaissance », dans laquelle se trouve l'état de pureté, de vérité, d'illumination, de Nirvana, de connaissance, de lumière, de paramitas... pour donner aux Bodhisattvas ».

Nous pouvons ajouter :

— ... Dans laquelle, il y a encore des choses à donner aux arhats, à tous les êtres, et encore des ignorances et des états, des mondes résultant du Karma des Etres.

En résumé, tout ce qu'il y a dans la Parfaite Connaissance est du domaine du relatif qui, en vérité, n'étant jamais né, n'a jamais disparu.

Descendons d'un degré... :

Quand on accepte la matière comme son vrai corps et les sensations du dehors comme sa conscience, on ne peut connaître la vraie nature de la Vérité, de la Connaissance... lesquels sont des nominations conventionnelles appartenant au domaine du relatif.... à plus forte raison, on ne peut saisir la Parfaite connaissance.

4.— Le vide n'a pas de scintillements, l'homme aux yeux troublés croient qu'il y en a.

Les Etres étant dans leur Karma (destinée) sont comparables à l'homme aux yeux malades. Les yeux troublés croient voir les scintillements ; étant dans leur Karma, les êtres croient réels leurs mondes et leurs univers.

Les yeux guéris ne voient plus de scintillements ; quand on s'est libéré de son Karma d'Etre, on s'aperçoit qu'il n'y a plus de cycle de vies et morts, qu'il n'y a plus de corps et âme esclaves de ce cycle.

5.— *En songe* : Ce qu'on voit paraît réel, au réveil, on s'aperçoit qu'il n'existe pas.

Quand on est esclave du Karma d'homme, on croit réel le monde des hommes. Après la libération du Karma, ce monde n'existe plus !

6.— Monde mouvementé et Nirvana, souffrance et délivrance... ne sont que de fausses conceptions du Karma d'homme.

— La « Parfaite Connaissance » n'a pas, en vérité, de monde mouvementé et de Nirvana, mais avec l'habitude du raisonnement et de la comparaison, on croit que toutes ces choses existent réellement.

C'est pourquoi, on dit d'une façon impropre que : « La Parfaite connaissance est la *source* du cycle de vies et morts, du Nirvana, de la délivrance etc... » (on se place du point de vue du « Tout » englobant).

7. — *En résumé* : Dans le chapitre I : Le Bodhisattva Manjusri demande sur la base fondamentale de réalisation du Bouddha. Et le Bouddha répond :

« Elle est comparable à la vraie nature de l'Univers des Univers. Elle couvre tout l'espace immense. Elle n'est pas né, donc elle ne peut disparaître.

En un mot : « Pas d'aspect de « monde mouvementé, troublé. Il n'y a que l'aspect de vérité, de Pureté, de Perfection, en opposition à l'Ignorance.

Et tous les aspects appartiennent à la « Parfaite connaissance » qui les embrasse.

Si l'on se conforme à la « Parfaite connaissance », on doit abandonner toute conception de « Oui » et de « Non », « d'Existence » et de « Non-Existence ». Se libérer du jugement, de la compréhension, de connaissance, de distinction, de conscience : « — Qu'il y a du vide, des scintillements dans le vide », « — qu'on sait que ce sont des illusions » ;

« — qu'il n'y a pas de corps et d'âmes esclaves du cycle de « vies et morts », « — que nous connaissons que nous parvenons à la vraie connaissance », etc... »

Il faut se libérer de cette perception même qui est dans notre habitude de raisonnement, de distinction, cette perception est aussi illusion.



CHAPITRE II

LOIN DES ILLUSIONS

1.— Demande au Bouddha :

A ce moment, le Boddhisattva Samantabhadra (Phổ-Hiến) sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, après l'avoir salué suivant les rites, et lui adresse ces paroles :

«— Ô Grand Honoré ! Veuillez expliquer à ces Boddhisattvas et aux êtres de l'avenir : La pratique de la réalisation. Comment faire pour atteindre la Parfaite Connaissance ?

Honoré ! Si les êtres reconnaissent que tout est illusion, le corps et l'âme le sont aussi, — alors, comment se servir des illusions pour se libérer des illusions ?

Quand les illusions disparaissent, il n'y a plus de conscience, — de quoi se servir pour la réalisation ? Pourquoi dit-on : « Réalisation est illusion » ?

Et pour les êtres qui ne pratiquent pas la Réalisation, qui vivent avec les illusions sans les reconnaître, comment sauver ces êtres de l'Ignorance ?

Veuillez nous enseigner la réalisation méthodique pour nous libérer des illusions ».

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de réponse :

Le Bouddha dit au Boddhisattva Samantabhadra :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, sur la méthode pratique de se libérer des illusions.

Écoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Bodhisattva Samantabhadra et la foule, tous écoutent silencieusement, le cœur joyeux.

3.— Réponse du Bouddha :

— « Mon fils !

Les illusions des êtres existent dans la « Parfaite Connaissance » du Bouddha, tout comme les scintillements dans le vide, sont nés dans le vide :

Ces scintillements, qui sont des illusions, disparaissent, sans que le vide ne se détruit. La conscience des êtres qui est aussi illusion, disparaît avec les illusions. Les illusions disparaissent, tandis que la Parfaite Connaissance reste intacte.

— Par rapport à « illusion », on dit « connaissance », ce mot « connaissance » est aussi illusion. Le mot « connaissance » n'étant pas hors du domaine des illusions, le mot « non connaissance » l'est aussi.

C'est pourquoi : quand les illusions disparaissent, la Parfaite connaissance est dans le calme éternel.

— Mon fils ! Tous les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir doivent s'éloigner de tous les mondes qui ne sont que des illusions. Ils doivent aussi se libérer de leur conscience qui est aussi illusion.

Ils doivent encore s'éloigner de cette libération qui est aussi illusion. Loin de cet éloignement, loin de cette libération. Il faut même s'éloigner de ce « loin », jusqu'à ce qu'on n'a plus de quoi pour s'éloigner. Alors, on a réussi à dissiper les illusions.

Ceci est comparable à la consommation du bois : On frotte deux morceaux de bois sec, le feu jaillit, tout le bois est consumé.

C'est de cette même méthode que l'on dissipe les illusions par les illusions. Les illusions disparaissent sans qu'on s'égare dans le néant.

— Mon fils ! Quand on reconnaît qu'une chose est « illusi-

on », on doit s'en éloigner tout de suite, sans avoir recours aux moyens. «Se libérer des illusions», c'est «connaissance»; on n'a pas besoin de méthode, ni d'ordre.

Tous les Bodddhisattvas et les êtres de l'avenir, en suivant strictement ces principes, peuvent se libérer des illusions ».

4.— Poème :

A ce moment, la Bouddha récite un poème résumant son enseignement :

— « Samartabhadra, vous devez savoir que :
Tous les êtres qui, depuis des temps immémorables,
Sont esclaves des illusions et de l'ignorance,
Sont nés de la Parfaite Connaissance du Bouddha.
Comme les scintillements, nés du vide :
Quand les scintillements disparaissent,
Le vide reste le même.
Les illusions sont nés de la Connaissance.
Quand les illusions disparaissent,
La connaissance reste pleine et parfaite, elle est
inébranlable.
Les Bouddhisattvas et les êtres de l'avenir,
Doivent s'éloigner des illusions.
Toutes les illusions doivent être écartées.
Ceci est comparable à la consommation du bois.
Le bois étant consumé, le feu disparaît.
La connaissance n'a besoin ni de méthode, ni d'ordre,
Il en est de mêmes de moyens.

EXPLICATIONS

1.— Le mot Samantabhadra s'appelle en langue Vietnamienne : Phô-Hiên.

2.— Samantabhadra demande au Bouddha :

— a) Comment pratiquer la réalisation de la Parfaite Connaissance ?

— b) Le corps et l'âme étant des illusions, comment se servir de ces illusions pour se libérer des illusions ?

— c) S'il n'y a plus d'illusion, il n'y aura plus de conscience.

Alors, sur quoi se base t-on pour se perfectionner ?

— d) Si l'on ne se perfectionne pas, comment faire pour se libérer des mensonges de l'esprit ?

3.— On a dit que le corps et l'âme sont des illusions. Alors, comment faire pour réaliser la Parfaite connaissance ? Quelle est la méthode de culture permettant la dissipation des illusions ?

4.— Les scintillements dans le vide, sont nés du vide. Ces scintillements disparaissent, le vide reste le même. Les illusions dans la « Parfaite Connaissance », sont nés de la « Parfaite Connaissance ». Ces illusions disparaissent, la Parfaite connaissance reste inébranlable . . .

5.— La phrase : « Les illusions des êtres existent dans la « Parfaite Connaissance » du Bouddha » doit être suivie de l'exemple des scintillements. Ces deux images mises en parallèle nous aident à mieux comprendre l'idée, subtile et nous évitent des erreurs.

6.— Les scintillements dans le vide sont comparables aux illusions des êtres dans la « Parfaite connaissance » du Bouddha. Le vide n'est pas la cause obligatoire et réelle des scintillements, tout comme la « Parfaite connaissance » qui n'est pas la cause obligatoire et réelle des illusions des êtres. Le vide, étant le vide, n'est pas né. Les scintillements apparaissent ou

disparaissent, c'est l'affaire des scintillements et des yeux malades.

Le vide reste le vide. Il ne se mêle pas aux scintillements. Les illusions des êtres existent ou disparaissent, c'est l'affaire du « Karma » des êtres. La Parfaite connaissance ne s'y mêle pas.

7.— C'est par rapport à « illusion » que l'on établit « connaissance », alors la connaissance appartient au domaine du relatif. On-peut dire « connaissance par rapport à illusion ».

Connaissance étant relatif, non-connaissance l'est aussi.

8.— Les Boddhisattvas et les êtres de l'avenir doivent s'éloigner du dehors (monde apparent) trompeur, du dedans (conscience) trompeur. Cet éloignement des illusions trompeuses doit aussi être éloigné... Ce dernier éloignement doit encore être éloigné... ainsi de suite jusqu'à ce qu'on n'a plus de quoi s'éloigner. Alors les illusions disparaissent.

9.— Les illusions disparaissent, sans qu'on s'égare dans le néant. La dissipation des illusions ne suivant pas la méthode négatives, on le fait positivement en transformant les « illusions » en « connaissance ».

Les « illusions » cachent la « connaissance ». Les illusions étant balayées, la « connaissance » réapparaît, plus parfaite que jamais. Alors, on ne s'égare pas dans le néant et l'erreur.

En résumé : « Le Boddhisattvas Samantabhadra demande la méthode de réalisation qui consiste à dissiper les illusions.

— Le Bouddha enseigne la méthode de se libérer des illusions, qui consiste à s'éloigner du corps et de l'âme qui sont des illusions, puis à s'éloigner de cet éloignement qui est aussi illusion... ainsi de suite jusqu'à ce qu'on n'a plus à s'éloigner. Les illusions étant disparues, la Connaissance devient parfaite.

C'est ainsi qu'on dit que les illusions des êtres sont nées de la parfaite connaissance du Bouddha. Avant de poser la question ci-dessus, Samantabhadra demande au Bouddha :

— Comment réaliser la « Parfaite connaissance », alors que le corps et l'âme n'existent pas réellement, on n'a pas de quoi sur lequel on puisse se baser pour se cultiver. Le corps et l'âme étant des illusions, comment réalise t-on la Parfaite Connaissance en se libérant des illusions à l'aide des illusions ».

Le Bouddha répond : « Les illusions n'existent pas réellement. Puisque les Êtres les croient réelles, puisqu'ils se cramponnent encore à la conscience qui s'éloignent des illusions, le Bouddha leur conseille de s'éloigner de l'âme qui s'éloigne, de la conscience qui sait qu'on s'éloigne, et ainsi de suite... un jour, on parviendra à la Parfaite Connaissance...

CHAPITRE III

LA RÉALISATION MÉTHODIQUE

1.— Demande au bouddha :

A ce moment, le Boddhisattva Phô-Nhãn sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations suivant les rites, puis lui demande :

— « Ô grand Honoré ! Veuillez enseigner aux Boddhisattvas dans la foule et aux êtres de l'avenir la façon de réaliser méthodiquement la Connaissance parfaite. Comment méditer ? comment se conduire ?... Comment donner la lumière aux êtres encore esclaves de l'Ignorance ?

Ô Honoré ! Si les Etres n'ont pas la bonne façon de réaliser, de méditer, ils s'égareront dans de fausses voies, malgré que vous leur enseigniez la Parfaite Connaissance, ils ne pourront pas y parvenir. Veuillez nous enseigner les moyens de réaliser ... »

Ceci dit, il répète trois fois de profondes salutations, en recommençant trois fois la demande.

2.— Promesse de réponse :

A ce moment, le Bouddha dit au Boddhisattva Phô-Nhãn :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, la bonne façon de réaliser méthodiquement, de méditer, de se conduire, et des moyens de réalisation. Ecoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Boddhisattva Phô-Nhãn obéit, le cœur joyeux, et la foule écoute silencieusement.

3.— Réponse du bouddha :

— « Mon fils ! Le Bodhisattva débutant et les êtres de l'avenir, voulant réaliser la Parfaite Connaissance du Bouddha, doivent garder en soi des idées pures, s'éloigner des illusions.

D'abord, ils doivent se conformer à la méditation suprême du Bouddha, appelée Samatha, ils doivent s'imposer une discipline intérieure parfaite, suivre strictement les règlements de la bonne conduite, de la vertu et de la pureté, jusqu'à ce que leur conscience soit digne d'être exemplaire à la foule.

Etant assis, immobiles, dans la salle de méditation, ils doivent entretenir ces pensées :

— « Mon corps est fait de la matière sous quatre états : C'est à dire que : « Cheveux, poils, ongles, dents, peau, muscles, tendons, os, moëlle, cerveau... sont des matières à l'état solide.

« Urine, salive, sang, humeurs, sueur, larme, sperme, tous ces liquides sont des matières à l'état liquide.

« La chaleur du corps est de la matière à l'état calorique.

« Les souffles, les gaz dans le corps sont des matières à l'état gazeux ».

Si ces matières sous 4 états se désunissent, le corps n'existe plus.

Donc, on doit reconnaître cette réalité : « mon corps n'a pas d'existence éternelle, réelle. Il est dû à des synthèses, des mélanges et des unions. Il est comparable à des illusions.

De l'union temporaire, apparente de ces matières, naît temporairement le corps à 6 organes des sens (5 sens + pensée considérée comme 6^e sens, dont l'organe est le système nerveux). De ce corps, de ces organes des sens, se produisent des perceptions, des images, des pensées, qu'on appelle : conscience ou âme.

Mon fils ! Cette âme, qui est illusion, n'existe pas réellement. Elle ne dépend que du corps et des choses du monde extérieur,

ces dernières perçues par les organes des sens. En dehors de ces choses, elle n'a plus d'existence. Et ces choses disparaissent, elles aussi, si les matières dont elles se composent se désunissent. Alors, les choses du monde extérieur, perçues par les organes des sens, n'existent plus. Et la conscience n'existe plus, elle aussi.

Mon fils ! Quand le corps des êtres, qui est illusion, disparaît, l'âme qui est aussi illusion, disparaît aussi.

Quand l'âme qui est illusion disparaît, le monde extérieur qui est aussi illusion, disparaît. Le monde extérieur ayant disparu, la disparition des illusions doit s'ensuivre.

La disparition des illusions étant réalisée, tout ce qui n'est pas illusion reste.

Ceci est comparable à l'enlèvement des poussières couvrant la glace : les poussières enlevées, la glace brille plus que jamais.

Mon fils ! Le corps et l'âme sont tous des illusions « troubles », toutes ces troubles ayant disparu : la Parfaite Connaissance réapparaît : parfaite et pure.

Mon fils ! Prenons l'exemple du diamant :

Le pur diamant, grâce aux jeux de lumière, présente à sa surface des scintillements à 5 couleurs, l'ignorant croit que le diamant est peint réellement de 5 couleurs.

Mon fils ! La Parfaite Connaissance, toute pure, présente dans son sein des corps et des âmes, suivant la perception de chaque catégorie d'êtres. L'ignorant dit :

« La parfaite Connaissance possède réellement des formes de « corps et âme ».

Il s'agit d'une même illusion, c'est pourquoi l'ignorant ne peut se libérer des illusions.

C'est pourquoi, je dis : « Le corps et l'âme sont tous des illusions et des troubles. Se libérer même du conscient de

« l'éloignement des illusions et des troubles » : Cela s'appelle : *Bodhisattvas* !

Les troubles finies, cette libération est aussi abandonnée : Il n'y a plus de libération, ni de sa nomination.

Mon fils ! Quand les *Bodhisattvas* et les êtres de l'avenir ont réussi à dissiper les illusions, tout devient vide, pur et serein. Alors, la Parfaite Connaissance apparaît.

Quand la « Parfaite Connaissance » est pleine et sereine, la conscience devient aussi pure.

La conscience étant pure, la vue devient pure. La vue étant pure, les yeux deviennent purs. Les yeux étant purs, la perception des yeux devient pure.

La perception des yeux étant pure, le bruit devient pur. Le bruit étant pur, l'oreille devient pure. L'oreille étant pure, la perception de l'oreille devient pure.

La perception de l'oreille étant pure, l'odorat devient pur... ainsi de suite... tous les autres sens deviennent purs. Tous les organes des autres sens deviennent aussi purs, ainsi que le monde extérieur perçu par les organes des sens.

Mon fils ! le monde extérieur étant pur, les corps solides deviennent purs. Les corps solides étant purs, les corps liquides deviennent purs. Il en est de même des corps gazeux et de la chaleur.

Il en est de même de toutes les choses matérielles et spirituelles de l'Univers.

— Mon fils ! Toutes les formes étant pures, le corps de l'être devient pur. Un corps étant pur, plusieurs corps deviennent purs. Il en est de même des corps de tous les êtres de l'univers. Tout n'est que « Connaissance Parfaite et pure ».

— Mon fils ! Un univers étant pur, plusieurs univers deviennent purs... Il en est de même de tous les univers de tout l'espace infini, tout est pur, serein, plein, calme absolu.

Mon fils ! l'espace étant calme absolu, la Parfaite Connaissance est aussi calme absolu. Les matières sous quatre états étant calme absolu, la Parfaite Connaissance est aussi calme absolu... Il en est de même de toutes choses de l'Univers qui sont tous de calme absolu, la Parfaite Connaissance est aussi calme absolu.

Mon fils ! La « Parfaite Connaissance » étant perfection, pureté, lumière, calme, infini, étant répandue sur toute l'espace infini, alors, toutes choses de l'Univers, matérielles ou spirituelles, deviennent aussi répandues sur tout l'espace infini.

Mon fils ! Puisque la « Parfaite Connaissance » est pleine et présente partout, toutes choses de l'Univers deviennent aussi pleines, ne se détruisent ni ne se mélangent.

Ceci est comparable à des lumières de centaines de milliers de lampes éclairant une chambre, les lumières abondent, elles ne sont point mélangées.

Mon fils ! Quand le Bodhisattva a réalisé la « Parfaite Connaissance », il n'est plus esclave des choses, il ne demande plus à se libérer, il ne déteste plus la chaîne de « vies et morts », il n'aime plus le Nirvana, il ne respecte plus les Saints au cœur pur, il ne méprise plus les méchants, il n'estime plus les instruits, ni ne sous-estime les débutants.

Pourquoi ? — Parce que tout est « Parfaite Connaissance ». Ceci est comparable à l'œil sain qui voit clairement les choses devant lui. Cette clarté est parfaite, elle n'aime ni ne déteste.

Pourquoi ? La lumière est en réalité unité (sans deux), elle ne déteste, ni n'aime.

Mon fils ! Les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir ayant parvenu à la Réalisation de la « Parfaite Connaissance », ne se voient plus « se cultiver », ni « réaliser ».

La « Parfaite Connaissance » éclaire partout, elle est calme

suprême, unité absolue (sans deux), dans laquelle se trouvent de milliards de milliards d'innombrables... Univers appartenant à de différents Bouddhas, les uns se formant, les autres se détruisant, semblables à des scintillements dans le vide.

La « Parfaite Connaissance » n'est pas « oui » (c'est le monde), ni « non » (ce n'est pas le monde), n'est pas « esclavages », ni « libération ».

Alors, on s'aperçoit que les Etres sont, en vérité, des Bouddhas, «ignorance» et «connaissance» sont comparables à des songes d'hier.

Mon fils ! Etant comme des songes, le cycle de « vies et morts » et le Nirvana ne sont pas nés, ne peuvent disparaître, ne viennent ni ne partent. Le degré de réalisation auquel on est parvenu ne s'acquiert pas, ne se perd pas, n'est pas pris, n'est pas abandonné. Celui qui l'a réalisé ne crée ni ne laisse, ne cesse ni ne détruit.

Il comprend qu'il n'y a pas de sujet qui réalise, ni d'état qui est réalisé, parfaitement non, (ni d'état, ni de sujet). Tout est vérité, unité, égalité.

Mon fils ! Le Bodhisattva qui réalise ainsi, qui pense ainsi, qui se cultive ainsi, qui comprend ainsi, ne s'égare pas.

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume son enseignement dans le poème suivant :

— « Phô-Nhãn, vous devez savoir que :

Le corps et l'âme de tous les êtres

Sont des illusions,

Le corps est fait de matières sous 4 états,

L'âme est en relation étroite avec le monde du dehors,

Quand les choses matérielles se déunissent,

Il n'y a plus de corps.

Quand on sait pratiquer méthodiquement la Réalisation,
Tout devient pur.

Dans tout l'espace infini, il n'y a plus de mouvement,

Ni de création, ni d'action, ni de cessation,

Ni d'abandon, ni de dissipation,

Ni même de celui qui réalise.

Tous les Univers des Bouddhas,

Sont comme des scintillements dans le vide.

Durant le Temps infini, sans un seul mouvement,

Les Boddhisattivas débutant dans la voie,

Et les êtres de l'avenir qui veulent Réaliser la Vérité.

Doivent se conformer à cet enseignement ».

EXPLICATIONS

1-) Le Bodhisattva Phô-Nhân demande au Bouddha :

« La réalisation méthodique du Bouddhasattva, la méthode de penser, de méditer, de se perfectionner, Comment aider les êtres ignorants à connaître la voie ?

2-) Méditer ainsi : « Notre corps est formé de matières sous 4 états. Si elles se dissocient, notre corps n'existe plus».

3-) Les 6 sens (cinq sens + système nerveux) étant faits de l'union temporaire des matières, sont aussi illusion.

4-) La Conscience (l'âme) étant l'union temporaire du corps et des sens, est aussi illusion.

5-) Tout ce qui est perçu, conçu par la Conscience (qui est illusion) est aussi illusion, et condamné à disparaître.

6-) Le corps et l'âme doivent disparaître. Le monde du dehors perçu par les sens est à disparaître. Cette disparition même (qui est illusion) s'évanouira aussi.

En un mot : les organes des sens, le monde extérieur et le monde intérieur (dedans) : (conscient, subconscient) sont destinés à disparaître. Cette disparition même n'existe plus.

7-) Le pur diamant, grâce aux jeux de lumière, présente à sa surface des scintillements à 5 couleurs. L'ignorant croit que le diamant est peint réellement de 5 couleurs.

La « Parfaite Connaissance », toute pure, présente dans son sein des corps et des âmes, suivant chaque catégorie d'êtres. L'ignorant se trompe, en disant que la « Parfaite Connaissance » possède réellement des corps et des âmes. Quand on a l'idée que le corps et l'âme existent réellement, on ne peut se libérer des illusions. C'est pourquoi le Bouddha nous conseille qu'il faut abandonner ces illusions, qu'il faut abandonner même la libération et sa nomination.

8-) Quand les images trompeuses sont dissipées, l'espace

infini apparaît, parfaitement vide, serein et pur. Alors, c'est la « Parfaite Connaissance ».

9.) La « Parfaite Connaissance » étant pleine et sereine, la conscience est pure aussi. La Conscience étant pure, la vue devient pure. La vue étant pure, l'œil devient pur. L'œil étant pur, les perceptions des choses perçues par l'œil deviennent pures.

10.) Dans le stade de vérité, tout est vérité.

Dans le stade d'Ignorance, tout est erreur et illusion.

11.) Les choses perçues par l'œil, les perceptions de l'œil deviennent pures... ainsi que l'oreille, les sons, l'ouïe, — le nez, les odeurs, l'odorat, — la langue, le goût, les saveurs, — le corps, le toucher, les choses touchées, — les pensées, le monde extérieur, le système nerveux, (cerveau, cervelet)... deviennent purs.

12.) Les sens, les organes des sens, et le monde extérieur en relation avec eux... étant purs, alors, les matières sous 4 états deviennent pures, — toutes les choses matérielles et spirituelles, — mêmes celles qui appartiennent au Bouddha deviennent pures.

13.) Toutes les formes étant pures, notre corps devient pur. Un corps étant pur, plusieurs corps deviennent purs, ainsi que ceux de tous les êtres de tous les Univers : « La Parfaite Connaissance » est pure.

14.) Un Univers étant pur, plusieurs Univers deviennent purs, ainsi que tout l'espace infini qui n'est que pureté, calme, égalité,

15.) L'espace étant calme et égale, la « Parfaite Connaissance » devient calme et égale. Toutes choses matérielles et spirituelles des Univers étant calmes et égales, la « Parfaite Connaissance » devient calme et égale.

16.) La « Parfaite Connaissance » étant calme, infinie, répandue sur tout l'espace des Univers, toutes choses matérielles et spirituelles des Univers deviennent calmes et répandues sur tout l'espace infini.

17.) En résumé, toute cette partie exprime l'idée que : les corps des êtres, les mondes matériels des Univers, l'espace infini, en un mot, toutes choses matérielles et spirituelles sont toutes : pureté, calme, égalité, infini, tout comme la « Parfaite Connaissance ».

18.) Quand on a Réalisé la « Parfaite Connaissance », on n'est plus esclave des choses, on ne demande plus des méthodes pour se libérer, on n'est plus las du cycle de : « Vies et morts », on n'aime plus le Nirvana. On ne respecte plus les saints qui observent bien les lois sacrées, on ne déteste plus ceux qui ne les observent pas.

On n'estime plus les instruits, anciens dans la voie, ni ne sous-estime les débutants. Parce que tout est « Parfaite Connaissance ».

19.) La nature vraie de la « Parfaite Connaissance » est Unité Absolu, (sans deux, sans distinction). Elle n'aime ni ne déteste, comme la lumière qui éclaire tout, sans choix, ni privilège.

20.) Le Bouddhisattva qui a réalisé la « Parfaite Connaissance » ne se voit plus « se cultiver », ni « réaliser », car la « Parfaite Connaissance » éclaire partout, elle est calme suprême, Unité, Absolu, (sans deux).

Des milliards de milliards d'innombrables univers des univers appartenant à différents Bouddhas, sont aussi tous des illusions qui semblent se former et disparaître.

21.) Les choses et les êtres sont formés par l'assemblage temporaire des causes et des conditions favorables.

L'absolu n'est pas « oui » (c'est le monde), n'est pas « non » (ce n'est pas le monde), n'est pas esclavage, ni attachement, ni libération.

En vérité, les êtres et les Bouddhas sont « un ». Le cycle de « vies et morts » et le Nirvana sont également songes et rêves d'hier.

22) La vérité est égalité, plénitude, perfection, ne se détruisant pas. Les êtres sont, en vérité, des Bouddhas. Le cycle des « vies et morts », et le Nirvana ne sont pas nés, ne sont pas perdus, ne viennent, ni ne passent. Absolument non, pas de celui qui réalise (sujet), ni de l'état réalisé. Celui qui l'a réalisé, ne crée, ni ne laisse, n'abandonne ni ne détruit. L'état réalisé n'est pas acquis, n'est pas perdu, n'est pas pris, n'est pas abandonné,... Pas de sujet, ni d'état (objet).

23) En un mot, la « Parfaite Connaissance » n'a plus de relativité. Elle n'a plus de formes tant matérielles que spirituelles. Elle n'a pas de cycle de mouvement, de vies et de morts, pas de Nirvana, pas de souffrances ni de félicité, pas d'ignorance, ni de connaissance... etc..

La « Parfaite Connaissance » est infini, absolu, égalité suprême, sans commencement, ni fin. Les Etres voient tout le spectacle du songe d'hier : Ignorance, Nirvana,... sont pour eux des réalités.

24) Les êtres sont sujets d'erreurs et d'ignorance, parce que, au lieu de voir la vérité telle qu'elle est, ils sont esclaves de leurs illusions. Au lieu d'accepter cette vérité que « rien ne se forme », ils croient que « les choses se forment » : les choses constituent des causes et des conditions pour former les autres choses. Au lieu d'accepter que « rien ne se perd », ils croient que « les choses se perdent ».

Quand les causes et les conditions se dispersent, une chose se décompose et disparaît. Un composé n'est plus quand les composants se désunissent.

C'est pourquoi le Bouddha dit : « Les choses, étant formées grâce aux causes et aux conditions, sont comparables à des illusions... ».

Souffrances et Nirvana, Ignorance et Connaissance... toutes les choses matérielles et spirituelles, étant des « conditionnées », ne sont que des illusions. Elles sont toutes comparables à des songes d'hier.

Les Bouddhas et les Etres sont donc tous des songes d'hier. Pendant le songe, on ne peut nier ce qu'on croit voit. Au réveil, on ne peut dire que ce qu'on voit en songe existe réellement. Dans le rêve, nous voyons que c'est réel. Au réveil, tout se dissipe.

Alors, pour l'homme en rêve, ce qu'il voit n'est pas irréel. N'étant pas sorti du rêve, s'il se dit que ce qu'il voit n'est pas vrai, il est doublement sujet d'erreurs.

Il en est de même pour les êtres : N'étant pas libérés de l'ignorance, ils essayent de parler de la Parfaite Connaissance. Cette Parfaite Connaissance est sujet d'erreurs.

La « Parfaite Connaissance » n'est pas du domaine des définitions, des nominations. Elle n'est pas du domaine de vérité et d'ignorance. Elle n'est pas l'aspect de Connaissance du Bouddha, ni l'aspect de Souffrances des Etres. Elle n'a pas de « germes » des Etres, ni de celles des Bouddhas, mais elles embrasse les deux aspects :

Aspect de vérité, d'absolu, par rapport au Bouddha.

Aspect d'ignorance, de relativité, par rapport aux êtres.

Si l'on se place à un point de vue tout à fait objectif, si l'on se place du *dehors* de la « Parfaite Connaissance », on peut dire que :

— Ce n'est pas « oui » (existence) ; ce n'est pas « non » (non-existence), ce n'est ni formation, ni disparition.

— Et ce n'est pas non formation, non disparition.

— Ce n'est pas : « c'est », ce n'est pas : « ce n'est pas ».

Et ce n'est pas : « Ce n'est pas c'est... », « Ce n'est pas : ce n'est pas... ».

La parfaite Connaissance n'a aucune de toute chose, et pourtant, aucune de toute chose n'est hors d'elle.

Pas de « oui » et de « non », et pourtant, ce n'est pas non : « oui » et « non ».

Pas de sujet, et d'objet, pas de moi et de toi, non plus de cause ni d'effet, et pourtant, ce n'est pas : « Pas de sujet et d'objet, pas de cause et d'effet ».

Pas de relativité et d'absolu, en dehors de relativité et d'absolu, et pourtant ce n'est pas : « Pas de relativité, d'absolu, et d'en dehors »...

La « Parfaite Connaissance » est égalité absolue, perfection suprême, infini de l'Infini.

- 25-) Dans ce chapitre, il y a 3 questions. La réponse la plus claire est celle de la question : « comment méditer ? ». Pour les deux autres, il faut plus d'attention pour pouvoir les recéler. A voir à partir de :

« Quand le corps des êtres, qui est illusion, disparaît... ainsi de suite. »

CHAPITRE IV.

LA SUPRÊME SYNTHÈSE APPELÉE « PARFAITE CONNAISSANCE »

POURQUOI LE BOUDDHA REDEVIENT-IL DES ÊTRES ?

I.— Demande au Bouddha :

A ce moment, le Boddhisattva Kim-cuong-tang sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « Ô Grand Honoré ! Veuillez parler aux Boddhisattvas de la suprême synthèse appelée la « Parfaite Connaissance », de la méthode de réalisation progressive, en se conformant à la base fondamentale.

Veuillez aider les ignorants de la foule à se libérer des illusions et à se purifier l'esprit.

O Honoré ! Etant donné que les êtres étaient, à l'origine, devenus Bouddhas, pourquoi y-a-t-il des ignorances ?

Si les êtres possédaient ces ignorances depuis l'origine, pourquoi le Bouddha dit-il que : « Les êtres étaient, à l'origine, devenus Bouddhas ? ». Les différents êtres des Univers immenses étant, à l'origine, devenus Bouddhas, après quoi ils étaient devenus ignorants.

Alors, quand tous les Bouddhas sont-ils devenus esclaves de toutes les souffrances ?

Veuillez nous apporter la lumière nouvelle sur ces mystères. Les êtres de l'avenir pourront profiter de cette vérité pour se libérer du doute ».

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2. — Promesse de réponse

L'Illuminé dit au Boddhisattva Kim-cuong-tang :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander, au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, sur les lumières nouvelles qui éclairent les mystères. Ce sont là des enseignements les plus hauts, les plus profonds, les plus vrais, qui aident les Boddhisattvas de tous les Univers, et les êtres de l'avenir à avoir la foi suprême, se libérant à jamais du doute. »

Ecoutez attentivement, je vais vous le dire. »

Le Boddhisattva Kim-cuong-tang et la foule, tous écoutent silencieusement, le cœur joyeux.

3. — Réponse du Bouddha.

— « Mon fils ! Tous les Univers sont dans le cycle des mouvements : formation, destruction, existence, non-existence (disparition), avant(cause), après (effet), union, désunion, arrivée, départ, accueil, abandon. Les choses se suivent en chaîne de cause à effet, les idées se succédant. Quand on n'est pas encore libéré du cycle des « mouvements », et qu'on parle de la « Parfaite Connaissance », cette « Parfaite Connaissance » est aussi sujette à être mouvementée. On ne peut se dire qu'on sort du cycle des « mouvements ».

Prenons ces exemples :

— Les yeux en mouvement croient que la surface tranquille de l'eau est aussi en mouvement.

— Les yeux en repos, croient voir le cercle rouge décrite par une pointe de feu qui dessine rapidement un cercle dans le vide.

— Les nuages passant rapidement devant la lune nous donnent l'impression que c'est la lune qui se déplace.

— Les voyageurs dans un bateau en marche croient voir courir les bords de la rivière.

Ce sont les mêmes illusions.

Mon fils ! Quand on n'est pas encore libéré du cycle des « mouvements », on ne peut souhaiter qu'une chose reste inerte. On ne peut comprendre « la Parfaite Connaissance » tant que sa conscience est sujette au mouvement, tant qu'elle ne peut parvenir au calme, à la pureté.

C'est pourquoi, vous avez ces trois doutes.

Mon fils ! Revenons à l'exemple des yeux malades qui voient des scintillements dans le vide. Quand les yeux ne sont plus malades, on ne peut se demander :

— « Les yeux n'étant plus malades, quand toutes ces troubles reviennent-elles ? » Pourquoi ? — Les yeux malades et les scintillements ne s'attendent pas.

Il en est de même des « scintillements » dans le vide. Quand ces « scintillements » ne sont plus dans le vide, on ne peut se demander :

— Quand le vide redonne-t-il naissance aux scintillements ?

— Pourquoi ? Le vide n'a pas, en réalité, de scintillements. Il n'est pas né, ni ne disparaît.

Le cycle de « vies et morts » et le Nirvana, tous sont : « naissance et disparition ». La « Parfaite Connaissance » est pleine et pure. Elle n'est pas « scintillements » et « yeux malades ».

Mon fils ! Il faut savoir que :

Le vide n'a ni moment de naissance, ni moment de disparition (ni moment d'être, ni moment de non-être.)

La « Parfaite Connaissance » des Bouddhas est comparable au vide, elle est « égalité absolue »,

Mon fils ! Comme l'on extrait de l'or pur du minerai. L'or n'est pas créé du traitement du minerai. Quand l'or pur est obtenu, il ne redevient plus minerai. L'or garde toujours ses qualités.

Il ne faut pas dire : L'or n'a pas été or.

Il en est de même de la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas.

Mon fils ! La « Parfaite Connaissance » de tous les Bouddhas n'a pas, en vérité, de « Nirvana » et de « Connaissance ».

Elle n'a pas aussi de : « Devenir Bouddha », ou de : « Non devenir Bouddha ». Elle n'a pas non plus de « cycle de Vies et de Morts », et de « Non de Vies et Morts ».

Mon fils ! La Parfaite Connaissance des Arhats, étant pour eux le Nirvana dans lequel le corps et l'âme sont tous disparus complètement, ne peut jamais être comparable à celle des Bouddhas.

Jamais on ne peut, par la pensée, sonder la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas. Comme on ne peut jamais brûler les grandes chaînes de montagne avec une étincelle.

De votre conscience erronée, naît la connaissance erronée. Cette connaissance ne peut jamais parvenir à l'océan immense de calme absolu des Bouddhas.

C'est pourquoi, je dis :

« Tous les Boddhisattvas et les êtres de l'avenir doivent d'abord se libérer de la cause primordiale d'erreur, d'ignorance ».

Mon fils ! Penser ainsi : « Tout ce que nous pensons sont des images erronées du monde extérieur. Il n'est pas la véritable essence de notre conscience ».

Cette pensée est aussi illusion, comme des scintillements dans le vide.

Essayer de comprendre la « Parfaite Connaissance » avec cette pensée, ceci est comparable au vœu que les « fleurs de scintillements dans le vide » donnent naissance aux « fruits dans le vide ».

Illusion des illusions, tout n'est que illusion.

Mon fils ! La conscience erronée et superficielle donne naissance à des illusions et des erreurs. Elle ne peut parvenir au moyen de réalisation de la « Parfaite Connaissance ».

Votre question, basée sur le discernement et le raisonnement, est sujet d'erreur.

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— « Kim-cuong-tang, vous devez savoir que :

La « Parfaite Connaissance » des Bouddhas

N'a jamais de commencement ni de fin,

Si l'on se fie à sa conscience erronée

Pour raisonner et comprendre la vérité,

On ne peut parvenir qu'à l'ignorance,

Étant trop loin de l'océan du Nirvana.

— « Prenons l'exemple du traitement du minerai d'or :

L'or n'est pas créé du traitement.

Sa nature est toujours pure.

On l'extrait seulement du minerai.

Une fois extraite, l'or pur.

Ne redevient plus minerai.

« L'Ignorance » et la « Connaissance »

Les « Êtres » et les « Bouddhas »,

Tous ne sont que des « scintillements ».

Penser que « c'est illusion »,

Cette pensée est aussi illusion.

Ce n'est qu'après avoir bien compris cet enseignement,

Qu'on est capable d'étudier « la Parfaite Connaissance ».

EXPLICATIONS

1.) Le *Bodddhisattva Kim-cuong-tang* demande au Bouddha :

a) La suprême synthèse appelée « La Parfaite Connaissance. »

b) La méthode de réalisation progressive, en se conformant à la base fondamentale.

Voici ses raisonnements :

a) Si l'on dit : « Les Êtres étaient, à l'origine, devenus Bouddhas », — pourquoi y-a-t-il de l'ignorance ?

b) Et si l'on dit : « L'ignorance existait depuis toujours », — pourquoi le Bouddha dit-il que : les êtres étaient, à l'origine, devenus Bouddhas ? »...

c) Si l'on accepte que les êtres étaient, à l'origine, devenus Bouddhas, après quoi ils étaient devenus ignorants, — alors, quand les Bouddhas sont-ils devenus esclaves des souffrances ?

2.) Extrait d'un passage du chapitre précédent : — « Mon fils ! les *Bodddhisattvas* et les êtres de l'avenir... ne se voient plus «se cultiver», ni « réaliser »... La «Parfaite Connaissance» est calme suprême, unité absolue (sans-deux : êtres et boud-dha, — ignorance et connaissance, — cycle de «vies et morts» et Nirvana... n'est pas «oui» (c'est le monde), n'est pas «non» (ce n'est pas le monde)...

Alors, on s'aperçoit que les êtres sont, en vérité, des Boud-dhas, — «Ignorance» et «Connaissance» sont comparables à des songes d'hier...»

C'est en se plaçant au point de vue de : « *sans-deux* » qu'on dit :

« Les êtres sont, en vérité, des Bouddhas ».

C'est en se plaçant au point de vue de : « non « oui », ni « non » » qu'on dit : « Les êtres sont, en vérité, des Bouddhas ».

On ne se place pas au point de vue de : « avant et après » pour dire : « Avant, ce sont les Bouddhas, — puis après, viennent les êtres »... et on se base sur l'esprit de distinction, de discernement pour avoir ce doute : « Quand les Bouddhas deviennent-ils ignorants ? »....

3-) Bouddhas, êtres, connaissance, ignorance, Nirvana, souffrance, tous sont illusions comme les songes d'hier, et tous sont « sans-deux ». On croit que « c'est deux » alors que c'est « sans-deux », et de cette croyance, s'ajoute une autre : « non seulement : « c'est deux » mais encore : « avant, après » (deux : l'un avant, l'autre après). C'est pourquoi on ne peut apprécier le Bouddha, et comprendre les êtres. Et on est encore loin de savoir « la Parfaite connaissance. »

4-) Tous les Univers (formes) sont dans le cycle des « mouvements » : formation, destruction, avant, après, oui, non, accueil, abandon, ... Le cycle de « mouvements » se traduit par la chaîne des causes à effets dans le temps infini.

5-) Tant qu'on a esprit de discernement, de comparaison, on est dans le cycle des formes, on est toujours régi par la loi du « mouvement ». Dans le cycle des « mouvements », on ne peut jamais comprendre ce qui n'est pas mouvement, ce qui est calme absolu, vide total. — Les yeux en mouvement croient voir l'eau en mouvement. — Les nuages passant nous font croire que c'est la lune qui passe. — Le bateau en marche nous donne l'impression que ce sont les bords de la rivière qui courent.

Tant qu'on est dans le monde de l'esprit, de la pensée, de l'imagination, de raisonnement, de jugement, on ne peut jamais comprendre la « Parfaite Connaissance ».

6.— Les erreurs des êtres :

- a) Les yeux malades voient des scintillements dans le vide;
- b) Vouloir que ces « fleurs de scintillements » donnent naissance à des « fruits ».

c) Les yeux n'étant plus malades, quand le redeviennent-ils ?

d) Les scintillements dans le vide étant disparus, quand réapparaissent-ils ?

7) Tant qu'il existe l'esprit de discernement, tant qu'il existe les formes, le cycle des « mouvements » existe toujours.

8) Voici les trois doutes : « O Honoré ! Etant donné que les êtres étaient, à l'origine, devenus Bouddhas... esclaves de toutes les souffrances... (demande au Bouddha, au début de ce même chapitre).

9) Le vide n'a pas, en réalité, de scintillements. Il n'est pas né, ni ne disparaît. Il n'a ni moment « d'être », ni moment de « non-être ». La « Parfaite Connaissance », en vérité, n'est pas né, ni ne disparaît. Elle n'a ni moment « d'être », ni moment de « non-être ».

10) Une fois l'or pur est extrait du minerai, l'or ne redevient plus minerai. Les êtres s'efforcent de devenir Bouddha, jamais les Bouddhas ne redeviennent les êtres.

11) La « Parfaite connaissance » de tous les Bouddhas n'a pas de « Nirvana » et de « Connaissance » ; pas non plus de « cycle de mouvement » et pas de « non de cycle de mouvements ».

12) La « Parfaite Connaissance » des Arhats est tout à fait différente de la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas.

La « Parfaite Connaissance » des Arhats est conforme au degré de réalisation des Arhats. Dans cette « Parfaite Connaissance », le corps et l'âme disparaissent tous complètement.

On ne peut jamais sonder la Connaissance parfaite des Bouddhas par la connaissance limitée et erronée des Arhats, comme une étincelle ne peut brûler de grandes chaînes de montagne.

13) Avec son Karma de mouvement, on ne peut jamais parvenir à l'océan de calme absolu des Bouddhas. Essayer de décrire la Réalisation des Bouddhas, à l'aide de la pensée,

ceci est comparable au voeu que les « fleurs de scintillements dans le vide » donnent naissance aux « fruits dans le vide ».

14) La conscience erronée et superficielle donne naissance généralement à des illusions et des erreurs. Elle ne peut parvenir au moyen de réalisation de la « Parfaite Connaissance ».

15) Etant esclave de l'esprit de discernement et d'imagination, il ne faut pas parler de la vérité. Etant esclave du cycle de « mouvement », il ne faut pas parler de la « Parfaite Connaissance ». Une fois libéré de l'esprit de discernement et d'imagination, on pourra comprendre peu à peu la Vérité. Une fois libéré du cycle de « mouvement », on pourra comprendre peu à peu la « Parfaite Connaissance ».

Le cycle de « mouvement », le cycle de « Vies et morts » ayant disparu, c'est le « non-vie ». Cet état de non-vie, de calme, est le Nirvana des Arhats, ou la « Parfaite Connaissance » des Arhats.

16) Le poème résume l'enseignement de ce chapitre.

17) Dans ce chapitre, le Boddhisattva Kim-cuong-tang demande sur la méthode de réalisation progressive, en se conformant à la base fondamentale, pour parvenir à la « Parfaite connaissance. »

Le Bouddha répond : « D'abord, il faut se libérer du cycle de « mouvement ». Et le cycle de « mouvement », ce sont les formes de : formation, destruction, avant, après, oui, non... etc... »

Plus haut d'un degré : « Nirvana » et « cycle de mouvement, de vies et morts », sont aussi « naissance et disparition... » Quand on est loin de ces deux formes (Bouddha et êtres), (Connaissance et Ignorance)... etc... on pourrait commencer à parler de la « Parfaite Connaissance »...

CHAPITRE V

SE LIBÉRER DE LA CAUSE PRIMORDIALE DES SOUFFRANCES

1.— Demande au bouddha :

A ce moment, le Boddhisattva Di-lăc (Maitrăya) sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis les adresse ces paroles :

— O grand Honoré ! Veuillez parler aux Bodhisattvas du trésor des lumières inconnues pour permettre aux êtres de comprendre parfaitement le cycle de « mouvement », de discerner le vrai du faux, d'avoir l'esprit pur, sans crainte, d'avoir la foi inébranlable au grand Nirvana. de ne plus être entraînés par le milieu mouvementé, et de connaître leur entourage.

— Honoré ! Pour que les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir puissent entrer dans le grand océan du Bouddha, que doivent-ils faire pour se libérer de la cause primordiale du cycle des « mouvements » ? Combien y-a-t-il de catégories de souffrances ? Combien y-a-t-il de voies menant à la connaissance du Bouddha ? Combien y-a-t-il de moyens d'action pour sauver les êtres dans les mondes de souffrances ?

Que le Bouddha accorde sa grande pitié aux Boddhisattvas et aux êtres de l'avenir pour qu'ils puissent réaliser leurs vœux, avoir le cœur et l'esprit sereins, et posséder le sens de la Vérité ».

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de Réponse :

A ce moment, l'illuminé dit au Boddhisattva Di-lăc :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander, au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, sur les enseignements précieux, profonds et mystérieux, qui aident les Boddhisattvas à se purifier la vue, et les êtres de l'avenir à se libérer des souffrances, l'esprit parvenu à la vérité.

Ecoutez attentivement, je vais vous le dire».

Le Boddhisattva Di-lăc et la foule, tous écoutent attentivement, le cœur joyeux :

3.— Réponse du Bouddha.

— « Mon fils ! Depuis les temps infinis, tous les êtres sont esclaves des amours, des passions, des désirs, des impulsions et des instincts. C'est pourquoi ils sont esclaves du cycle de « vies et morts ». Les différentes catégories d'êtres nés des œufs, nés directement des mères, nés dans les milieux humides, nés des transmutations, tous doivent leur vie des relations sexuelles.

Il faut savoir que « l'amour » est la source du cycle de « vies et morts ». Les désirs et les passions aident à l'amour. C'est pourquoi les vies et les morts se succèdent. Le désir naît de l'amour.

La vie naît du désir. L'amour et la vie dépendent de la base qui est le désir. La passion et l'amour sont les causes. La vie esclave de l'amour est l'effet. Puisqu'on a des passions, des désirs, des impulsions instinctives, on distingue la haine et l'amour. Vis à vis de ce qui est contraire à ce qu'on « aime », on éprouve de la haine, de la jalousie, de l'esprit de lutte.

De là, naît les « Karmas », les destinées, les habitudes. De là, naissent les erreurs, les ignorances, les méchancetés, les souffrances.

De là, on tombe dans l'enfer, ou parmi les êtres inférieurs.

Quand on sait que ce sont « les passions » dont on a intérêt à s'éloigner, on s'efforce de se cultiver, de s'élever, de se libérer des désirs instinctifs, de faire le bien et d'éviter le mal.

Alors, on naît parmi les hommes ou dans les plans supérieurs à l'homme.

Etant donné qu'on sait qu'il faut éviter les passions de l'amour, qu'il faut abandonner l'amour et aimer le renoncement, cet amour du renoncement est aussi amour.

Alors, on bénéficie seulement des biens, des bonheur matériels. On est toujours esclave du cycle de « vies et morts », ne pouvant réaliser le Nirvana.

C'est pourquoi les êtres qui veulent se libérer du cycle de « vies et morts », du cycle de mouvement, doivent d'abord quitter à jamais les passions, les désirs, et expulser loin d'eux les aspirations des plaisirs matériels.

Mon fils ! Par le grand amour universel, amour sans attaches, amour désintéressé de tous les êtres, amour proche de la grâce et de la Pitié suprême, amour tout à fait contraire à l'amour passionné des êtres, c'est par cet amour que les Bodhisattvas entrent dans le cycle des « vies et morts », vivant parmi les êtres pour les sauver, pour les enseigner la libération des passions ; ils ne sont pas, en réalité, esclaves lois de la vie : Ils « affectent » de l'être.

Si les êtres de l'avenir peuvent abandonner les passions, s'ils peuvent expulser loin d'eux l'amour et la haine, s'ils peuvent quitter à jamais le cycle de « vies et morts », s'ils forment le grand vœu de parvenir à la « Parfaite Connaissance » des Boudhas, si leur cœur devient pur : Ils trouveront le chemin du salut.

Mon fils ! Tous les êtres sont condamnés à l'Ignorance, à cause des passions et des désirs. On peut se baser sur leur double esclavage pour distinguer cinq catégories de caractères parmi les êtres, leurs degrés d'esclavage étant différents.

Quels sont les deux esclavages ?

Premièrement, c'est l'esclavage du dehors : Obstacles qui affectent l'esprit ; — C'est « l'ignorance » concernant la Connaissance.

Deuxièmement, c'est l'esclavage du dedans : Obstacles qui affectent les choses matérielles ; — C'est l'ignorance concernant le cycle de « vies et morts ».

Quelles sont les cinq catégories de caractères ?

Mon fils ! Quand on ne peut se libérer des deux esclavages, on ne peut se dire : devenir Bouddha. Les êtres voulant quitter à jamais les passions et les désirs, ne peuvent se libérer d'abord que de l'esclavage du dedans. Ne pouvant se libérer de l'esclavage du dehors, ils ne parviennent qu'au nirvana des Arhats et celui des Pratyka-Bouddhas, les Nirvanas des Bodhisattvas étant loin.

Mon fils ! Tous les êtres de l'avenir qui veulent parvenir à l'océan immense de la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas, doivent d'abord former le grand vœu de se libérer à jamais des deux esclavages. Quand ces deux catégories d'obstacles sont bien « maîtrisées », on est dans les Nirvanas des Bodhisattvas.

Si l'on réussit à se libérer complètement des deux esclavages, on est dans la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas, « Parfaite Connaissance » si haute, si subtile, comprenant complètement le « grand Nirvana » et la « Connaissance ».

Mon fils ! Tous les êtres parviendront à la « Parfaite Connaissance », s'ils rencontrent de bons maîtres, s'ils se perfectionnent tantôt rapidement, tantôt lentement, en se conformant à la base fondamentale de réalisation.

S'ils sont dans la bonne voie, ils deviendront Bouddha, sont-ils petits ou grands.

Sont condamnés dans l'égarement, les êtres rencontrant de mauvais maîtres qui les conduisent dans les superstitions ou dans les fausses voies.

Ces êtres, esclaves des religions, sont innocents. C'est la faute des maîtres.

Voilà les cinq catégories de caractères des êtres.

Mon fils ! Les Bodhisattvas emploient le moyen de la Grande Pitié. Ils entrent dans les mondes pour montrer la lumière aux Ignorants. Ils « affectent » plusieurs formes, pour sauver les êtres, pour leur enseigner la vérité. Ces formes peuvent être « pour » (en harmonie avec les êtres) ; elles peuvent être « contre » (en dysharmonie, en contrariété avec les êtres) ; elles peuvent être « communs » (commun de travail, de milieu, de caractère etc...) Ces grands travailleurs réalisent leurs grands vœux formés depuis des temps immémorables.

Ô êtres de l'avenir ! Vous qui voulez réaliser la « Parfaite Connaissance », formez ce vœu grand et pur des Bodhisattvas :

— « Que je rencontre de grands maîtres, moi qui me conforme, dans cette vie, à la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas ! Loin de moi les autres religions et le petit véhicule ! Que je réalise mon vœu fidèlement. Que je me libère progressivement de tous les esclavages. La libération étant complète, le grand vœu étant bien réalisé, je parviendrai à la grande « Parfaite Connaissance » où règnent la pureté absolue et la vérité suprême ».

4.— Poème

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— « Di-lâc vous devez savoir que :

Tous les êtres de l'univers.

Ne sont pas libres totalement ;

C'est à cause des passions.

Qu'ils sont entraînés dans le courant de « vies et morts ».

• S'ils peuvent quitter à jamais l'amour, la haine

Les passions, les impulsions, les colères et les sentiments
égoïstes.

Ils peuvent parvenir au Bouddha
 Sont-ils grands ou petits.
 Ils seront complètement libres des esclavages.
 Qu'on recherche les grands maîtres indiquant la bonne voie,
 Qu'on se conforme à la grande « Parfaite Connaissance »,
 Qu'on réalise son grand vœu.
 Les Bodhisattvas de tous les Univers
 Réalisent leur grand vœu de grande pitié ;
 Ils affectent différentes formes
 En entrant dans les mondes.
 Les êtres de l'avenir
 Et les travailleurs au service de la vérité,
 Tous s'efforcent de se libérer des préjugés d'amour,
 En se conformant à la grande « Parfaite Connaissance ».

EXPLICATIONS

1.) Le Boddhisattva Di-lāc demande au Bouddha.

2.) Connaître le trésor des lumières inconnues, c'est comprendre parfaitement « le cycle de mouvement », c'est discerner le vrai du faux, c'est être libre du milieu mouvementé, c'est connaître ce qui nous entoure.

3.) Les passions, les désirs, les amours, les impulsions instinctives sont l'origine du cycle de « vies et morts ».

Amour → Désir → Vie.

La passion et l'amour sont les causes. La vie, esclave de l'amour, est l'effet.

4.) Les êtres sont condamnés à l'Ignorance, à cause des passions et des désirs. Les passions et des désirs sont l'origine de l'ignorance.

5.) Pour se libérer du cycle de « vies et morts », on doit d'abord quitter à jamais les passions et les amours.

Les êtres acceptant les passions et les amours, sont esclaves du cycle de « mouvement ».

Les Boddhisattvas utilisent le grand amour universel, la grâce suprême et la grande pitié : ils « affectent ».

6.) Existence de deux esclavages chez les êtres : Esclavage du dedans et esclavage du dehors. Se libérer de l'esclavage du dedans : c'est le Nirvana des Arhats et des Pratyka-Bouddhas. Quand ces deux catégories d'obstacles sont bien « maîtrisées », on est dans le Nirvana des Boddhisattvas. Se libérer complètement des deux esclavages : c'est la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas.

Cette « Parfaite Connaissance » comprend le Nirvana et la Connaissance.

On peut dire : « La parfaite Connaissance » appartenant aux Bouddhas. On peut dire aussi : La « parfaite connaissance » appartenant aux Arhats. Cette dernière a des limites.

7) Existence de cinq catégories de caractères, chez les êtres :

- a) Caractère des êtres vulgaires.
- b) Celui des Arhats,
- c) Celui des Boddhisattvas.
- d) Celui des instables.
- e) Celui des égarés.

8) Réalisant leurs grands vœux, les Boddhisattvas emploient les moyens de la grande Pitié. Ils entrent dans les mondes, «affectant» différentes formes, tantôt «pour» tantôt «contre», tantôt «commun», pour aider les êtres à devenir Bouddhas.

9) Le mot « commun » s'entend aujourd'hui : même front, même ligne.

10) Les êtres de l'avenir, voulant réaliser la grande « Parfaite Connaissance », forment ce vœu grand et pur :

— « Cette vie, je me conforme à la Parfaite Connaissance » des Bouddhas. J'aspire à rencontrer les grands maîtres enseignant la bonne voie. Me perfectionnant suivant le grand vœu, je me libère des esclavages. Je parviendrai à la grande « Parfaite Connaissance », où règnent la pureté, la vérité, la félicité...

11) Dans ce chapitre, le Boddhisattva Di-lâc demande au Bouddha : — Comment se libérer de la cause primordiale du cycle des « mouvements » ? — Combien y-a-t-il de catégories de souffrances ? — Combien de voies de réalisations ? — Combien de moyens pour sauver les êtres des souffrances ?

Le Bouddha dit que c'est l'amour passionné qui est l'origine du cycle de «mouvement». Les Boddhisattvas emploient le moyen de la grande Pitié pour entrer dans les mondes.

Puis, le Bouddha distingue cinq catégories de caractères :

- Caractères des êtres vulgaires,
- — des Arhats,
- — des Boddhisattvas,
- — des instables,
- — des égarés.

Ensuite, il dit : «Les Boddhisattvas « affectent » différentes formes : pour, contre, commun...»

Enfin, il parle du grand vœu de réalisation.

CHAPITRE VI

LES DIFFÉRENTS DEGRÉS DE RÉALISATION

1) Demande au Bouddha

A ce moment, le Boddhisattva Thanh-tịnh-Tuệ sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « Ô grand Honoré ! Vous nous avez parlé des choses merveilleuses, inimaginables, des choses que nous n'avons jamais vues ni entendues. Vos enseignements nous rendent de grands services. Nous nous sentons heureux.

Veuillez nous parler de la « Parfaite Connaissance » et des différents degrés de réalisation de tous les êtres, des Boddhisattvas et des bouddhas. Vos enseignements aideront les êtres de l'avenir à se conformer aux différents degrés pour réaliser leur grand vœu...

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2) Promesse de réponse

A ce moment, l'Illuminé dit au Boddhisattva Thanh-tịnh-Tuệ :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, sur les différents degrés de réalisation pour parvenir au Bouddha.

Écoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Boddhisattva Thanh-tịnh-Tuệ et la foule, tous écoutent attentivement, le cœur joyeux.

3) Réponse du Bouddha.

— « Mon fils ! En vérité, la « Parfaite Connaissance » n'a pas de caractères spécifiques. Au point de vue de vérité, elle n'a pas de caractères. C'est pour la comparer à d'autres choses de l'univers, que, conventionnellement, on établit la différence entre l'absolu et le relatif, l'infini et le fini.

En vérité, il n'y a pas de Boddhisattvas et d'êtres en elle.

Pourquoi ? — Les Boddhisattvas et les êtres, tous sont des illusions.

Les illusions disparaissant, la « Parfaite Connaissance » ne prend ni ne réalise. C'est comme l'oeil qui ne se voit pas. Il ne distingue pas. Il n'a pas besoin de raisonnement. Il voit. Il n'attend pas qu'on l'enseigne à voir.

Les êtres sont ignorants. Ils ne peuvent se libérer des illusions. Ils sont occupés à s'en débarrasser. Il y a des illusions qui sont dissipées. Il y en a à dissiper.

C'est pourquoi les êtres voient qu'il y a différents degrés de réalisation,

Si l'on parvient au degré de réalisation du Bouddha, on voit clairement que, en vérité, il n'y a pas de lieu de réalisation, ni d'homme qui réalise.

Mon fils ! Tous les êtres acceptent, depuis des temps infinis, que le « moi » existe réellement, ainsi que tout ce qui se rapporte au « moi ». Ils ne savent pas que les idées se suivent et se succèdent de secondes en secondes, au moment même où elles naissent, elles disparaissent.

C'est pourquoi ils sont esclaves de l'amour et de la haine. Ils sont liés aux plaisirs matériels. S'ils rencontrent des maîtres qui les aident à comprendre la « Parfaite Connaissance », ils reconnaîtront ce qui est « vie et mort ».

Alors, ils s'apercevront qu'ils sont esclaves d'eux-mêmes, des soucis, des souffrances, des fatigues...

Si l'on dissipe loin de soi tous ces soucis et toutes ces fatigues, on parviendra à la pureté, à la félicité et au calme. On s'apercevra que c'est soi-même qui se constitue les obstacles. C'est pourquoi, on ne peut parvenir à la « Parfaite Connaissance ».

C'est là la «façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance» des êtres vulgaires.

Mon fils ! Tous les Boddhisattvas sont gênés par les obstacles qui affectent la Connaissance : ce sont des erreurs au point de vue de «vue» et au point de vue d'«explication». Ils peuvent surmonter les obstacles du domaine d'«explications». Ils restent esclaves celles du domaine de «vue».

C'est là la façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance» des Boddhisattvas n'entrant pas encore dans les dix dernières étapes de réalisation.

Mon fils ! «Eclairer» et «Connaitre» sont tous des obstacles. C'est pourquoi, les Boddhisattvas ne se basent à aucun «lieu» pour leur connaissance. Le «lieu» éclairé et « l'homme qui éclaire», tous sont à la fois disparus dans l'égalité absolue et le calme suprême.

Ceci est comparable à un homme qui se coupe la tête. La tête coupée, il n'y a plus de l'homme qui coupe.

La raison, c'est qu'on dissipe les obstacles par l'esprit qui est aussi obstacle. Tous les obstacles disparus, il n'y a plus de l'homme qui dissipe les obstacles.

Les livres sacrés sont comparables au doigt qui indique la lune. Quand on reconnaît la lune, on voit que l'objet indiqué n'est pas la lune. Il en est de même des enseignements des Bouddhas destinés aux Boddhisattvas.

C'est là la façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance» des Boddhisattvas entrant dans les dix dernières étapes de réalisation.

— « Mon-fils ! tous les obstacles sont la connaissance parfaite. Les idées vraies ou les idées fausses sont toutes la li-

bération. Construire les bonnes lois, ou les détruire, tout est Nirvana. Connaissance et Ignorance, tous sont Vérité. Boddhisattvas et égarés, tous sont Connaissance. Ignorance et vérité, tous au même degré. La vertu, la méditation, la connaissance et l'amour, la colère, l'égoïsme, tous sont des pratiques purs pour la réalisation. Les êtres, les univers, tous sont d'une même essence. L'Enfer, le Paradis, tous sont pays heureux et purs. Ayant caractère, ou sans caractère, tous sont devenus Bouddhas. Toutes les souffrances sont libération parfaite. La connaissance, comparable à l'océan immense rayonnant à travers l'espace infini, éclaire toutes les formes, et les voit semblables au vide. C'est là la « façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas.

Mon fils ! Il est des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, ceux qui dans n'importe quel moment, n'éveillent pas les idées—qui sont fausses—. Ces êtres ne cherchent pas à anéantir la conscience—qui est erronée—. Dans les milieux,—qui sont illusions —, ils ne cherchent pas à mieux connaître. Pour ce qui est inconnu ou méconnu, ils ne raisonnent pas le vrai et le faux. Ces êtres peuvent comprendre cet enseignement. Ils n'en ressentent aucune crainte. Ils ont foi en lui.

Ils méditent souvent sur ces vérités et s'efforcent de réaliser.

C'est là la façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance ».

Mon fils ! Vous devez savoir que :

— « Ces êtres ont déjà étudié auprès des milliards de milliards de Bouddhas et de grands Boddhisattvas. Ils ont longuement cultivé la grande vertu.

Le Bouddha dit :

« Ces êtres parviendront à toutes les connaissances. »

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

« — Thanh-tịnh-Tuệ, vous devez savoir que :

La Connaissance parfaite et complète.

Ne prend, ni ne réalise.

Pas de Bodddhisattvas, ni des êtres.

Illuminés et non illuminés.

Les degrés de réalisation sont différents :

Les êtres vulgaires cherchent à se libérer des obstacles ;

Les Bodddhisattvas pas encore libres de la Connaissance ;

Et ceux entrant dans les dix dernières étapes de réalisation,

Ne se basant pas sur les formes ;

La grande Connaissance pleine et complète;

Ce sont là les «façon de ce conformer...»

Les êtres de l'avenir,

Le coeur pur et sincère, loin des illusions,

Le Bouddha dit que ces êtres

Sont des Bodddhisattvas pour cette vie.

Ils ont étudié près d'innombrables Bouddhas,

Ils ont cultivé leur grande vertu.

Quoiqu'ils disposent de plusieurs moyens,

Ceux-ci sont tous de bonnes connaissances.

EXPLICATIONS

1.) Le Boddhisattva Thann-tinh-Tuệ demande au Bouddha sur la « Parfaite Connaissance » .. et sur les différents degrés de réalisation.

2.) Réponse du Bouddha : « En vérité, la « Parfaite Connaissance » n'a pas de différents caractères. Maintenant que l'on se place au point de vue des « êtres », on accepte conventionnellement que la « Parfaite Connaissance » possède des caractères.

En vérité, dans l'absolu, il n'y a pas de Boddhisattvas et des êtres. Ceux-ci ne sont que des illusions, qui existent suivant les causes et les conditions.

3.) Une fois qu'on accepte que la « Parfaite Connaissance » a des caractères, on la transporte dans le domaine des « limites », appartenant à ce qui existe.

4.) Les Boddhisattvas et les êtres sont tous des illusions. Ces illusions disparaissant, la « Parfaite Connaissance » ne prend ni ne réalise. En vérité, la « Parfaite Connaissance » est toujours « égalité absolue ». Elle n'attend pas de dissipation, ni de réalisation, — c'est à dire des conditions, — pour être « égalité ».

5.) Les êtres, étant ignorants, sont esclaves des illusions. Il y a des illusions qu'ils réussissent à dissiper. Il y en a d'autres qu'ils ne peuvent dissiper. C'est pourquoi ils voient que ces illusions existent réellement. Pour eux, les différents degrés de réalisation existent réellement.

6.) Les êtres acceptent, par Ignorance, le « moi » et tout ce qui est cher au « moi ». Ils ne savent pas que la moindre idée naît et disparaît. C'est pourquoi ils sont esclaves de l'amour et de la haine. Ils sont liés aux plaisirs matériels. S'ils rencontrent des maîtres qui leur enseignent la « Parfaite Connaissance », ils reconnaîtront ce qui est « vie et mort ». Ils reconnaîtront leur grave erreur.

7.) La façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance »

des êtres vulgaires. — Celles des Boddhisattvas n'entrant pas encore dans les dix dernières étapes de réalisation.

— Celle des Boddhisattvas qui y entrent. — Celle des Bouddhas.

8) Les Boddhisattvas connaissent toujours qu'il n'y a pas de «lieu» pour leur connaissance, qu'il y a d'«éclairage».

9) La façon de se conformer à la «Parfaite Connaissance» des Bouddhas : — «Obstacles sont connaissance parfaite, — idées vraies ou fausses sont libération, — construire les bonnes lois ou les détruire, tout est Nirvana, — connaissance et ignorance sont vérité... ayant caractère ou sans caractère, tous sont devenus Bouddhas.

10) Ceux des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir qui n'éveillent pas les idées — qui sont fausses — ; qui ne cherchent pas à anéantir la conscience — qui est erronée — ; qui ne cherchent pas à augmenter les illusions.

Ces êtres ont déjà étudié auprès de milliards de milliards de Bouddhas et de grands Boddhisattvas. Ils ont longuement cultivé la grande vertu. Ces êtres deviendront Bouddha.

11) Le poème résumant les enseignements ci-dessus.

12) Dans ce chapitre, le Boddhisattva Thanh-tịnh-Tuệ demande au Bouddha :

a) La Parfaite Connaissance.

b) Les différents degrés de réalisation des êtres, des Boddhisattvas, et des Bouddhas.

Le Bouddha répond :

a) En vérité, la «Parfaite Connaissance» n'est pas caractère, et pourtant, elle en a. C'est à dire que, en vérité, la «Parfaite Connaissance» n'a pas de caractère de différence.

Maintenant que l'on se place au point de vue de «comparaison», on accepte conventionnellement qu'elle possède en elle différents degrés de réalisation. C'est pourquoi on distingue comme-suit...

b) On distingue quatre degrés de réalisation :

- 1— La façon de se conformer à la « Parfaite Connaissance » des êtres vulgaires.
- 2— Celle des Bodddhisattvas n'entrant pas encore dans les dix dernières étapes de réalisation. (Des 56 étapes, du Nirvana des Arhats jusqu'au Bouddha, les 46 premières étapes).
- 3— Celle des Bodddhisattvas qui y entrent (10 dernières étapes des 56).
- 4— Celle des Bouddhas.

CHAPITRE VII

PRATIQUE : TROIS FORMES DE MÉDITATION

1.— Demande au bouddha.

A ce moment, le Boddhisattva Uy-đưc tỵ-tại sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « Ô grand Honoré ! Veuillez nous expliquer plus longuement sur les façons de se conformer à la « Parfaite Connaissance ». Vos paroles parfaites nous apporteront des lumières nouvelles, des joies sans bornes.

Honoré ! Un grand rempart possède quatre portes. On peut entrer par une de ces portes. L'issue n'est pas unique. Il en est de même pour les Boddhisattvas qui réalisent la vérité : pas seulement un moyen de réalisation. Que le Bouddha nous parle longuement des moyens de réalisation et des méthodes pratiques.

Les Boddhisattvas de cette foule et les êtres de l'avenir pourront en profiter pour leur perfectionnement. »

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de réponse.

A ce moment, le Bouddha dit au Boddhisattva Uy-đưc tỵ-tại :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander, au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, sur ces moyens de réalisation.

Ecoutez attentivement, je vais vous le dire. »

Le Boddhisattva Uy-đức Tỳ-đại obéit, le cœur joyeux, et la foule écoute attentivement.

3. — Réponse du Bouddha.

Mon fils ! La « Parfaite Connaissance », la plus élevée de toute chose, embrasse l'espace infini des Univers, dans laquelle les Bouddhas et toutes les choses, tous sont égalité complète, unité absolue.

En vérité, il n'y a pas de «deux» pour la réalisation. Et pourtant, les moyens de réalisation sont innombrables, suivant les caractères des êtres. On peut les résumer en trois formes :

Mon fils ! Les Boddhisattvas, ayant reconnu la pure « Parfaite Connaissance », se basent sur cette pure Connaissance pour réaliser le silence complet.

En se purifiant, on reconnaît que les idées et les sensations sont mouvement et souffrance. L'intuition et la clairvoyance naissent du silence. Le monde extérieur, le corps et l'âme, tous disparaissent. Tout n'est que félicité et calme complet. Grâce au calme et au silence, les consciences des Bouddhas de tous les Univers apparaissent comme les images dans la glace.

Ce moyen s'appelle « SAMATHA ».

« — Mon fils ! Les Boddhisattvas, ayant reconnu la pure « Parfaite Connaissance », se conforment sur cette pure Connaissance. Ils savent que les caractères de la Connaissance et ceux des choses matérielles, tous viennent des illusions. Alors, ils emploient les illusions comme moyens pour anéantir les illusions. Les illusions, en agissant entre-elles, donnent naissance à des illusions. Parce qu'on crée des illusions, on sent naître dans son for intérieur la félicité et la grande Pitié. Les Boddhisattvas se basent sur cela pour progresser dans la réalisation. Celui qui voit en son esprit que : « tout est illusion », n'est pas, — lui —, illusion.

Seulement l'idée que : « tout est illusion » est illusion. S'éloigner des illusions, c'est là l'art merveilleux de réalisation des Boddhisattvas.

Ceci est comparable au sol qui nourrit la plante ».

Ce moyen s'appelle « Samāpatti ».

Mon fils ! Les Boddhisattvas, ayant reconnu la pure « Parfaite Connaissance » acceptent cette pure Connaissance. Ils n'acceptent pas les illusions et les formes de calme, de silence. Ils savent bien que le corps et l'âme, tous sont des obstacles, que la Connaissance est libre des obstacles. Ils se libèrent hors du domaine d'« obstacles » et de « non-obstacle ».

Les formes (les univers, le corps, l'âme) sont du domaine des souffrances, tout comme les notes sonores qui, sortant des instruments de musique, appartiennent au dehors.

Les souffrances et le Nirvana ne s'opposent pas.

Dans son for intérieur, on ressent la félicité et le vide, le vide proche de la Suprême-Connaissance. Loin des concepts « moi », « soi », corps, âme. Loin des illusions : « êtres, destinées ».

Ce moyen s'appelle Dhyāna

Mon fils ! Ces trois méthodes sont des moyens de réalisation de la « Parfaite Connaissance ».

Tous les Bouddhas de tous les Univers sont devenus Bouddhas, grâce à elles. Tous les moyens de réalisation de tous les Boddhisattvas, — qu'ils se ressemblent ou non —, se sont basés sur ces trois formes.

Si l'on réalise complètement, on parviendra à la « Parfaite Connaissance ».

Mon fils, supposons qu'il est des êtres qui, pratiquant « le petit véhicule », ont aidé de milliers de milliers d'êtres à parvenir au Nirvana des Arhats. Leurs œuvres sont inférieures à ceux des êtres qui pratiquent ces moyens de réalisation de la « Parfaite Connaissance » pendant une fraction de seconde (Satna).

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— « Uy-dûc, vous devez savoir que :

La grande « Parfaite Connaissance »
 N'a pas, en vérité, de deux formes.
 Et pourtant, suivant les êtres.
 Les moyens de réalisation sont innombrables.
 Le Bouddha les résume en trois formes :
 Le calme complet Samatha,
 Comme la glace reflétant les images,
 Le Samāpatti ou «loin des illusions»,
 Comme le germe qui pousse ;
 Le dhyāna ou le vide
 Comme les sons sortant des instruments de musique.
 Ces trois méthodes merveilleuses.
 Sont des moyens de réalisation de la Vérité.
 Les Bouddhas de tous les Univers.
 Et tous les grands Bodhisattvas.
 Sont parvenus à la «Parfaite Connaissance».
 En pratiquant ces trois moyens.
 Quand on les réalise complètement,
 On parvient au Nirvana.

EXPLICATIONS

1.— Demande :

— « Pour la réalisation de la « Parfaite Connaissance », combien de moyens et de pratiques ? ».

2.— Réponse :

La « Parfaite Connaissance » la plus élevée de toute chose, embrasse l'espace infini des Univers, dans laquelle les Bouddhas et toutes les choses, tous sont égalité complète, Unité absolue. Parce que tous sont Unité absolue, égalité complète, les Bouddhas sont toutes les choses, toutes les choses sont les Bouddhas. Et pourtant, suivant les caractères des êtres, on peut résumer les moyens de réalisation en trois formes, — quoique, en vérité, il n'y a pas de « deux » pour la réalisation.

Voici les trois formes de méditation :

a) SAMATHA : Silence complet, « arrêt ».

b) SAMĀPATTI : Agir en concentrant l'esprit sur l'idée : loin des illusions.

c) DHYĀNA : Vide absolu, en anéantissant les illusions, les souffrances et les erreurs.



CHAPITRE VIII

VINGT-CINQ SORTES DE MÉDITATION

1.— Demande au Bouddha.

A ce moment, le Boddhisattva Biện-âm sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « O grand Honoré ! Ces méthodes sont merveilleuses.

Honoré ! Combien de sortes de méditation les Boddhisattvas pratiquent-ils pour réaliser la « Parfaite Connaissance » ? Veuillez enseigner la foule et les êtres de l'avenir pour les aider à comprendre la vérité ».

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de réponse.

A ce moment, l'Illuminé dit au Boddhisattva Biện-âm :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander, au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, les façons de réaliser.

Ecoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Boddhisattva Biện-âm obéit, le cœur joyeux, et la foule écoute en silence.

3.— Réponse du Bouddha.

« Mon fils, la pure « Parfaite Connaissance » de tous les Bouddhas n'a pas, en vérité, de réalisation ni d'être qui réalise. Tous les Boddhisattvas et les êtres de l'avenir, de leurs degrés de connaissances erronnées, se basent sur les illusions pour réaliser.

De là, on distingue 25 sortes de méditation.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent le silence complet. Grâce à ce silence, ils se libèrent des souffrances. Quand ils réalisent par faitement, ils ne quittent pas leur place et entrent dans le Nirvana. Ces Bodhisattvas pratiquent seulement le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui, tout en se concentrant sur cette idée : « Tout est illusion », pratiquent toutes sortes de bonnes actions des Bodhisattvas. Ils appliquent les beautés de la vérité dans les mondes des êtres. Ils ne perdent pas de vue les idées pures, sereines, et les connaissances éclairées. Ces Bodhisattvas pratiquent seulement le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui ne cherchent qu'à anéantir les illusions. Ils n'acceptent pas les applications. Ils ne songent qu'à dissiper les souffrances. Les souffrances dissipées, ils réalisent la vérité.

Ces Bodhisattvas pratiquent seulement le Dhyāna,

— Il est des Bodhisattvas qui, d'abord, réalisent le silence complet. De la conscience calme et claire, ils voient nettement les illusions. Après, ils pratiquent les actions bonnes, belles et pures des Bodhisattvas. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samatha, puis le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent le silence complet, la conscience devient claire. Les souffrances sont dissipées. Ils sont libres des « vies et morts ». Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samatha, puis le Dhyāna.

Il est des Bodhisattvas qui emploient la clairvoyance venue du silence complet. Ils utilisent les illusions et affectent les formes pour sauver les êtres. Enfin, ils dissipent les souffrances pour entrer dans la vide. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samatha, puis le Samāpatti, enfin le Dhyāna.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force du silence complet pour dissiper les souffrances. Enfin, ils pratiquent les actions pures des Bodhisattvas, pour sauver les êtres. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samatha, puis le Dhyāna, enfin le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force du silence complet pour dissiper les souffrances, en même temps qu'ils aident les êtres, pour fonder leurs univers. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samatha, puis, en même temps le Samāpatti et le Dhyāna.

— Il est des Bodhisattvas qui, tout en prenant la force du silence complet, aident aux «affectations». Enfin, ils dissipent les souffrances. Ces Bodhisattvas pratiquent en même temps de Samatha et le Samāpatti, enfin le Dhyāna.

— Il est des Bodhisattvas qui, tout en prenant la force du silence complet, aident au vide absolu. Enfin, ils pratiquent les applications, influençant sur les mondes. Ces Bodhisattvas pratiquent en même temps le Samatha et le Dhyāna, enfin le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force acquise par l'action pour réaliser le silence complet. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samāpatti, puis le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force acquise par l'action pour réaliser le vide absolu. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samāpatti, puis le Dhyāna,

— Il est des Bodhisattvas qui affectent des illusions pour sauver les êtres. Ils restent dans le silence complet pour dissiper les souffrances. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samāpatti, puis le Samatha, enfin le Dhyāna.

— Il est des Bodhisattvas qui affectent des formes, pratiquant toutes sortes de travaux, pour dissiper les souffrances. Ils restent dans le silence absolu. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samāpatti, puis le Dhyāna, enfin le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui affectent des formes, utilisant tout comme moyens d'action. Ils réalisent à la fois le silence complet et le vide absolu. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Samāpatti, puis, en même temps le Samatha et le Dhyāna.

— Il est des Bodhisattvas qui affectent des formes, qui utilisent toutes sortes de moyens pour réaliser le silence complet. Puis, ils dissipent les souffrances. Ces Bodhisattvas pratiquent en même temps le Samāpatti et le Samatha, puis le Dhyāna.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force de l'action pour réaliser le vide absolu. Enfin, ils restent dans le silence complet. Ces Bodhisattvas pratiquent en même temps le Samāpatti et le Dhyāna, enfin le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force du vide absolu pour réaliser le silence complet. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Dhyāna, puis le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui prennent la force du vide absolu pour affecter les formes, utilisant les applications. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Dhyāna, puis le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent le vide absolu. Ils réalisent le silence complet. Enfin, ils affectent les formes. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Dhyāna, puis le Samatha, enfin le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent le vide complet. Ils connaissent que, en vérité, rien n'agit. Ils affectent des applications. Ils réalisent le silence complet. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Dhyāna, puis le Samāpatti, enfin le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent le vide complet. Ils restent dans le silence complet en affectant des formes. Ces Bodhisattvas pratiquent d'abord le Dhyāna, puis en même temps le Samatha, et le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent en même temps le vide complet et le silence absolu. Puis, ils affectent les formes. Ces Bodhisattvas pratiquent en même temps le Dhyāna et le Samatha, enfin le Samāpatti.

— Il est des Bodhisattvas qui réalisent le vide complet pour affecter les formes. Ils réalisent enfin la connaissance pure, lumineuse et le silence complet. Ces Bodhisattvas pratiquent

en même temps le Dhyāna et le Samāpatti, enfin le Samatha.

— Il est des Bodhisattvas qui, se basant sur l'esprit de la « Parfaite Connaissance », réalisent la synthèse de tout, harmonisant toutes les choses matérielles et spirituelles. Ils ne s'écartent pas de la « Parfaite Connaissance ». Ces Bodhisattvas pratiquent en même temps toutes les trois méditations pures et conformes à la vérité.

— Mon fils ! C'est là les 25 sortes de méditation des Bodhisattvas. Tous les Bodhisattvas pratiquent ces méditations. Si les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir veulent pratiquer ces sortes de méditation, ils doivent observer la pure vertu. Ils doivent méditer dans le silence complet. Ils pratiquent le « repentir » des fautes commises antérieurement, pendant 21 jours.

Chacun doit écrire ces 25 sortes de méditation sur des bouts de papier. Après avoir prié de toute la force de son âme, les Bouddhas de leur aide, il prend un bout de papier. Il saura la méditation qu'il doit pratiquer. Il saura quelle méthode doit-on suivre, ou la rapide, ou la progressive. Si l'on garde encore le moindre doute, on ne peut réussir.

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— « Bien-âm, vous devez savoir que :

La Connaissance pure et sereine.

De tous les Bodhisattvas.

Vient de la Méditation.

C'est à dire que : le Samatha,

Le Samāpatti, le Dhyāna,

De ces trois formes, suivant les méthodes « rapides »
ou lentes.

On distingue 25 sortes de méditation.

Les Bouddhas de tous les Univers,
Et les êtres de tous les temps
Doivent se conformer à ces sortes
Pour réaliser la «Connaissance».

A part les «illuminés» rapides
Et les « égarés » ne se conformant pas à la vérité,
Tous les Bodhisattvas
Et les êtres de l'avenir,
Doivent pratiquer ces sortes
Pour réaliser suivant la Vérité.

Grâce à la force de la grande pitié des Bouddhas,
Ils parviendront rapidement au Nirvana».

EXPLICATIONS

1. — En vérité : la « Parfaite Connaissance » n'a pas de méthode progressive, ni de réalisation, ni de pratique.

Pourtant, au point de vue des êtres, il faut des pratiques, des réalisations, des méthodes de méditation, après quoi, on parviendra à la « Parfaite Connaissance » des Bouddhas. Si l'on peut reconnaître notre corps même, notre corps n'est pas né, il n'a pas de naissance et de mort comme d'habitude, on recherche ce qui n'est pas « vie et mort », en opposition au relatif. On ne voit plus les formes de « vies et morts » ou de « non vies et morts »,

Pourtant, étant dans le monde des êtres, quoiqu'on dise qu'on n'accepte pas, le milieu existe réellement. C'est pourquoi, il faut des méthodes de réalisation.

2. — De leurs degrés de Connaissance erronée, les êtres se basent sur les illusions pour réaliser.

De là, 25 sortes de méditation.

3. — Il est une chose qui embarrasse fort les hommes sincères, de bonne volonté. C'est que, après avoir bien compris la « théorie », on veut s'adonner entièrement à la pratique :

Alors, on ne sait quel degré de réalisation est-on parvenu, et quels sont ses aptitudes et ses tempéraments. C'est pourquoi les « livres sacrés » et les maîtres proposent un procédé : « le tirage au sort ». Les différentes sortes de méditation sont écrites sur des bouts de papier. On met ces derniers en boules sur l'autel du Bouddha.

Après la prière et le repentir, on tire au sort. La sorte de méditation inscrite sur le bout de papier qu'on prend, est celle qu'on doit pratiquer. Dans ce cas, c'est la foi et la prière qui influencent.

Ce procédé ne sera pratiqué que temporairement, quand on n'a pas encore rencontré de maîtres déjà parvenus à certains degrés de réalisation.

Au cas où l'on rencontre de tels maîtres, on les prie d'indiquer son degré d'évolution.

Encore un procédé : Se baser sur la carte des « quatre catégories d'enseignements », qui relatent différents degrés de réalisation. Puis, on prend les livres sacrés qui décrivent longuement les différents degrés de réalisation, — des êtres vulgaires jusqu'au Bouddha. En comparant ces différents degrés de réalisation à son propre degré de connaissance, de vertu, de caractères, — tout ce qu'on a pu réaliser —, on parviendra à situer son degré de réalisation. De là, on pratique des méthodes qui conviennent à ses possibilités.

Par exemple : Nous sommes parvenus au 22^e degré, des 56 degrés — des êtres vulgaires jusqu'au Bouddha. Alors, tout ce qui a été décrit au 21^e degré, nous avons compris et pratiqué, — tandis que tout ce qui a été décrit au 23^e degré, nous n'avons pas encore compris et réalisé pour une bonne part etc...

4.— Le Boddhisattva Biện-âm demande au Bouddha : Combien de sortes de méditation pour réaliser la « Parfaite Connaissance » ?

Le bouddha répond :

— « De leurs degrés de connaissances erronnées, les êtres disposent de 25 sortes de méditation ».

5.— Il y a principalement trois formes de méditation : Le Samatha, le Samāpatti, le Dhyāna. Quoique ces trois formes soient distinctes, et qu'on puisse pratiquer à part chacune d'elles, dans la pratique, on s'aperçoit généralement que ces trois formes s'entraident. En outre, dans le désir de bien adapter aux différents comportements des êtres, on distingue 25 sortes de méditation :

— Trois formes principales :	3	} En tout, 25 sortes.
— Chaque forme donne naissance à 7 sortes :	21	
— Enfin, les 3 formes réunies	1	

D'après le poème, de ces trois formes, suivant les méthodes rapides ou lentes, on distingue 25 sortes de méditation.

6.— A première vue, ces 25 sortes de méditation semblent êtres confuses et difficilliles. Quand on étudie sérieusement les trois formes principales, on se base sur les mots : avant, puis, en même temps, enfin. Alors, tout devient clair.

7.— Il y a deux sortes d'«Illuminés rapides» :

- a) Sitôt qu'on fait, on réalise tout de suite. On n'a pas besoin de se conformer à la Vérité.
- b) Par suite d'une sorte de «communion», d'«inspiration», on réalise. On n'accepte pas de se conformer.

8.— Il y a deux sortes d'êtres ne se conformant pas à la Vérité.

- a) Les adeptes d'autres religions, qui pratiquent des méthodes ne se conformant pas à la Connaissance.
- b) Les «égarés» ne voulant pas se conformer à la Vérité.

CHAPITRE IX

« MOI », « SOI », « ÊTRE », « DESTINÉE ».

AMOUR et HAINE

1) Demande au Bouddha

A ce moment, le Boddhisattva Tịnh-chur-nghiệp-chương sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « O grand Honoré ! vous nous avez enseignés des choses merveilleuses, inimaginables. Nous voyons clairement tout ce qu'ont fait les Bouddhas, à travers les temps infinis, pour réaliser la « Parfaite Connaissance ».

Nous qui sommes des Boddhisattvas, nous en ressentons une joie immense.

Honoré ! Si la Parfaite Connaissance est toujours pure et sans taches, pourquoi devient-elle sale et impure, de sorte que les êtres ignorants ne peuvent y entrer ?

Veuillez nous indiquer la vérité des choses, pour que la foule et les êtres de l'avenir peuvent s'y conformer, donnant de beaux exemples à autrui ».

Ceci dit, il répète trois fois les salutions et les demandes.

2) Promesse de réponse

A ce moment, l'Illuminé dit au Boddhisattva Tịnh-chur-chương :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander, au nom des Boddhisattvas et des êtres de l'avenir, sur cet enseignement.

Écoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Boddhisattva Tịnh-chur-nghiệp-chương obéit, le cœur joyeux, et la foule écoute en silence.

3) Réponse du bouddha

— « Mon fils ! Tous les êtres, depuis des temps infinis, acceptent le « moi », le « soi », les « êtres », les « destinées ». Ils croient que ces quatre illusions sont leur vraie essence. De là, viennent l'amour et la haine. De l'essence qui est illusion, on ajoute un deuxième degré d'illusion. Ces deux illusious se collaborent pour créer le cycle des « illusions ». Etant esclave du Karma des illusions, on croit se voir esclave du cycle des mouvements. L'être qui déteste le «cycle des mouvements», croit voir le Nirvana.

C'est pourquoi, il ne peut parvenir à la «Parfaite Connaissance». Ce n'est pas que la «Parfaite Connaissance» l'empêche d'y entrer, C'est l'être qui entre, et non pas la «Connaissance» qui entre. C'est pourquoi : «éveiller les idées» et «anéantir les idées», tous sont ignorance.

Pourquoi ? Des temps infinis, les êtres sont esclaves de l'Ignorance. Tous les êtres n'ont pas la Connaissance vraie. Toutes les choses comme le corps, l'âme etc., sont de l'Ignorance. Prenons un exemple : l'être ne se tue pas. Cela prouve qu'il y a l'amour de «soi». On aime tout ce qui se rapporte au «moi». On est bien avec tout ce qu'on préfère. On déteste, on nourrit la haine contre tout ce qui est «contre moi». L'amour et la haine cultivent l'Ignorance. Malgré qu'on recherche la Libération, on n'arrive à rien.

Mon fils ! Qu'est-ce-que c'est que le «moi» ?

C'est la «Réalisation de la Connaissance» des êtres.

Mon fils ! Prenons un exemple : Le corps d'un être étant en bonne santé, tout est équilibre et harmonie, il semble qu'on oublie que le corps existe (le «moi»). Seulement quand arrive l'accident, quand arrive quelque chose qui fait souffrir,

on reconnaît qu'on a le «moi». C'est pourquoi on reconnaît que notre corps (moi) existe réellement.

Mon fils ! Notre conscience, de même que la réalisation du pur et parfait Nirvana des Bouddhas, tout est le «moi».

Mon fils ! qu'est-ce-que-c'est-que le «soi» ?

C'est la «reconnaissance de la réalisation de la Connaissance» des êtres.

Mon fils ! Après avoir reconnu que c'est le «moi», on n'accepte plus le «moi». Cette reconnaissance n'est pas le «moi», et l'être qui reconnaît n'en est pas aussi. La reconnaissance qui surpasse de loin tout ce qui est réalisation, c'est le «soi».

Mon fils ! La conscience et la réalisation du Nirvana, tout est le «moi». La conscience qui garde un peu de «reconnaissance» pour réaliser la vérité, tout est le «soi».

Mon fils ! Qu'est-ce-que-c'est-que l'«être» ?

C'est ce à qui la conscience de la «reconnaissance» de réalisation de la connaissance des êtres, ne peut parvenir.

Mon fils ! Par exemple un homme qui dit : «Je suis l'être» c'est à dire que l'être n'est pas «moi», et n'est pas «autre que moi».

— Pourquoi ce n'est pas moi ?

— « Je suis l'être », alors, ce n'est pas moi.

— Pourquoi ce n'est pas «autre que moi» ?

— « Je suis l'être », ce n'est pas «autre que moi».

Mon fils ! Tout ce que les êtres réalisent bien, reconnaissent bien, tout est le « moi » et le « soi ». C'est à qui le «moi» et le « soi » ne peuvent parvenir, — et pourtant, il existe la connaissance (qui réalise, qui reconnaît) —, c'est ce qu'on appelle l'« être ».

Mon fils ! Qu'est-ce-que-c'est-que la « destinée » ?

C'est la Connaissance pure et sereine des êtres, qui éclai-

re nettement les choses. Les connaissances erronées ne peuvent la comprendre. Elle est comparable à la vie.

Mon fils ! Si le conscient qui voit que toute la « Connaissance » est saleté, le sujet qui connaît et l'objet connu, tout ne peut se séparer des saletés. Ceci est comparable à l'eau bouillante qui fait disparaître la glace et la neige. Il ne reste plus de trace de glace qui sait que la glace a disparu. Il en est de même du « moi » qui connaît le « moi ».

Mon fils ! Les êtres de l'avenir, ne connaissant pas ces quatre formes, ne peuvent jamais parvenir à la Vérité, quoiqu'ils mettent des vies et des vies à pratiquer les méthodes les plus pénibles. Ils restent toujours dans le monde des apparences. C'est de qu'on appelle « les êtres « égarés » vivant auprès de bonnes lois ».

Pourquoi ? Parce qu'ils croient que tout le « moi » est Nirvana. Ils croient qu'ils réalisent parfaitement, parce qu'ils parviennent à la Connaissance, et qu'ils reconnaissent cette réalisation. Ceci est comparable à celui qui accepte le pirate comme son fils, il ne peut garder ses biens.

Pourquoi ? Parce qu'il y a le « moi » qui aime, qui désire, et que ce « moi » aime, désire la Nirvana. Il croit qu'il parvient au Nirvana quand il a maîtrisé l'amour de soi qui est la racine. Il y a le « moi » qui déteste, qui s'ennuie, et ce moi déteste le cycle de « vies et morts ». On ne sait pas que l'amour et le désir, c'est précisément le cycle de « vies et morts ». Détester spécialement le cycle de « vies et morts », c'est ce qu'on appelle « non-libération ».

Qu'est-ce-que-c'est-que la « non-libération » ?

Mon fils ! Les êtres de l'avenir réalisant la Vérité, étant parvenus à quelques degrés de réalisation, se croient déjà purs. Ils ne sont pas libérés du domaine du « moi ».

S'il y a quelqu'un qui les félicite de ces résultats, ils sont flattés, et veulent l'aider immédiatement. S'il y a quelqu'un qui les critique, ils manifestent le mécontentement.

Cela prouve que le « moi » s'enracine profondément dans le tréfonds de notre for intérieur. que l'amour du « moi » est immanent à notre âme, pas un seul moment de relâche.

Mon fils ! Quand on ne peut se libérer du « moi », on ne peut jamais parvenir à la « Connaissance » pure et parfaite.

Mon fils ! Savoir que le « moi » n'est pas, cela ne veut pas dire qu'on anéantit le « moi ».

S'il y a le « moi » qui prêche des enseignements, cela prouve qu'on n'est pas encore libre du « moi ». Il en est de même des domaines d'« être » et de « destinée ».

Mon fils ! Les êtres de l'avenir croient que les erreurs sont des lois de libération, c'est pourquoi on dit qu'ils sont pitoyables. Malgré leurs efforts et leurs peines, ils ne font que multiplier les erreurs. Ils ne peuvent parvenir à la pure Connaissance.

Mon fils ! Les êtres de l'avenir, ne sachant pas ces quatre formes, croient que la Connaissance et la Réalisation des Boudhas sont aussi les leurs ; alors, il ne peuvent jamais réussir. Ou bien, il est des êtres qui, ne réussissant pas, croient qu'ils réussissent. Ils croient qu'ils ont réalisé, alors qu'ils n'ont pas encore réalisé. Ils ressentent de la jalousie envers ceux qui leur sont supérieurs.

Ces êtres, ne pouvant se libérer de l'amour du « moi », ne peuvent entrer dans la pure « Parfaite Connaissance ».

Mon fils ! Les êtres de l'avenir, ayant l'espoir de réaliser la vérité, ne cherchent qu'à s'instruire, alors qu'ils n'aspirent pas à la connaissance saine de la voie. Ils ne font qu'augmenter la vue étroite, esclave du « moi ».

Il faut des efforts immenses pour le progrès permanent. On doit dissiper les souffrances et les soucis, Formons le grand vœu d'être héroïque et grand travailleur. N'ayant pas encore réussi, cherchons à réussir. N'ayant pas encore anéanti, cherchons à anéantir tout ce qui est de convoitise, de colère, d'amour, de haine, d'envie, de flatterie, de lâcheté.

Vis à vis du monde extérieur, restons inébranlable comme le vide. Le «moi», le «soi», «l'amour», et la «passion», tout est vide absolu.

Alors, nous sommes dans la bonne voie : nous réaliserons progressivement d'étape en étape. Nous rechercherons les bons maîtres. Nous ne seront plus égarés. Et pourtant, si nous avons de l'amour ou de la haine dans la recherche, nous n'entrerons pas dans le pur océan de la Connaissance».

4) Poème

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— « Tịnh-nghiệp, vous devez savoir que :
 — Tous les êtres.
 Parce qu'ils acceptent le «moi»,
 Sont à jamais condamnés dans le cycle des «mouvements»,
 N'étant pas libérés des quatre «formes».
 Ils ne peuvent parvenir à la Vérité.
 Le cœur encore esclave de l'amour et de la haine,
 De l'envie, de la jalousie, de la lâcheté,
 Ils sont condamnés dans l'Ignorance,
 Et ne peuvent entrer dans la «Connaissance».
 S'ils reconnaissent la bonne voie,
 Et qu'ils abandonnent tout de suite :
 Le désir, la colère, l'égoïsme.
 Le cœur n'aimant plus les «lois».
 Ils réaliseront progressivement.
 Notre corps, en vérité, n'est pas né,
 Alors, où se base-t-on pour aimer et détester ?
 L'être qui sait rechercher les bons maîtres,
 N'est pas égaré dans les fausses voies.
 Si, dans cette recherche,
 Nous sommes liés par l'amour ou la haine,
 Nous ne pourrions pas réussir.

EXPLICATIONS

1. — Le *Boddhisattva Tīrth-chur-nghiệp-chương* demande au Bouddha : « Si la « Parfaite Connaissance » est, de sa nature, toujours pure et sans taches, pourquoi devient-elle sale et impure, de sorte que les êtres ne peuvent y entrer ? »

Le Bouddha répond : « C'est parce que les êtres se trompent en acceptant le « moi », le « soi », l'« être », la « destinée »... qu'ils sont esclaves de l'amour et de la haine.

2. — D'une illusion, s'ajoute une autre illusion. Dès lors, les illusions se superposent. C'est pourquoi, on ne peut plus reconnaître la réalité... la « Parfaite Connaissance ».

3. — Quand on accepte qu'il y a vraiment le « moi », alors, il y a vraiment le « soi », l'« être », la « destinée ».

Quand on n'accepte pas que ce corps-qui est illusion-est notre vraie essence, quand on sait que le « moi » est illusion, on reconnaît alors que le « soi », l'« être », la « destinée » ne sont que des illusions du dehors. Si l'on reconnaît parfaitement que ce sont des illusions, et qu'on n'a plus d'amour et de haine, le « Karma des illusions » n'a plus de raison d'être.

4. — Une fois qu'on est esclave du cycle des illusions, sa conscience est aussi illusion et erreur. Quand on accepte que cette illusion mouvementée existe vraiment, on voit qu'il existe le Nirvana. En vérité, ce Nirvana est aussi illusion et erreur.

C'est pourquoi, on ne peut parvenir à la « Parfaite Connaissance ». Ce n'est pas que la « Parfaite Connaissance » nous empêche d'y entrer.

5. — « Entrer », c'est-à-dire que l'être qui sait réaliser peut y parvenir. Cela ne signifie pas que la « Parfaite Connaissance » l'aide à entrer.

C'est pourquoi on dit : « éveiller les idées » et « anéantir les idées », tous sont de l'ignorance.

6. — Les êtres vivent dans l'ignorance. Et l'ignorance, c'est tout ce qui est illusion et erreur. C'est pourquoi, on accepte

le « moi », le « soi », on accepte tout ce qui se rapporte au « moi », tout ce qui se rapporte au « soi », tout ce qu'on aime, tout ce qu'on déteste. L'ignorance étant cultivée, on n'arrive à rien, malgré qu'on recherche la Libération.

7.— Le « moi », c'est la « réalisation de la Connaissance » des êtres... même la réalisation du parfait Nirvana des Bouddhas, tout n'est que le « moi ».

8.— Le « soi », c'est la « reconnaissance de la réalisation de la Connaissance » des êtres. Après avoir reconnu que c'est « moi », on abandonne le « moi ». C'est là qu'on passe progressivement au domaine du « soi ». La réalisation du parfait Nirvana des Bouddhas, c'est aussi le « moi ». La conscience qui garde un peu de « réalisation », quoiqu'elle connaît parfaitement la vérité, c'est encore le « soi ».

9.— L'« Être » : c'est à qui la conscience des êtres qui réalisent la Connaissance, ne peut parvenir... ce n'est pas « moi », et pourtant, il y a des relations et des rapports avec « moi ».

10.— La « Destinée » : La connaissance pure et sereine qui éclaire nettement les choses. Les connaissances erronnées, esclaves de l'Ignorance, ne peuvent la comprendre.

11.— Les quatre formes sont :

- a) le « moi », c'est qu'on accepte que son existence est réelle.
- b) le « soi », tout ce qui n'est pas « moi », appartient à autrui.
- c) l'« être », c'est tout ce qui est commun aux êtres. Ce n'est pas spécialement à « moi », ou à autrui, c'est commun à tous les êtres.
- d) la « destinée », c'est tout ce qui n'appartient pas spécialement aux trois formes précédentes, et qui apparaît de ces trois formes.

12.— Les êtres, ne connaissant pas ces quatre formes, restent toujours dans le monde des apparences, malgré des vies

et des vies de pratique du mysticisme. Malgré leurs labeurs et leurs peines, ils ne peuvent se libérer. Quand restent encore les quatre formes, et surtout la forme du « moi », et qu'on reconnaît le Nirvana, ce Nirvana est aussi dans le domaine du « moi ». On croit qu'on réalise, qu'on connaît, alors que c'est le « moi », qui réalise, qui connaît. La vérité c'est qu'on est toujours dans le domaine du « moi », des « apparences ».

13.— Quaud il y a le « moi » qui aime, qui désire, et que ce « moi » désire le Nirvana, ce Nirvana est aussi « moi ». Quand il y a le « moi » qui déteste, et que ce « moi » déteste le cycle des « vies et morts », cela ne peut s'appeller « libération », parce qu'il appartient encore au « moi ».

14.— Il est des êtres qui, étant parvenus à quelques degrés de réalisation, se croient déjà purs. Ceux-ci ne sont pas libérés du domaine du « moi ».

S'il y a quelqu'un qui les félicite de ces résultats, ils sont contents, et veulent l'aider immédiatement. S'il y a quelqu'un qui les critique, ils sont mécontents. Cela prouve que « le moi » existe toujours

15.— Quand on ne peut se libérer du « moi », on ne peut parvenir à la « Parfaite Connaissance ». Savoir que « le moi » n'est pas ... s'il y a le « moi » qui enseigne, tout cela prouve que « le moi » existe toujours.

16.— Les êtres de ce temps ont l'habitude de considérer la connaissance et le travail des Bouddhas comme leur propre réalisation. Ils ne peuvent devenir Bouddhas.

17.— Croire qu'on parvient à quelque degré de réalisation, alors qu'on n'y parvient pas; — croire qu'on acquiert quelque chose, alors qu'on n'acquiert rien, — avoir de l'envie pour ceux qui nous sont supérieurs, — tout cela prouve l'existence de l'amour du « moi ». — Ne chercher qu'à gaver son cerveau de connaissances, sans demander à connaître la voie, cela ne fait qu'augmenter la vue étroite esclave du « moi ».

18) Des efforts immenses pour le grand travail de dissipation des souffrances, — toujours en avant, — anéantir convoitise.

colère, envie... rester inébranlables vis à vis du monde extérieur, — «moi», «soi», «amour», «passion». tout est vide complet... Le Bouddha dit qu'on réalisera progressivement.

19) Le poème résumant les enseignements de ce chapitre.

20) Le Boddhisattva Tịnh-chư-nghiệp-chư-ông demande :

« — Si la « — Parfaite Connaissance » est toujours pure et sans taches, pourquoi devient-elle sale et impure ? ».

Le Bouddha répond : « — Parce qu'on accepte que les quatre formes, : «moi, soi, être, destinée», existent réellement, on est esclave de l'amour et de la haine. On ne peut parvenir à la pure «Parfaite Connaissance» si l'on est esclave de ces quatre formes. S'il y a encore la forme du «moi», quoiqu'on a réalisé, qu'on a recherché la bonne voie, quoiqu'on abandonne le monde des «vies et morts», et qu'on réalise le Nirvana, tout n'est que le «moi».

Du «moi», naissent ce qui appartient au «moi», l'amour du «moi», et l'idée étroite esclave du «moi». Il y a toutes les formes du «moi».

21) On doit dissiper les soucis ; il faut des efforts immenses pour le progrès permanent; rechercher des bons maîtres, éviter les mauvais maîtres et les pensées erronées, abandonner tout ce qui est «moi», «soi», «toi», désir, colère, égoïsme, envie, orgueil. Un jour, on parviendra aux résultats.

CHAPITRE X

LA PRATIQUE DE LA RÉALISATION

1.— Demande au bouddha:

A ce moment, le Bouddhisattva Phô-giác sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « Ô grand Honoré ! Veuillez parler des maladies dans la pratique de la méditation, pour que la foule goûte la joie et la paix intérieure, en recevant de vous les précieux et rares enseignements.

Honoré ! Les êtres de l'avenir seront de plus en plus loin du Bouddha, étant donné que les grands Saints s'isolent, et que les fausses lois des superstitions et de mauvaises religions se répandent. Quelle catégorie de maître doivent-ils rechercher ? A quels enseignements doivent-ils se conformer ? Quels travaux doivent-ils pratiquer ? De quelles maladies doivent-ils guérir ? Comment former les grands vœux ? Vos enseignements sauveront les êtres ignorants de fausses vues».

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de réponse.

A ce moment, l'Illuminé dit au Boddhisattva Phô-giác :

— «Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander sur la façon de pratiquer la réalisation, pour que les êtres de l'avenir parviennent à une conception claire et nette de la bonne voie, et qu'ils arriveront au but suprême.

Écoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Bodhisattva Phò-giác obéit, le cœur joyeux, et la foule écoute en silence.

3) Réponse du Bouddha.

— « Mon fils ! Les êtres de l'avenir qui veulent former le grand vœu, doivent rechercher de grands maîtres. S'ils veulent progresser dans la bonne voie, ils doivent rechercher des maîtres qui connaissent parfaitement le chemin de la Libération. Ces maîtres ne s'attardent pas aux Nirvanas des Arhats, l'esprit étant libre des apparences.

Quoiqu'en apparence, ils travaillent durement dans le monde, leur conscience reste toujours tranquille et pure. Ils affectent des fautes et des péchés pour démontrer la beauté de pures vertus.

Ils ne laissent pas les êtres dans la licence et le désordre. Si les êtres savent rechercher de tels maîtres, ils pourront réaliser la Vérité suprême. Les êtres de l'avenir doivent respecter et honorer ces maîtres. Il faut leur offrir des choses les plus précieuses, même notre vie. Ces maîtres manifestent souvent la pureté et la divinité dans les différents actes de la journée. Quelquefois, ils affectent des fautes et des erreurs, leur conscience reste sans tache d'orgueil. Tout n'est pour eux que affectation : manger, boire, richesse, femme, enfants, parents.

Mon fils ! Si vous ne nourrissez pas des idées cruelles envers vos bons amis, vous réaliserez la vraie Connaissance. Votre conscience sera pure et lumineuse, rayonnant à travers l'espace infini des univers des Bouddhas.

Mon fils ! Le degré de réalisation de ces grands maîtres est très merveilleux. Ils sont libres des quatre maladies. Quelles sont les quatre maladies ?

1.— Maladie du concept de la « *pratique* » : Il est des êtres qui se disent : « Je suis décidé à pratiquer toutes les vertus pour parvenir à la « Parfaite Connaissance ». Pourtant, la « Parfaite Connaissance » n'est pas née des pratiques.

C'est pourquoi, on dit que c'est une maladie.

2.— *Maladie du « laisser-aller » :*

Il est des êtres qui se disent : « Je ne pense pas à me libérer du cycle de « vies et morts », ni à parvenir au Nirvana. Vis à vis du Nirvana et du cycle de « vie et morts », je n'ai pas d'idée de réalisation ou de libération. Je laisse les choses à leur nature. C'est de cette attitude que je réalise la « Parfaite Connaissance ».

Pourtant, la « Parfaite Connaissance », n'est pas obtenue du laisser-aller. C'est pourquoi, on dit que c'est une maladie.

3.— *Maladie de « l'arrêt » :*

Il est encore des hommes qui se disent :

— En mon for intérieur, je dissipe toutes les idées. J'obtiens le vide absolu. Tout n'est que égalité. Tout cela pour réaliser la « Parfaite Connaissance ». Pourtant, la « Parfaite Connaissance » n'est pas née de l'arrêt. C'est pourquoi, on dit que c'est une maladie.

4.— *Maladie de l'anéantissement :*

Il est des êtres qui se disent :

— « J'anéantis toutes les souffrances, tous les soucis. Le corps et l'âme sont parfaitement le néant, le néant absolu. Il en est de même du monde extérieur qui est illusion. Tout est silence absolu. — Tout cela pour réaliser la « Parfaite Connaissance ».

Pourtant, la « Parfaite Connaissance » n'est pas la forme du silence absolu.

C'est pourquoi, on dit que c'est une maladie.

Quand on est libre de ces quatre maladies, on est sûr qu'on est pur. C'est ainsi qu'on appelle la « vraie conception ». Les autres façons s'appellent « fausses conceptions ».

Mon fils ! Les êtres de l'avenir voulant pratiquer la réalisation, doivent passer toute leur vie à servir, à respecter leurs maîtres et leurs bons amis. Quand les maîtres veulent nous être proches, nous devons nous libérer de l'orgueil. Quand ils

veulent s'éloigner de nous, nous devons nous libérer du mécontentement. Quelles que soient leurs attitudes, bienveillantes ou non, nous ne voyons rien de différence. La raison, c'est que nous savons clairement que le corps et l'âme sont égalité complète, — l'égalité absolue est parmi tous les êtres. C'est en pratiquant ainsi qu'on peut réaliser la « Parfaite Connaissance ».

Mon fils ! Les êtres de l'avenir ne peuvent parvenir à la vérité, c'est à cause de tous les germes de haine, d'amour, de « moi », de « soi ». Ils sont esclaves de ces germes depuis des temps infinis. C'est pourquoi, ils ne sont pas libres. S'ils est des êtres qui considèrent leurs ennemis comme leurs parents, — il n'y a pas de distinction, — de deux —, dans leur conscience —, ces êtres sont libres des maladies. Il en est de même de l'amour, de la haine, du « moi », du « soi ».

Mon fils ! Les êtres de l'avenir voulant réaliser la « Parfaite Connaissance », doivent former le grand vœu comme suit :

— « J'aiderai tous les êtres des Univers dans tout l'espace infini, à parvenir à la « Parfaite Connaissance ».

Dans la « Parfaite Connaissance », ils ne s'accrocheront pas à la Connaissance. Ainsi, ils dissiperont toutes les formes du « moi » et du « soi ».

La façon de former le grand vœu est bonne. Elle n'est pas souillée d'idées fausses.

4.— Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— Phô-giác, vous devez savoir que :

Les êtres de l'avenir,

Voulant rechercher les bons maîtres,

Doivent rechercher les bons enseignements,

Et éviter le petit Véhicule.

Ils doivent se libérer des quatre maladies :

« Pratique », « Laisser-Aller », « Arrêt » et
« Anéantissement »

Les maîtres étant proches, pas d'orgueil,
Eux étant loins, pas de mécontentement,
Toujours du respect, quelles que soient leurs attitudes ;
Comme si nous sommes près du Bouddha,
Nous ne nous écartons pas des rites de vénération,
Notre vertu reste toujours pure,
Nous aidons tous les êtres
A parvenir à la «Parfaite Connaissance»,
Plus de formes du «moi» et du «soi».
On doit se conformer à la vraie connaissance,
Pour se libérer du degré des êtres vulgaires,
Et pour parvenir à la «PARFAITE CONNAISSANCE».

EXPLICATIONS

1.) Le Boddhisattva Phò-Giác demande au Bouddha :

— Quel travaux doivent pratiquer les êtres ? A quels enseignements doivent-ils se conformer ? Quelle catégorie de maître doivent ils rechercher ?

2.) Le Bouddha répond :

— Ils doivent rechercher des maîtres qui connaissent parfaitement les belles lois de la libération. Ils réaliseront suivant les enseignement de ces maîtres.

La conscience de ceux-ci est libre des apparences... Quoiqu'ils affectent des travaux pénibles, leur conscience reste toujours tranquille et pure. Ils affectent des fautes et des erreurs pour chanter la beauté de pures vertus.

3.) Les grands maîtres qui connaissent parfaitement le chemin du Salut et les réalités des choses, qui emploient tout comme moyen pour aider les êtres à parvenir à la vérité, sont de véritables Boddhisattvas.

4.) Ces maîtres manifestent la pureté et la divinité dans les différents actes de la journée : Marcher, debout, assis, coucher... Quelquefois, ils affectent des fautes et des erreurs, pourtant leur conscience reste sans tache d'orgueil.

5.) N'étant pas esclave des quatre maladies, on est sûr qu'on est dans la bonne voie, qu'on n'est pas égaré dans les fausses routes.

Voci les quatre maladies :

a) *Maladie de la «pratique»* : Pratiquer toutes les vertus pour parvenir à la «Parfaite Connaissance», mais la «Parfaite Connaissance» ne s'obtient pas par les pratiques.

b) *Maladie du «laisser-aller»* : Laisser-aller, ne pas se libérer du cycle de «vies et morts», ne pas demander à réaliser le Nirvana. Avoir l'idée que les choses sont comme cela. De cette attitude, on demande à réaliser la «Parfaite Connaissance», mais la «Parfaite Connaissance» n'est pas obtenue du «laisser-aller».

c) *Maladie de «l'arrêt»* : Arrêter toutes les idées. On obtient le vide absolu, l'égalité complète. Avec tout cela, on demande à réaliser la «Parfaite Connaissance», mais la «Parfaite Connaissance» n'est pas née de «l'arrêt».

d) *Maladie de «l'anéantissement»* : Anéantir tous les soucis. Le corps et l'âme deviennent le néant absolu. Tout cela pour demander à réaliser la «Parfaite Connaissance», mais la « Parfaite Connaissance » n'est pas néant absolu.

6.— Si l'on veut pratiquer la réalisation, on doit servir et respecter les bons maîtres. Si ceux-ci nous sont proches, ne soyons pas orgueilleux. S'ils nous sont lointains, ne soyons pas mécontents. S'ils nous sont bienveillants ou malveillants, considérons tout cela comme le vide.

7.— Depuis des temps infinis, les êtres sont esclaves des habitudes du « moi », du « soi », de l'amour et de la haine. C'est pourquoi ils ne sont pas libres.

8.— S'ils considèrent leurs ennemis comme leurs parents, si leur conscience n'a pas de distinction, pas de « deux », ils sont loin des maladies.

9.— Les êtres de l'avenir, voulant réaliser la « Parfaite Connaissance », forment ce vœu : « J'aiderai tous les êtres dans l'espace infini à parvenir la « Parfaite Connaissance », sans qu'ils s'accrochent à elle ».

10.— Le poème résumant les enseignements de ce chapitre.

11.— Le Boddhisattva Phô-giác demande au Bouddha :

— Quelle catégorie de maître les êtres doivent-ils rechercher ?

— A quels enseignements doivent-ils se conformer ?

— Quels travaux doivent-ils pratiquer ?

— De quelles maladies guérir ?

— Comment former les grands vœux ?

Le Bouddha répond :

— « Il faut rechercher les grands maîtres, — se conformer à la connaissance parfaite de la bonne voie, — pratiquer des travaux qui sont des moyens de réalisation de ses vœux. Ces moyens étant tantôt « pour », tantôt « contre », et pourtant, sa conscience reste tranquille et pure. Quelquefois, on affecte des fautes ou des erreurs pour enseigner des êtres. Se libérer des quatre maladies. Former le grand vœu d'aider tous les êtres de tous les Univers dans l'espace infini, à réaliser la « Parfaite Connaissance », sans qu'ils s'accrochent à elle ».

12.— Ajoutons un passage pour avertir les hypocrites qui déforment les grandes vertus et les grands travaux désintéressés des Bodhisattvas pour cacher leurs péchés :

— « Les Bodhisattvas attaquent les formes et non les connaissances ; ils attaquent les connaissances fausses, et non les connaissances vraies ; ils attaquent les connaissances erronées et non la « Parfaite Connaissance » ; ils attaquent les pseudo-Connaissances » et non les vraies « Connaissances » ; ils attaquent les « Parfaites Connaissances » des Arhats, des Bodhisattvas, des Bouddhas et non la pure et parfaite « Parfaite Connaissance ». Ils attaquent les formes, les apparences, les conceptions de la pure et parfaite connaissance, et non la « Parfaite Connaissance ».

13.— Les Bodhisattvas attaquent les apparences et non la pureté de l'âme. Parfois, ils affectent des erreurs et des fautes ... c'est pour le dehors, pour l'apparence. En vérité, leur conscience reste toujours tranquille et pure. Les affectations servent de moyens pour enseigner et aider les êtres. Il est des êtres qui profitent de ces affectations des Bodhisattvas pour cacher leurs péchés et leurs hypocrisies. Ils s'en servent comme prétexte de leurs fautes.

CHAPITRE XI

PRATIQUE DE LA MÉDITATION

1.— Demande au bouddha.

A ce moment, le Bodhisattva Viën-Giác sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente des salutations profondes suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— « Ô Grand Honoré ! Veuillez nous enseigner les moyens de parvenir à la pure Connaissance. Les êtres de l'avenir en profiteront.

— Honoré ! Nous sommes éclairés. Pour les êtres de l'avenir, étant loin du Bouddha, n'étant pas éclairés, comment pratiquent-ils l'isolément pour méditer conformément à la pure « Parfaite Connaissance ». Des trois formes de méditation, par laquelle doit on commencer ? Veuillez enseigner la foule et les êtres de l'avenir. »

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de réponse :

A ce comment, l'Illuminé dit au Bodhisattva Viën-Giác :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander sur ces moyens. C'est très utile pour les êtres.

Ecoutez attentivement, je vais vous le dire. »

Le Bodhisattva Viën-Giác obéit, le coeur joyeux, et la foule écoute en silence.

3.— Réponse du bouddha

— « Mon fils ! Les êtres ayant des caractères de Bodhisattvas, soit qu'ils sont du temps de la présence du bouddha,

soit qu'ils sont du temps de son absence, soit du temps de la décadence du Bouddhisme, ces êtres, ayant foi à la grande « Parfaite Connaissance » des Bouddhas, veulent pratiquer la réalisation. S'ils sont pris par les charges ou les devoirs quotidiens, soit qu'ils doivent gérer une pagode, soit qu'ils doivent administrer une foule —, ils peuvent s'arranger des heures disponibles pour leur méditation.

S'ils ne sont pas occupés, ils peuvent disposer un lieu tranquille pour une période consacrée exclusivement à la Méditation. La période longue sera de 120 jours, la période moyenne, 100 jours, la période courte, 80 jours.

Si c'est du temps de la Présence du Bouddha, leurs pensées doivent être pures et sincères. Si c'est du temps de l'absence du Bouddha, ils doivent mettre des statues ou des portraits du Bouddha sur l'autel.

Leur conscience pure ne nourrit que des pensées sincères, respectueuses, comme si le Bouddha est présent. Ils ornent l'autel de fleurs. Pendant 21 jours, ils présentent de profondes salutations à tous les Bouddhas de tous les Univers. Ils demandent chaleureusement à se repentir. S'ils sont sincères, si les circonstances sont favorables, leur conscience sent la tranquillité et la félicité. Après 21 jours, ils s'adonnent à la Méditation.

Si c'est du temps de la saison d'isolément (3 mois), on se conforme à la pure vertu des Bodhisattvas, le cœur loin des Arhats, on ne fait pas partie de la foule des bonzes.

Le jour de l'isolément, on parle ainsi au devant du Bouddha.

— « Je suis le Bhikkhu, ou la Bhikkhuni, l'Upāsaka, ou l'Upāsika, appelé... x ... Je me range parmi les Bodhisattvas. Je demande à pratiquer la méditation la plus profonde. Je me conforme à la vérité pure. Je prends la grande « Parfaite Connaissance » comme pagode pour purifier mon corps et mon âme. J'aspire à l'isolément complet, au silence absolu, à l'égalité suprême, à la liberté parfaite. Respectueusement, je m'adonne à ces prières. Je ne suis pas les Arhats. Pendant trois mois,

je m'adonne à l'isolement, pour être auprès de tous les Bouddhas et de tous les grands Bodhisattvas de l'espace infini. C'est là la base fondamentale pour réaliser la «Parfaite Connaissance». C'est là la pratique des Bodhisattvas. On ne doit plus suivre la foule des bonzes».

Mon fils ! C'est ce qu'on appelle l'affectation de l'isolement des Bodhisattvas. Après cette période, on peut reprendre normalement le travail quotidien.

Mon fils ! Si les êtres de l'avenir, voulant pratiquer la réalisation des Bodhisattvas, voient que la période d'isolement n'est pas conforme à ce qu'on vient de dire, ils ne doivent pas l'accepter,

Mon fils ! Les êtres réalisant le Samatha doivent d'abord garder un calme absolu. Pas une seule idée. «Silence absolu» veut dire connaissance. Silence, d'abord pour un corps, ainsi de suite jusqu'à un Univers. Il en est de même de la «Connaissance».

Mon fils ! Si la «Connaissance» embrasse tout un Univers, dans cet univers, s'il y a un être qui a une idée, elle doit le savoir. Il en est de même des centaines de milliers d'Univers. Si ce n'est pas ainsi, on ne doit pas accepter.

Mon fils ! Les êtres réalisant le Samāpatti doivent d'abord penser à tous les Bouddhas et à tous les Bodhisattvas de tous les Univers. Se conformant à différentes méthodes de réalisation, ils s'adonnent à toutes sortes de travaux pénibles. Ils forment de grands vocux. En se cultivant, les germes grandissent. Si ce n'est pas ainsi, on ne doit pas accepter.

Mon fils ! Les êtres réalisant le Dhyāna, doivent d'abord savoir sa méthode de méditation suivant la respiration. Dans leur conscience, ils savent nettement les aspects et les détails de chaque idée qui naît, qui dure un certain temps et disparaît, les aspects durant les différents actes. Ils distinguent clairement la suite rapide et subtile des idées enchevêtrées. Ainsi de suite jusqu'à ce qu'ils connaissent parfaitement une goutte de pluie parsemée parmi des centaines de milliers d'Uni-

vers, aussi objectivement que si leurs yeux voient directement les objets.

Si ce n'est pas ainsi, on ne doit pas accepter.

Ce sont là les moyens primordiaux des trois formes de méditation.

S'il est des êtres qui pratiquent à la fois ces trois formes, s'ils s'y adonnent acharnément, on peut dire que : « — C'est le Bouddha qui est présent au monde ».

S'il est des êtres de l'avenir qui, de caractère lent, ne peuvent réussir malgré leur vœu de réalisation, C'est à cause de lourds fardeaux de leurs fautes antérieures. Ils doivent s'acharner à se repentir. Ils doivent aspirer à se libérer de l'amour, de la haine, de l'envie, de la flatterie, de l'intrigue.

Ils forment le vœu de parvenir au plus haut stade de réalisation. Des trois formes de méditation, il faut choisir une. Si l'on ne réussit pas avec l'une d'elles, on en choisit une autre. On s'obstine à pratiquer et à réaliser progressivement.

4. — Poème :

A ce moment, le Bouddha résume ses enseignements dans le poème suivant :

— « Viën Giác, vous devez savoir que :

Tous les êtres de l'Univers

Voulant parvenir à la vérité suprême,

Doivent d'abord se réserver

Une période d'isolément.

Pendant 21 jours,

Ils doivent se repentir de leurs fautes antérieures.

Après, c'est la méditation,

Si ce n'est pas ainsi.

On ne doit pas accepter.

Samatha, c'est le silence complet.

Samāpatti, c'est se souvenir de...

Dhyāna, c'est méditer suivant la respiration...
On les appelle : Trois pures méditations.
Si l'on s'adonne à ces trois formes à la fois,
C'est ce qu'on dit :
Présence du Bouddha.
Les « lents » ne pouvant réussir,
Doivent s'adonner au repentir,
De toutes leurs fautes antérieures.
Si les obstacles se dissipent.
La vérité apparaîtra».

EXPLICATIONS

1. — Le Bodhisattva Vièn-Giác demande au Bouddha :

— « Les moyens de parvenir à la « Parfaite Connaissance »

— Par laquelle des trois formes de Méditation doit-on commencer ?

2. — Si l'on est occupé par les devoirs de Bouddhiste, on se dispose d'un temps déterminé pour se consacrer à la Méditation.

Si l'on peut être libre, on se réserve des périodes comme suit.

3. — On peut se disposer de période plus ou moins longue : ou 120 jours, ou 120 jours, ou 80 jours, pour se consacrer exclusivement à la Méditation. Si c'est du temps de la Présence du Bouddha, sa conscience doit être pure et sincère. On doit se conformer à de bonnes lois. Si c'est du temps de l'absence du Bouddha, on doit mettre des statues et des images du Bouddha sur l'autel. l'orner de fleurs, le coeur sincère comme si le Bouddha est présent. Saluer tous les Bouddhas de tous les Univers, — demander à se repentir. Après 21 jours, c'est l'isolément.

4. — Si la période choisie se coïncide avec la saison d'isolément (3 mois d'été), on parle ainsi au devant du Bouddha :

— « Je me nomme... Je demande à réaliser le vide absolu. Je prends la grande « Parfaite Connaissance » comme pagode. Je m'isole dans l'esprit d'égalité suprême. Je n'accepte pas la pratique des Arhats. Je demande à m'isoler auprès des Bouddhas et des Bodhisattvas pendant trois mois.

5. — *Pratique du Samatha* : Conscience absolument calme. Pas un seul ride.

— *Pratique du Samâpatti* : Penser à tous les Bouddhas et à tous les Bodhisattvas de tous les Univers. Apprendre à pratiquer tous leurs actes, toutes leurs vertus, à réaliser leurs vœux.

— *Pratique du Dhyāna* : Méditer suivant la respiration :
L'Aspiration et L'Expiration

6.— Si l'on s'adonne acharnément à ces trois formes à la fois, on peut dire que « C'est le Bouddha qui est présent au monde. »

Sinon, pratiquer une à une de ces formes de méditation. Si l'on ne réussit pas avec l'une d'elles, on en choisit une autre, jusqu'à ce qu'on réussit finalement.

7.— Le poème résumant les enseignements de ce chapitre.

8.— Dire que si l'on ne réussit pas avec l'une d'elles, on prend une autre méditation. Dans la pratique, la réalisation d'une seule forme de méditation est convenable à chaque séance à part. Si l'on s'adonne entièrement à une seule forme, on s'aperçoit que, souvent, cela est tout à fait contraire à la nature de la conscience des êtres.

On peut pratiquer toutes les trois formes : A tout moment qui est convenable à chacune d'entre-elles, on pratique cette forme seule.

Chaque moment convient à chaque forme. C'est la méthode la plus rapide et la plus pratique. Elle convient bien à la psychologie des êtres.

CONCLUSION

CHAPITRE XII

1.— Demande au Bouddha.

A ce moment, le Bodhisattva Hiên-thiên-thủ sort de la foule, se prosterne devant le Bouddha, lui présente de profondes salutations suivant les rites, puis lui adresse ces paroles :

— Ô Grand Honoré ! Vous nous avez enseignés des choses merveilleuses, à nous et aux êtres de l'avenir.

Honoré ! Comment s'appelle cet enseignement du grand véhicule ? Comment se fier à lui ? Quels résultats bénéficient-ils les êtres qui le pratiquent ? Comment le protéger ? Dans quels pays le propagera-t-on ?

Ceci dit, il répète trois fois les salutations et les demandes.

2.— Promesse de réponse.

A ce moment, l'Illuminé dit au Bodhisattva Hiên-thiên-Thủ :

— « Très bien ! Très bien ! Mon fils ! Vous pouvez me demander, au nom des Bodhisattvas et des êtres de l'avenir, sur le nom et la valeur de cet enseignement,

Ecoutez attentivement, je vais vous le dire ».

Le Bodhisattva Hiên-thiên-Thủ obéit, le cœur joyeux, et la foule écoute en silence.

3.— Réponse du Bouddha.

— « Mon fils ! Cet enseignement est celui qu'ont prêché les Bouddhas innombrables comme de centaines de milliers de milliards du nombre de grains de sables dans le Gange.

C'est celui que tous les Bouddhas du Passé, du Présent et de l'Avenir protègent et gardent. C'est celui que vénèrent tous les Bodhisattvas des Univers. C'est l'oeil pur et sain des douze catégories de livres sacrés.

Ce livre s'appelle : « La synthèse suprême de tous les infinis, de tous les absolus, appelée « Parfaite Connaissance » ; il s'appelle aussi : « L'enseignement le plus élevé, représentant la vérité absolue » ; il se nomme aussi : « Le roi des Méditations suprêmes et mystérieuses » ; et aussi : « La véritable réalisation des Bouddhas », et aussi : « les différents aspects de réalité de l'espace infini embrassant tous les Univers des Univers. »

Mon fils ! Ce livre sacré représente exclusivement la réalisation des Bouddhas. Seuls les Bouddhas peuvent le décrire exactement. Les Bodhisattvas et les êtres de l'avenir, en se conformant à cet enseignement, peuvent réaliser progressivement, et parviendront à la réalisation des Bouddhas.

Mon fils ! Ce livre sacré s'appelle « la méthode rapide du grand véhicule ». Les êtres de nature « rapide » peuvent être éclairés, grâce à lui. Il embrasse en même temps toutes les méthodes « lentes ». C'est comparable à l'océan immense qui embrasse tous les petits ruisseaux. Même les insectes peuvent se désaltérer de son eau.

Mon fils ! S'il est des êtres qui accumulent les sept sortes de pierres précieuses, — les trois milliards d'Univers étant pleins de ces pierres précieuses —, et qu'ils distribuent ces trésors aux êtres, — ceci est moins utile que le travail d'un être qui écoute le titre de ce livre sacré ou qui comprend un de ses enseignements.

Mon fils ! S'il est des êtres qui ont aidé des êtres innombrables dont le nombre est comparable à celui des grains de

sable d'une centaine de Ganges, à parvenir au Nirvana des Arhats, ceci est moins utile que le travail d'un être qui explique la moitié d'un poème de ce livre sacré.

Il est des êtres qui, écoutant le titre de ce livre sacré, gardent pour lui une foi profonde. Il faut savoir que ces êtres sont cultivé leur esprit et leur vertu auprès, non seulement d'un ou de deux Bouddhas, mais d'innombrables Bouddhas. A travers le temps infini, ils se sont habitués à écouter les enseignements de ce livre sacré prêchés dans différents Univers des Bouddhas, Univers aussi nombreux que les grains de sables du Gange.

Mes fils ! Vous devez protéger les êtres qui se conforment à ce livre sacré, au temps de l'absence du Bouddha. Ne laissez pas les égarés et les méchants les troubler et les obliger à renoncer à leur vœu».

A ce moment, sortent de la foule le Kim-cuong-hỏa-thủ, le Kim-cuong-tôi-toái, le Kim-cuong-ni-lam-bà...etc..., les quatre vingts mille de Kim-cuong, accompagnés de leurs parents. Ils se prosternent devant le Bouddha, lui présentent de profondes salutations suivant les rites, puis lui adressent ces paroles :

— Ô Grand Honoré ! S'il est des êtres de l'avenir qui peuvent se conformer aux enseignements de ce livre sacré, nous les protégerons, nous les entourerons de soins comme si nous protégeons nos yeux. Nous les suivrons n'importe où, n'importe quand, pour qu'ils ne renoncent pas à leur vœu. Leur maison ne sera pas exposée aux accidents, aux épidémies. Elle sera remplie de biens et de vivres !

A ce moment, sortent de la foule le grand Brahma, les 28 rois des Univers célestes, les Tu-di-son-vương, les Hộ-quốc-thiên-vương... etc... Ils se prosternent devant le Bouddha, lui présentent de profondes salutations suivant les rites, puis lui adressent ces paroles :

— « Ô Honoré ! Nous protégerons aussi ceux qui se conformeront à ce livre sacré. Ils trouveront la paix et ne reculeront pas».

A ce moment, sortent de foule le grand et fort roi des Quỳ, nommé Cát-bàn-Trà, et cent mille de Quỳ-vương.

Ils se prosternent devant le Bouddha, lui présentent de profondes salutations suivant les rites, puis lui adressent ces paroles :

— « Ô Honoré ! Nous aussi, nous protégerons ceux qui se conformeront aux enseignements de ce livre sacré. Jour et nuit, nous les aiderons à ne pas reculer. Un Do-tuần autour de leur domicile, s'il est des êtres méchants qui y pénètrent, nous pulvériserons ces derniers sans pitié. »...

Le Bouddha vient d'achever les enseignements de ce livre sacré. Tous les Boddhisattvas, tous les Dieux de toutes sortes et leurs parents, toute la foule obéit, le cœur plein de joie, de foi, et d'espérance.

EXPLICATIONS

1.— Le Nirvana des Bouddhas, seuls les Bouddhas peuvent tout décrire.

2.— Ce livre sacré appartient à la catégorie des méthodes rapides du grand véhicule. Il embrasse en même temps toutes les méthodes lentes, comme la Terre embrassant les Continents.

3.— Ecouter le titre de ce livre ou un de ses enseignements, cela est plus utile que donner sept sortes de pierres précieuses regorgeant trois milliards d'univers.

— Aider d'innombrables êtres à parvenir au Nirvana des Arhats, ceci est moins utile que le travail qui consiste à expliquer la moitié d'un poème de ce livre sacré.

4.— Les Kim-cuong forment le vœu de protéger ceux qui se conforment à ce livre sacré.

5.— Les Rois des Univers célestes (divins) les protègent aussi

6.— Le grand Roi Cát-bàn-trà quỷ-vương et cent mille de Quỷ-vương les protègent aussi.

NOTES DU VÉNÉRABLE HUYÉN-CO

Ce livre sacré appartient à la catégorie des livres sacrés les plus élevés. Il est en dehors du domaine du relatif. Il est aussi en dehors des domaines du relatif et de l'absolu. Il est encore en dehors des mots : «absolu» et «non-absolu». Il en est de même du vide : «Il ne faut pas dire qu'il y a des scintillements, qu'il n'y a plus de scintillements, qu'il n'y a pas de scintillements».

La conscience des êtres est «mouvementée», c'est pourquoi il y a tout le spectacle du mouvement. Prenons un exemple :

— « Quand on est en songe, on voit tout le spectacle du songe».

La conscience n'étant plus «mouvementée», le spectacle du mouvement n'est plus.

Montons d'un degré : « Il n'y a pas d'apparition, alors, il n'y a pas de disparition. Pour l'apparition, il n'y a pas d'apparition. Pour la disparition, il n'y a pas de disparition. Il n'y a plus de mot : «non-apparition», « non-disparition».

Au point de vue de la Vérité, tout est Vérité. Au point de vue des réalités des êtres et des choses, tout est mouvement.

Il n'y a pas de Vérité, comme il n'y a pas de mouvement. Vérité et mouvement sont comparables au songe d'hier. Les ignorants voient le mouvement. Les illuminés reconnaissent la Vérité. Pour l'Ignorance, il n'y a pas d'Ignorance. Et pour l'Illumination, il n'y a pas d'Illumination. Il n'y a pas d'Ignorance. Il n'y a plus d'Illumination.

Ignorance et Illumination, tout est absolument non.

Une fois qu'on n'est pas encore parvenu, on se libère de l'Ignorance à l'aide d'Illumination.

Pratiquer le SAMATHA, le SAMĀPATTI, le DHYĀNA pour parvenir à la pure

« PARFAITE CONNAISSANCE »

TABLE DES MATIÈRES

<i>PRÉFACE</i> du vénérable Thích Tâm-Châu . . .	115
<i>INTRODUCTION</i> du Professeur Tuệ-Quang. . .	117
<i>INTRODUCTION</i> du Vénérable Huyền-Cơ . . .	127
A.— INTRODUCTION	131
B.— PARTIE PRINCIPALE	131
<i>CHAPITRE I.—</i> « Base fondamentale de réalisation du Bouddha. Le Boddhisattva Văn-Thù (Manjusri) demande au Bouddha.	131
<i>CHAPITRE II.—</i> « Loin des Illusions ». Le Boddhisattva Phổ-Hiền (Samantabhadra) demande au Bouddha	139
<i>CHAPITRE III.—</i> « La Réalisation méthodique ». Le Boddhisattva Phổ-Nhãn demande au Bouddha	145
<i>CHAPITRE IV.—</i> « La suprême synthèse appelée « Parfaite connaissance ». Le Boddhisattva Kim-cương tặng demande au Bouddha	158
<i>CHAPITRE V.—</i> « Se libérer de la cause primordiale des souffrances ». Le Boddhisattva Di-lặc (Maitreya) demande au Bouddha	167
<i>CHAPITRE VI.—</i> « Les différents degrés de réalisation ». Le Boddhisattva Thanh-tĩnh-tuệ demande au Bouddha	175

CHAPITRE VII. — « Pratique » : Trois formes de Méditation ».	
Le Bodhisattva Uy-dưc-tự-tại demande au	
Bouddha	138
CHAPITRE VIII. — « 25 sortes de méditation »	188
Le Bodhisattva Biện-âm demande au Bouddha.	
CHAPITRE IX. — « moi », « soi », « être », « destinée », « amour	
et haine »	197
Le Bodhisattva Tịnh-chư-nghiệp-chư-ơng	
demande au Bouddha.	
CHAPITRE X. — « La Pratique de la Réalisation »	207
Le Bodhisattva Phổ-Giác demande au Bouddha.	
CHAPITRE XI. — « Pratique de la Méditation »	215
Le Bodhisattva Viên-Giác demande au Bouddha.	

C. — CONCLUSION

CHAPITRE XII. — Le Bodhisattva Hiền-thiện-thủ demande	
au Bouddha.	222
Notes du vénérable Huyền-Cơ.	227
Table des matières	228



NOTES

- 10) Les notes et les explications sont du vénérable Huyền-Cơ.
- 20) Les divisions en chapitres, et les titres de chapitre sont du Professeur Tuệ-Quang.

ĐÍNH-CHÍNH

Trang	Dòng	In lầm	Xin đọc
13	20	Gia	Giác
15	31	tất những	tất cả những
23	23	bái	cái
25	7	bao	bay
26	30	có	cái
30	22	mặt mà	mặt ngọc mà
47	13	hồi.	hồi,
98	23	bệnh tâm	bệnh, tâm
99	11	thề	thế
100	22	niệm.	niệm —
111	6	thần	nhân

ERRATA

Page	ligne	Au lieu de	lire
117	18	morts » esclaves	morts », esclaves
118	20	Du plans humain	Du plan humain
118	23	Quoiqu'on dis	Quoiqu'on dise
120	2	Boddhisattvas	Boddhisattvas
123	29	se différent	se diffèrent
127	13	instuition	intuition
134	19	Réalistion	Réalisation
136	28	âme	d'âme
141	26	de mêmes de moyens	de même des moyens
142	25	l'idée, subtile	l'idée subtile
143	19	negatives	négative
159	26	décrite	décrit
160	18	réalite	réalité
161	22	sont	est
162	20	pur .	pur,
164	17	infidi	infini
169	10	des bonheur	des bonheurs
169	23	esclaves lois	esclaves des lois
170	13	par viennent	parviennent
173	5	conaitre	connaître
—	12	des désirs	les désirs
—	19	ils « affecten »	ils « affectent »
178	5	égoïsme	égoïsme
—	21	eu	en
179	5	illuminés.	illuminés,
—	12	façon	façons
—	—	ce	se
181	6	qu'il y a d'«éclairage»	qu'il n'y a pas d'«éclairage».
184	30	progresser	progresser
185	10	souffrancel	souffrances
186	3	êtres .	êtres,
—	12	merveilleuses.	merveilleuses,
—	15	Boddhisattvas.	Boddhisattvas,
—	18	connaissance.	connaissance
189	4	par faitement	parfaitement
—	30	la	le
191	27	mêm	même
192	4	spirituelles	spirituelles
194	18	réalisation	réalisation
—	8	habitude	habitude
196	2	difficilliles	difficiles
199	13	consnience	conscience
200	13	de	ce

KINH VIỄN GIÁC
IN TẠI NHÀ IN TRƯỜNG SƠN
14, NGUYỄN AN NINH SAIGON
GIẤY PHÉP SỐ 529 / XB CẤP
NGÀY 20 - 3 - 64